

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Yên
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG
KHÔNG - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Yến
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thu**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Yên

Mã SV: 1354010174

Lớp: QT1305K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát được những lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng trong tháng 2 năm 2012.
- Đánh giá được những ưu nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu tháng 2 năm 2012 tại đơn vị thực tập

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh hải Phòng

Địa chỉ: Số 65 Nguyễn Trãi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thi, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày..... tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.1. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1.1. Doanh thu	3
1.1.1.2. Chi phí	5
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.1.3. Nội dung và cách thức xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	12
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	13
1.2.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	13
1.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
1.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14
1.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	20
1.2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng.....	29
1.2.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	31
1.2.3. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp	33
1.2.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	33
1.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính	35
1.2.4. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác	37
1.2.4.1. Kế toán thu nhập khác.....	37
1.2.4.2. Kế toán chi phí khác.....	39
1.2.5. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	41
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	43

1.3. Tổ chức sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	46
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	46
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	46
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	47
1.3.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	47
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	48
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	49
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG.....	51
2.1. Giới thiệu chung về công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	51
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	51
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không:.....	52
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	55
2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	55
2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	56
2.1.3.3. Một số chế độ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	59
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	60
2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	60
2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	61
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	61
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	61
2.2.2.3. Phương pháp hạch toán.....	62
2.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	70
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	70

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	70
2.2.3.3. Phương pháp hạch toán.....	70
2.2.4. Kế toán chi phí tại công ty.....	83
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	83
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	83
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	84
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	103
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	103
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	103
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	103
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	110
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	110
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	110
2.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	110
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	127
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	127
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	127
2.2.6.3. Phương pháp hạch toán.....	127
CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG....	149
3.1. Nhận xét chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - chi nhánh Hải Phòng.....	149
3.1.1. Ưu điểm.....	149
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.....	150
3.1.1.2. Về hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....	151
3.1.1.3. Về bộ máy quản lý.....	151
3.1.2. Hạn chế.....	152
3.2. Định hướng phát triển của công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	153
3.3. Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng.....	154
KẾT LUẬN.....	174
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	176

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian thực tập tại công ty gần 2 tháng tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng em đã rút được ra rất nhiều kinh nghiệm mà trong quá trình ngồi trên ghế nhà trường em chưa biết được.

Để có kiến thức và kết quả thực tập ngày hôm nay, em xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến:

- ❖ Toàn thể các thầy cô, các cán bộ công nhân viên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng nói chung và các thầy cô trong ngành kế toán - kiểm toán nói riêng đã tận tình truyền đạt kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về kế toán kiểm toán và cả kinh nghiệm sống quý báu, hữu ích cho em trong suốt quãng thời gian trên giảng đường, khi đi thực tập và cả sau này.
- ❖ Em cảm ơn cô Nguyễn Thị Thu, giảng viên Trường Đại Học Hải Phòng, là giảng viên trực tiếp hướng dẫn khóa luận đã hết lòng hỗ trợ, giúp đỡ em từ lúc chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập đến khi hoàn thành chuyên đề này.
- ❖ Cảm ơn toàn thể anh chị kế toán của phòng kế toán tổng hợp và đặc biệt là chị Nguyễn Thị Khánh Trang kế toán tổng hợp của công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng đã tạo cơ hội cho em được thực tập tại phòng kế toán, hướng dẫn, giả thích và cung cấp số liệu cho em , giúp em tiếp cận với thực tế công tác hạch toán kế toán tại công ty để học hỏi kinh nghiệm, bổ sung thêm kiến thức để em hoàn thành chuyên đề và giúp ích cho công việc sau này.
- ❖ Xin kính chúc quý thầy cô trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, cô Nguyễn Thị Thu giảng viên hướng dẫn trường đại học Hải Phòng và toàn thể anh chị phòng kế toán công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng dồi dào sức khỏe và thành công trong công việc. Xin kính chúc quý Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh!

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đỗ Thị Yến

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế hiện nay, bất kỳ một doanh nghiệp, hay một công ty nào khi bước vào lĩnh vực kinh doanh thì mục tiêu chính hướng tới chính là lợi nhuận. Công ty muốn tồn tại, phát triển và đứng vững trên thị trường thì việc kinh doanh phải có lợi. Để đạt được mục tiêu đó thì đầu ra hay nói cách khác là kết quả tiêu thụ một sản phẩm là một trong những điều kiện của doanh nghiệp, công ty cần phải quan tâm đến. Muốn mang lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp thì công ty phải đánh giá được những thế mạnh, điểm yếu, sức cạnh tranh, yếu tố cung - cầu của xã hội để từ đó khắc phục những điểm yếu của mình đồng thời phát huy mọi ưu điểm để công ty đạt được lợi nhuận cao nhất tiến tới khẳng định vị trí trên thị trường. Nhưng trên thị trường, cạnh tranh là một điều thiết yếu không thể tránh khỏi vì vậy đòi hỏi doanh nghiệp, công ty phải chuẩn bị kế hoạch đúng đắn cho sự phát triển lâu dài. Một trong những kế hoạch đó là việc sử dụng nguồn vốn và chi phí sao cho hợp lý để hoạt động của công ty tiến hành thuận lợi hơn thì công việc kế toán rất quan trọng. Cuối kỳ, việc xác định kết quả kinh doanh phải kịp thời, chính xác để nhà quản lý nắm vững tình hình công ty, nắm bắt cơ hội kinh doanh giúp cho doanh nghiệp ngày càng phát triển. Nhận thấy tầm quan trọng của tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, nên em đã chọn đề tài: "*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng*" để làm khóa luận tốt nghiệp cho mình với mong muốn đi sâu nghiên cứu và tìm hiểu rõ hơn thực tiễn công tác kế toán tại đơn vị.

2. Mục đích nghiên cứu

Khi tiến hành nghiên cứu chuyên đề, chuyên đề hướng tới những mục tiêu:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Khảo sát thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - chi nhánh Hải Phòng để đưa ra những nhận xét, đánh giá về ưu nhược điểm, từ đó đề xuất các biện pháp để hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không – Chi nhánh Hải Phòng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* *Đối tượng nghiên cứu*

- Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - chi nhánh Hải Phòng.
- Các chứng từ ghi nhận doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh kết chuyển lãi, lỗ của công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không chi nhánh Hải Phòng.

* *Phạm vi nghiên cứu:*

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - chi nhánh Hải Phòng trong tháng 2/2013

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, em đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp điều tra, thu thập số liệu, ghi chép: bằng việc sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp và nghiên cứu, tìm hiểu các sổ sách, báo cáo kế toán từ phòng Tài vụ và phòng tổ chức hành chính của công ty để thu thập những số liệu cần thiết cho đề tài.
- Phương pháp phân tích: trên cơ sở hệ thống số liệu thu thập được, thông qua sàng lọc xử lý số liệu để từ đó là cơ sở cho việc phân tích thực tế hoạt động của đơn vị.
- Phương pháp tổng hợp: thông qua việc tổng hợp những số liệu, chứng từ làm cơ sở để tiến hành nghiên cứu.

5. Nội dung kết cấu của đề tài

Đề tài: " Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - chi nhánh Hải Phòng" ngoài phần mở đầu và kết luận được chia thành 3 chương cụ thể:

Chương 1 : Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không – chi nhánh Hải Phòng.

Chương 3 : Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - chi nhánh Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- ✓ Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán bất động sản đầu tư.
- ✓ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hay nhiều kỳ kế toán như: cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

b. Doanh thu bán hàng nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- ✓ Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- ✓ Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- ✓ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- ✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- ✓ Lãi tỷ giá hối đoái;
- ✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- ✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- ✓ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

d. Thu nhập khác

Là khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- ✓ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- ✓ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- ✓ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- ✓ Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- ✓ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- ✓ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- ✓ Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- ✓ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

e. Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng, doanh nghiệp cần có những chế độ khuyến khích đối với những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ được chiết khấu thương mại, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm doanh thu gọi là doanh thu thuần.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

✓ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cơ người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt phụ thuộc về người bán như hàng hóa kém sản phẩm chất, không đúng quy cách, hàng xấu, giao hàng không đúng hẹn...

✓ Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách,... Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt là sắc thuế đánh vào một số hàng hóa dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục Nhà nước quy định. Nó là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

✓ Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu phải nộp thuế này.

✓ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên GTGT thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng và nó tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.1.2. Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 " Chuẩn mực chung" ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí là một khái niệm cơ bản nhất của bộ môn kế toán, của việc kinh doanh và trong kinh tế học, là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể. Nói một cách khác, hay theo phân loại của kế toán tài chính thì đó là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch,.. nhằm mua được các loại hàng hóa dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh. Như vậy, có nhiều loại chi phí khác nhau.

a. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

b. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm,... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng,...

- Chi phí bảo hành: dùng để phản ánh khoản chi phí dùng để bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi,...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khác ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng,...

c. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám Đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,...

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc,...

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

d. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

e. Chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác.

g. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

○ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

○ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

○ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận của doanh nghiệp bao gồm:

○ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

○ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; chi phí tài chính; chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

○ Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

○ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

○ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể mang giá trị âm hoặc dương (lỗ hoặc lãi). Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

➤ Dựa trên sự phản ánh của kế toán tài chính bao gồm các hoạt động cơ bản sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

➤ Dựa trên mối quan hệ với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm các hoạt động cơ bản sau:

- Hoạt động kinh doanh:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

Cụ thể như sau:

❖ *Hoạt động sản xuất kinh doanh*: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ. Trong đó bao gồm:

• **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

• **Các khoản giảm trừ doanh thu** bao gồm:

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng** tính theo phương pháp trực tiếp.

✓ **Chiết khấu thương mại**: là khoản doanh nghiệp bán hàng giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ **Giảm giá hàng bán**: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✓ **Giá trị hàng bán bị trả lại**: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

• **Giá vốn hàng bán**: Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

• **Chi phí bán hàng**: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

• Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{HĐ sản} \\ \text{xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{DTT về bán} \\ \text{hàng và} \\ \text{cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

❖ *Hoạt động tài chính*: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Bao gồm:

- *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.
- *Chi phí hoạt động tài chính*: Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array}$$

❖ *Hoạt động khác*: là các hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Bao gồm:

- *Thu nhập khác*: Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Chi phí khác: Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.1.3. Nội dung và cách thức xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và các kết quả hoạt động khác.

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh chính và phụ trong doanh nghiệp.

Công thức tính như sau:

$$\text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$$

➤ **Kết quả từ hoạt động tài chính**

Kết quả hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

➤ **Kết quả từ hoạt động khác**

Kết quả từ hoạt động khác của doanh nghiệp là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$\text{Kết quả hoạt động kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính}$$

Hay:

$$\begin{array}{rcccccccc}
 \text{Kết quả} & & & & & & & & DT \\
 \text{HĐKD} & = & \text{Doanh} & - & \text{Giá} & - & \text{Chi} & - & \text{Chi} & + & \text{hoạt} \\
 & & \text{thu} & & \text{vốn} & & \text{phí} & & \text{phí} & & \text{động} \\
 & & \text{thuần} & & \text{hàng} & & \text{bán} & & \text{tài} & & \text{tài} \\
 & & & & \text{bán} & & \text{hàng} & & \text{chính} & & \text{chính} \\
 & & & & & & & & \text{QLDN} & &
 \end{array}$$

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt hàng nào còn hạn chế. Từ đó, doanh nghiệp có thể đưa ra giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để có thể tổ chức công tác kế toán thật hợp lý và phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thể hiện cụ thể:

➤ *Đối với doanh nghiệp*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

Đối với Nhà nước

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

➤ ***Đối với nhà đầu tư***

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

➤ ***Đối với tổ chức trung gian tài chính***

Các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

➤ ***Đối với nhà cung cấp***

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

1.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ ***Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:***

- Việc xác định và ghi nhận phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực số 14 " Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC và các Chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

- Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- 1- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc giao cho người mua;
- 2- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- 3- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- 4- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- 5- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kì thì doanh thu được ghi nhận trong kì theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kì đó.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- 1- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- 2- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- 3- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- 4- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch về nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính

thực sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế), và doanh nghiệp phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong một kỳ kế toán.

- Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán; dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu tiền hoặc sẽ thu tiền.

- Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu, như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa,... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

- Về nguyên tắc, cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động SXKD. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh". Các tài khoản thuộc loại tài khoản doanh thu không có số dư cuối kỳ.

- Đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Những doanh nghiệp nhận giao công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

➤ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng nội bộ

- Kế toán doanh thu nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Các khoản doanh thu này chỉ sử dụng cho các đơn vị có bán hàng nội bộ giữa các đơn vị trong một công ty hay một Tổng công ty.

- Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ công ty, Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

- Không hạch toán vào tài khoản này các khoản doanh thu bán sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị không trực thuộc công ty, Tổng công ty; cho công ty con, cho công ty mẹ trong cùng tập đoàn.

- Tài khoản 512 phải được hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ cho từng đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng công ty hoặc Tổng công ty để lấy số liệu lập báo cáo tài chính hợp nhất.

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01-GTKT3/001) đối với những

đơn vị hạch thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02-GTGT/001) đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi tiền mặt (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo Nợ, giấy báo có của Ngân hàng
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

Có 5 tài khoản cấp hai:

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa*
- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm*
- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*
- *Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá*
- *Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ"**

Có 3 tài khoản cấp hai:

- *Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hóa*
- *Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm*
- *Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911

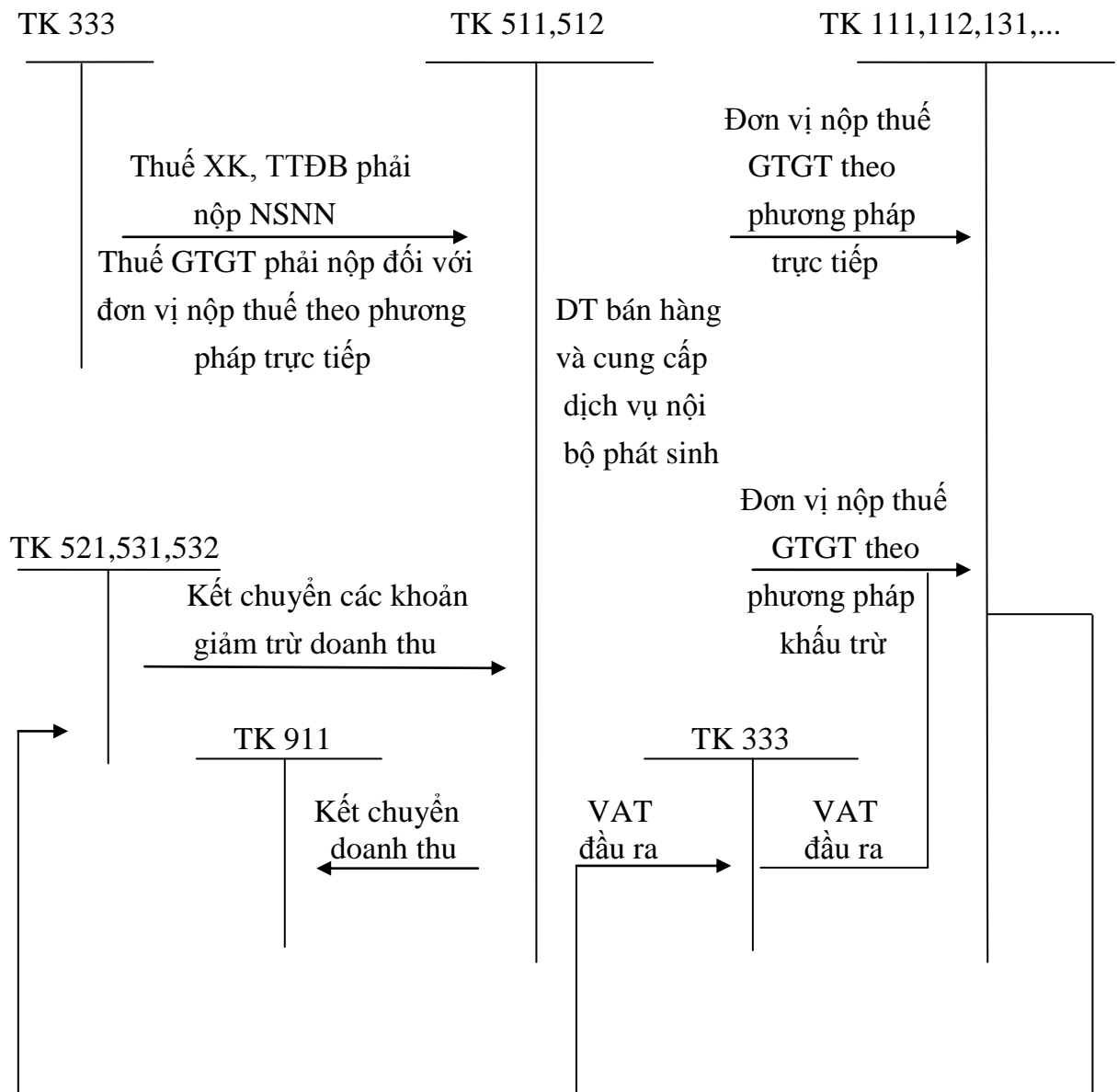
Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

1.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Các phương pháp xác định giá vốn

Muốn xác định đúng đắn kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hóa trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hóa mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu

hàng hóa giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

Theo Chuẩn mực số 02-HTK ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

- *Phương pháp giá thực tế đích danh*: được sử dụng với các loại hàng hóa đặc biệt có giá trị cao và có tính tách biệt hoặc được áp dụng đối với những doanh nghiệp có ít mặt hàng, mặt hàng ổn định. Theo phương pháp này, hàng được xác định trị giá theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất. Khi xuất lô hàng nào thì sẽ được xác định theo giá thực tế đích danh của lô hàng đó.

- *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{SL \text{ tồn đầu kỳ} \times DG \text{ tồn đầu kỳ} + SL \text{ nhập trong kỳ} \times DG \text{ nhập}}{SL \text{ tồn đầu kỳ} + SL \text{ nhập trong kỳ}}$$

- Bình quân liên hoàn:

$$DG \text{ sau mỗi lần nhập} = \frac{Giá \text{ trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{Số \text{ lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- *Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)*: Theo phương pháp này, hàng nào nhập về trước sẽ xuất trước; xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số nhập hàng sau theo giá mua thực tế của từng lượng hàng. Trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ được coi là số hàng nhập lần đầu tiên.

- *Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)*: Theo phương pháp này, hàng nào nhập về sau cùng sẽ xuất ra trước tiên; xuất hết số nhập sau cùng đó đến số nhập ngay trước đó. Phương pháp này ngược với phương pháp nhập trước - xuất trước.

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03-VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán"**

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Giá vốn hàng xuất bán trong kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

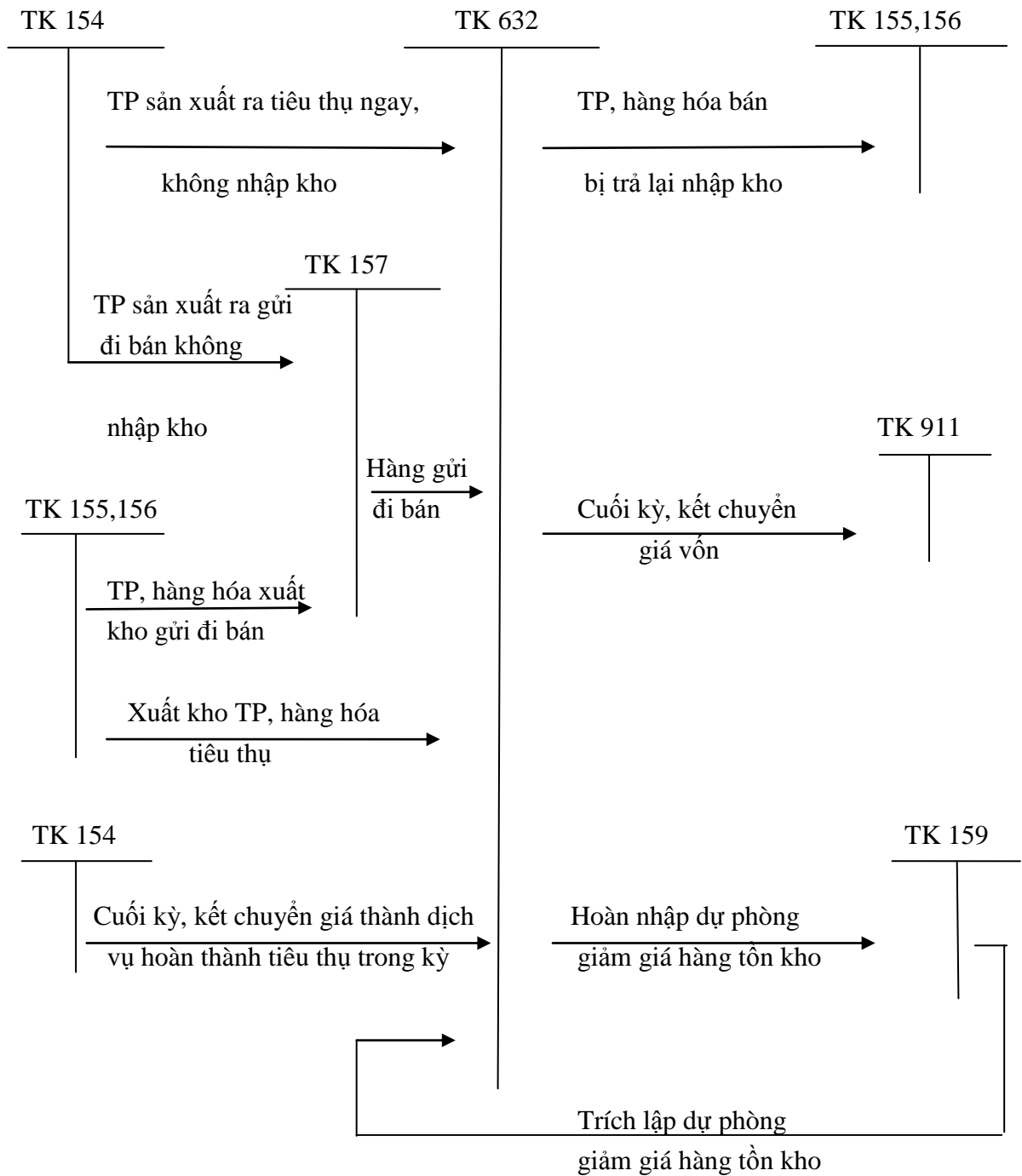
- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

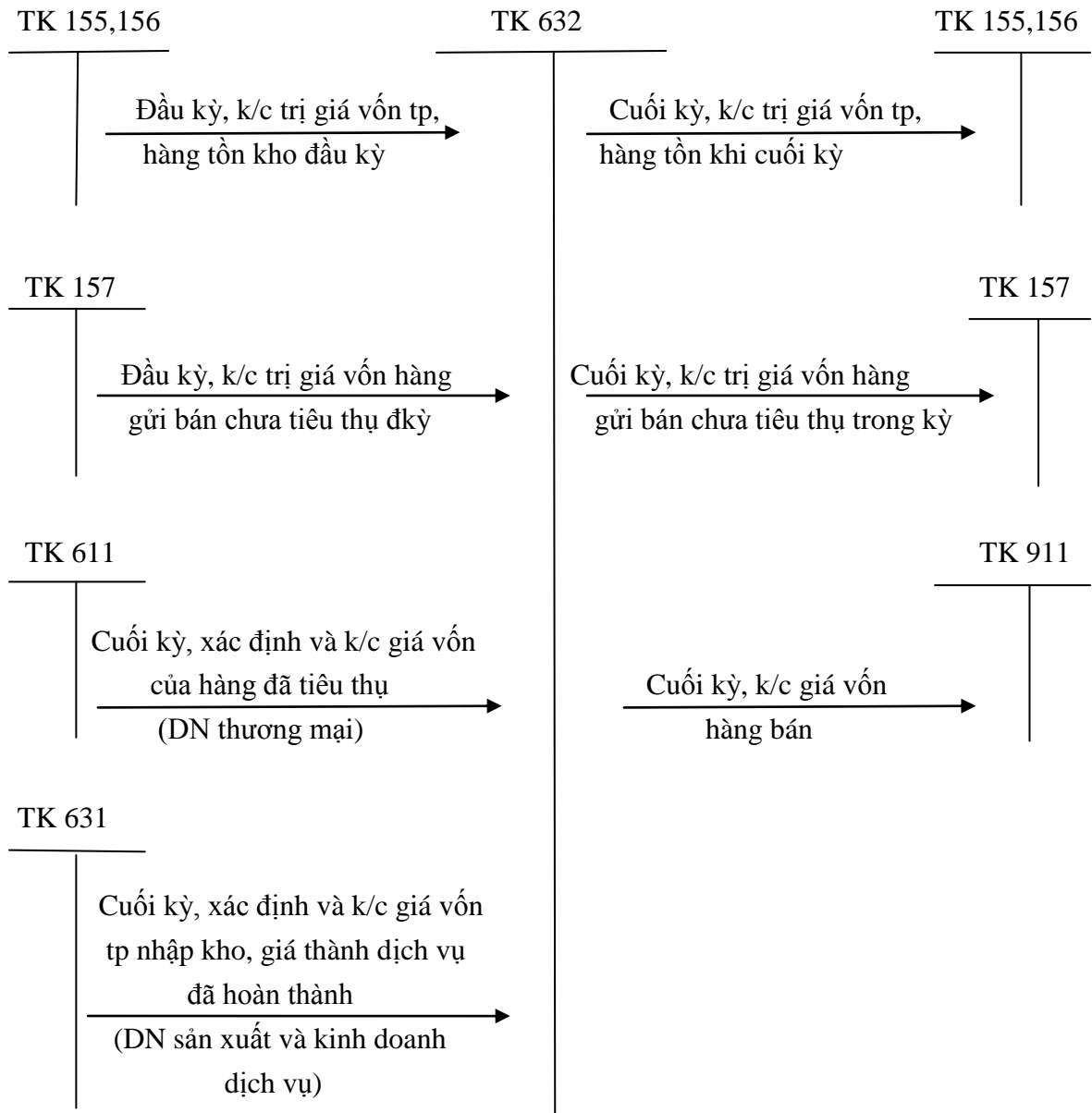
c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

- *Đối với chiết khấu thương mại:*

+ Tài khoản này chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên "Hóa đơn GTGT" hoặc "Hóa đơn bán hàng" lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng khôn tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

+ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản Chiết khấu thương mại. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

+ Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ.

+ Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được sử dụng để xác định doanh thu thuần của khối sản phẩm, dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ báo cáo.

- *Đối với Hàng bán bị trả lại:*

+ Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại(tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn).

+ Trong kỳ, giá trị của sản phẩm, hàng hóa đã bán bị trả lại được phản ánh bên Nợ tài khoản 531 "Hàng bán bị trả lại". Cuối kỳ, tổng giá trị hàng bán bị trả lại được kết chuyển sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc tài khoản doanh thu bán hàng nội bộ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo. Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm, hàng hóa và xử lý theo chính sách tài chính, thuế hiện hành.

- *Đối với Giảm giá hàng bán:*

+ Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp nhận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn(Giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

+ Trong kỳ kế toán, khoản giảm giá hàng bán phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ của Tài khoản 532 " Giảm giá hàng bán". Cuối kỳ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính thực hiện kết chuyển tổng số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc Tài khoản 512 " Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần thực hiện trong kỳ.

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Chứng từ thanh toán như phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng,...
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 521 " Chiết khấu thương mại"**

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 531 "Hàng bán bị trả lại"**

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 532 "Giảm giá hàng bán"**

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã cấp nhận cho người mua hàng do hàng kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong HDKT.

Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ".

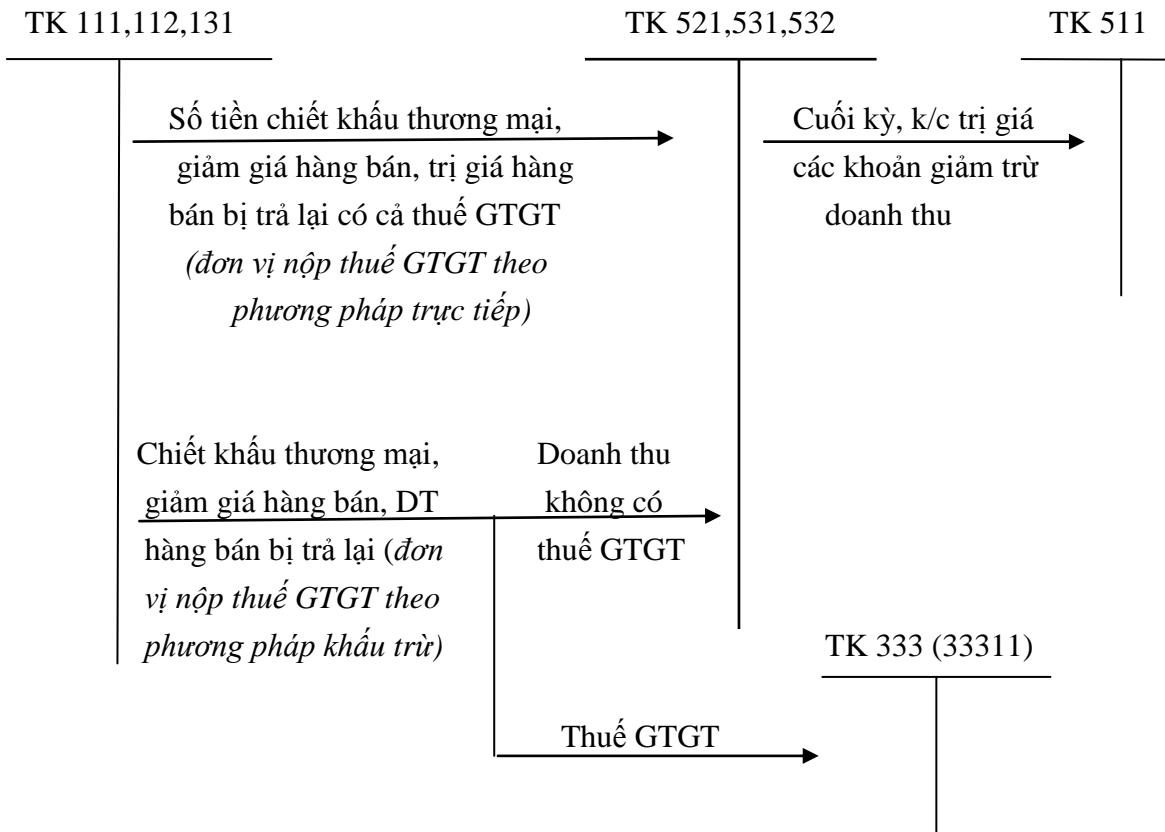
Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

* Ngoài ra còn sử dụng tài khoản 333 "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước", phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu (TK 3333).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

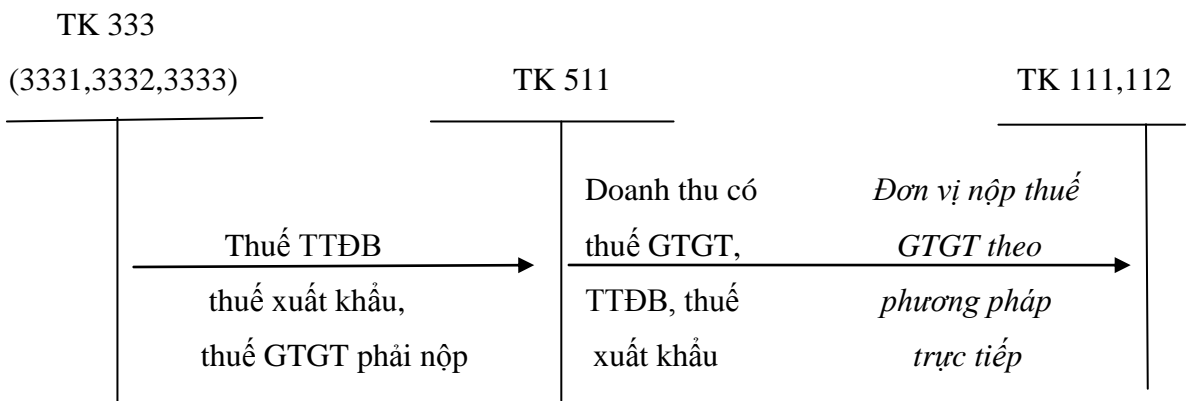
c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.4: Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



➔ Trình tự kế toán các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu: Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu

Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu



1.2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT3/001)
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - Công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - VT)
- Giấy báo Nợ của ngân hàng

b. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 " Chi phí bán hàng"

Có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

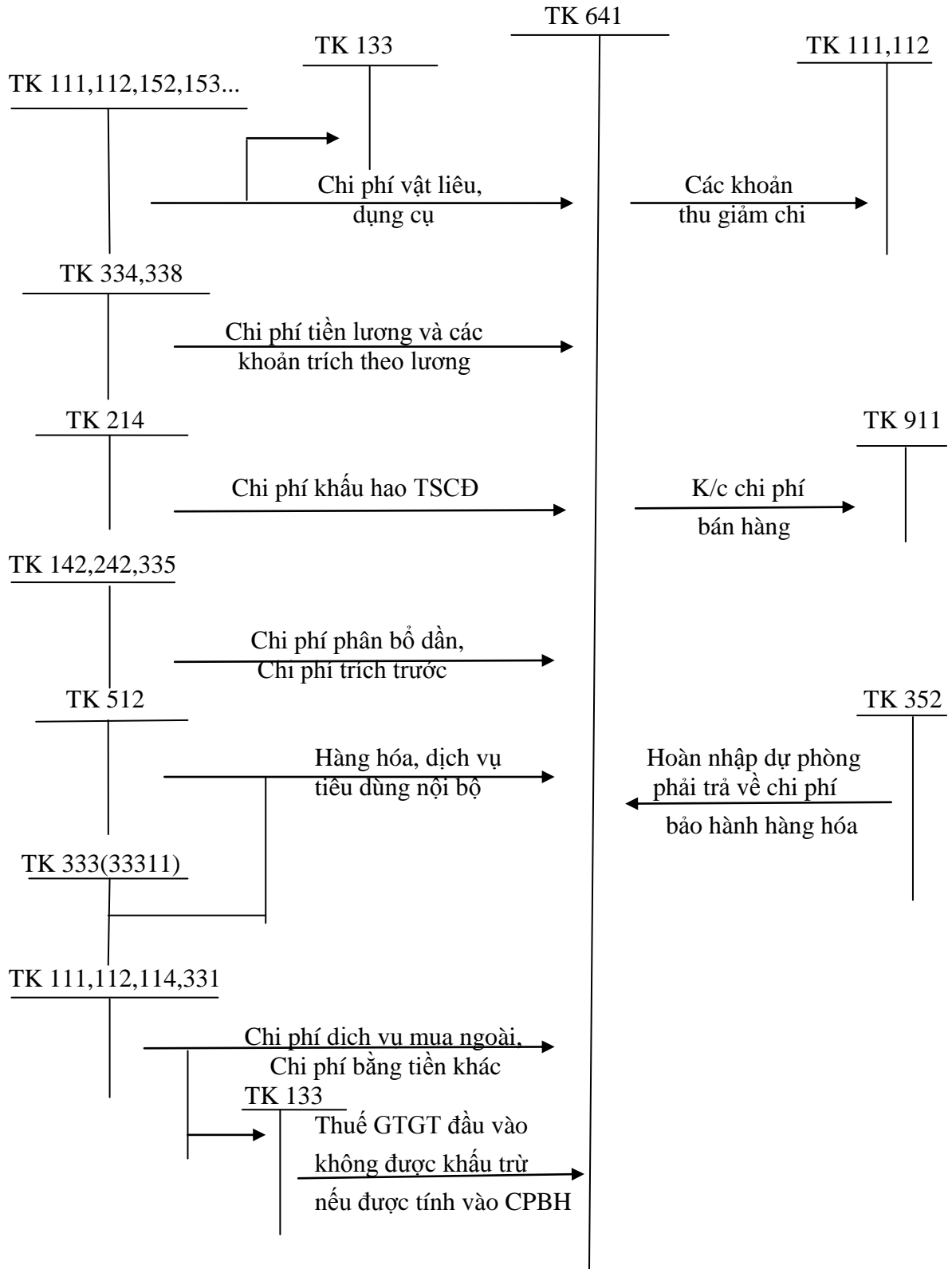
c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

$$\begin{array}{l} \text{CPBH} \\ \text{phân bổ} \\ \text{cho hàng} \\ \text{tồn cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\text{CPBH cân p.bổ} \\ \text{đầu kỳ} \quad + \quad \text{CPBH cân p.bổ phát} \\ \text{sinh trong kỳ}}{\text{SL hàng tồn đầu kỳ} + \text{SL hàng nhập trong kỳ}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{CPBH phân bổ} & & \text{CPBH phân bổ} & & \text{CPBH phát} & & \text{CPBH phân bổ} \\
 \text{cho hàng bán} & = & \text{cho hàng tồn} & + & \text{sinh trong} & - & \text{cho hàng tồn} \\
 \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ}
 \end{array}$$

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng



1.2.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT3/001)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTGT/001)
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 -LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 -TT)
- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

Có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

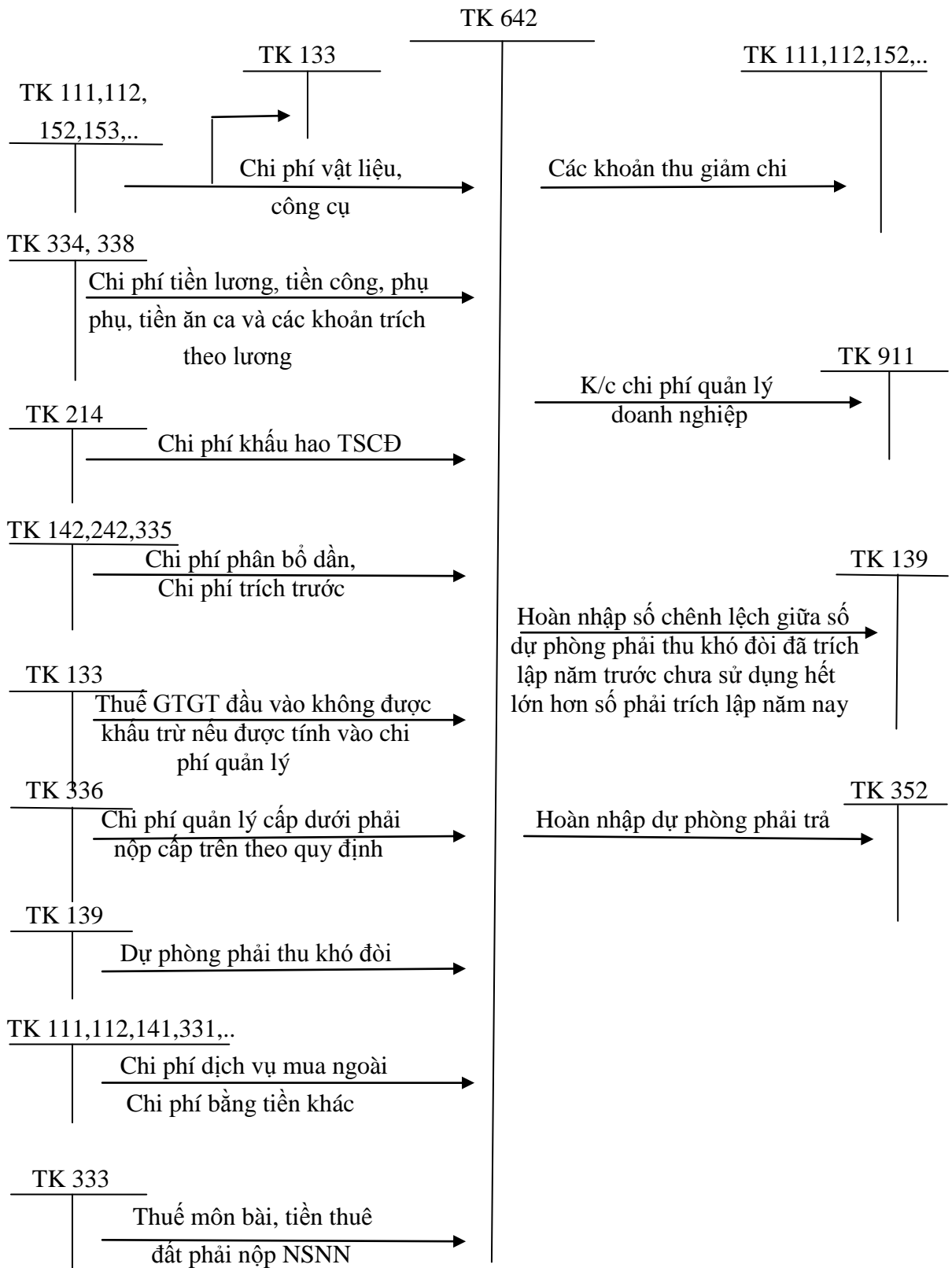
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.3. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

- Bao gồm các khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức,... và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

- Đối với các khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, số lãi về trái phiếu, tín phiếu hoặc cổ phiếu.

- Đối với khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.

- Đối với khoản tiền lãi đầu tư nhận được từ khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu thì chỉ có phần tiền của các kỳ mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kỳ, còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá gốc khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu đó.

- Đối với khoản thu nhập từ nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, doanh thu được ghi nhận vào TK 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc.

a. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"**

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

"Xác định kết quả kinh doanh".

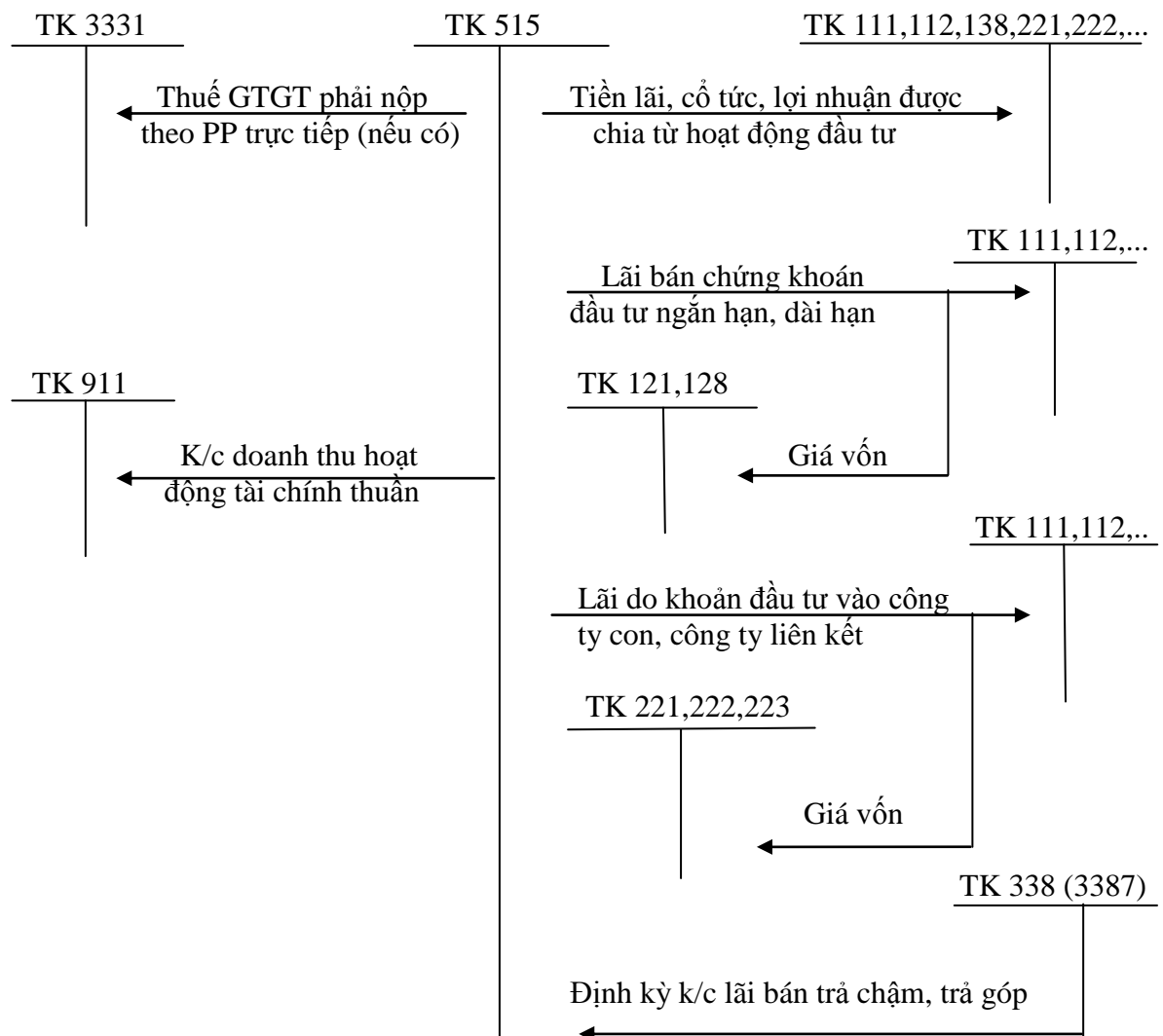
Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; hoặc khi bán ngoại tệ; hoặc do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Chứng từ khác có liên quan như hợp đồng vay vốn, bảng tính lãi...

b. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"

Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

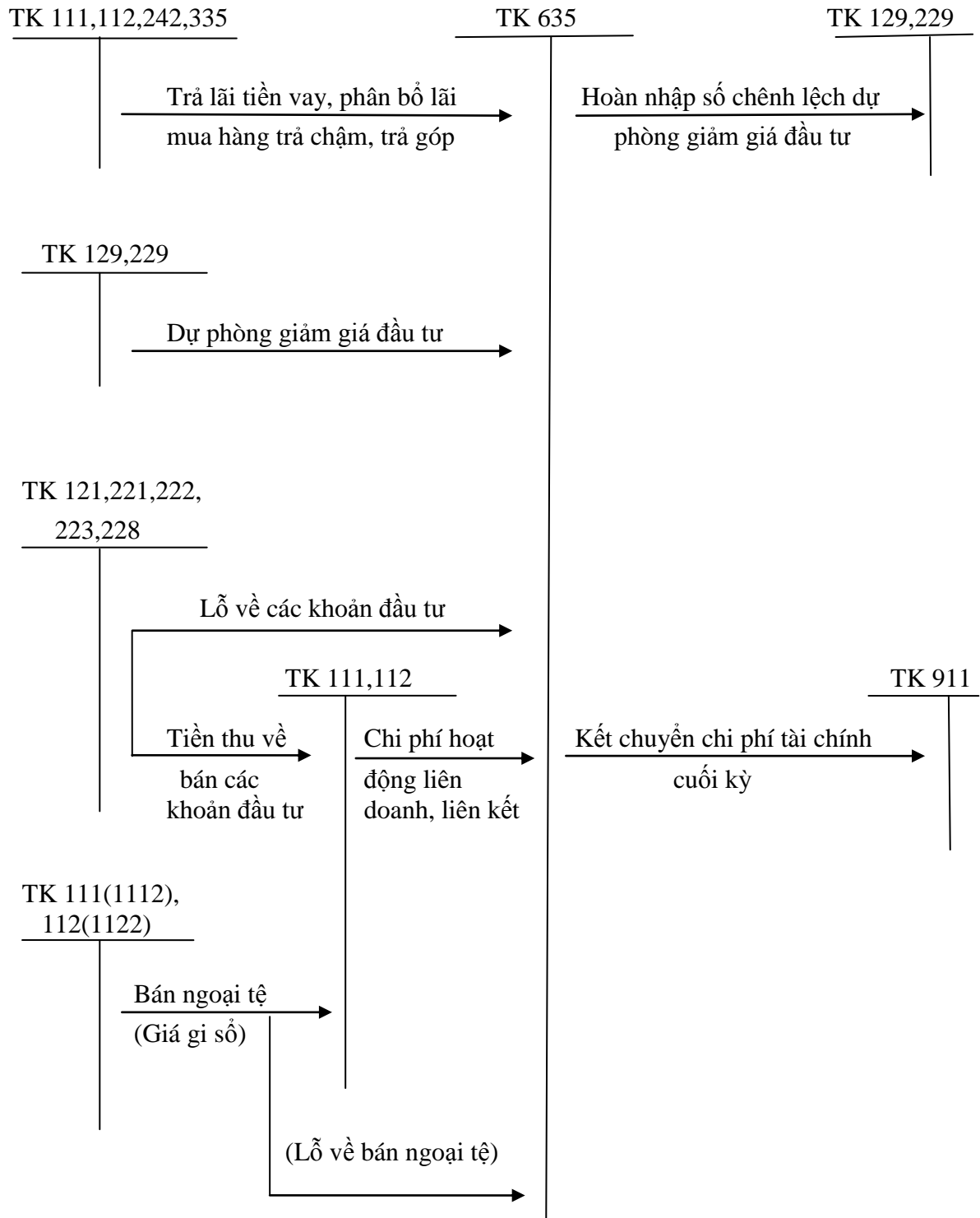
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu
Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính



1.2.4. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.2.4.1. Kế toán thu nhập khác

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ có liên quan như: biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, hợp đồng kinh tế,...

b. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 "Thu nhập khác"

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

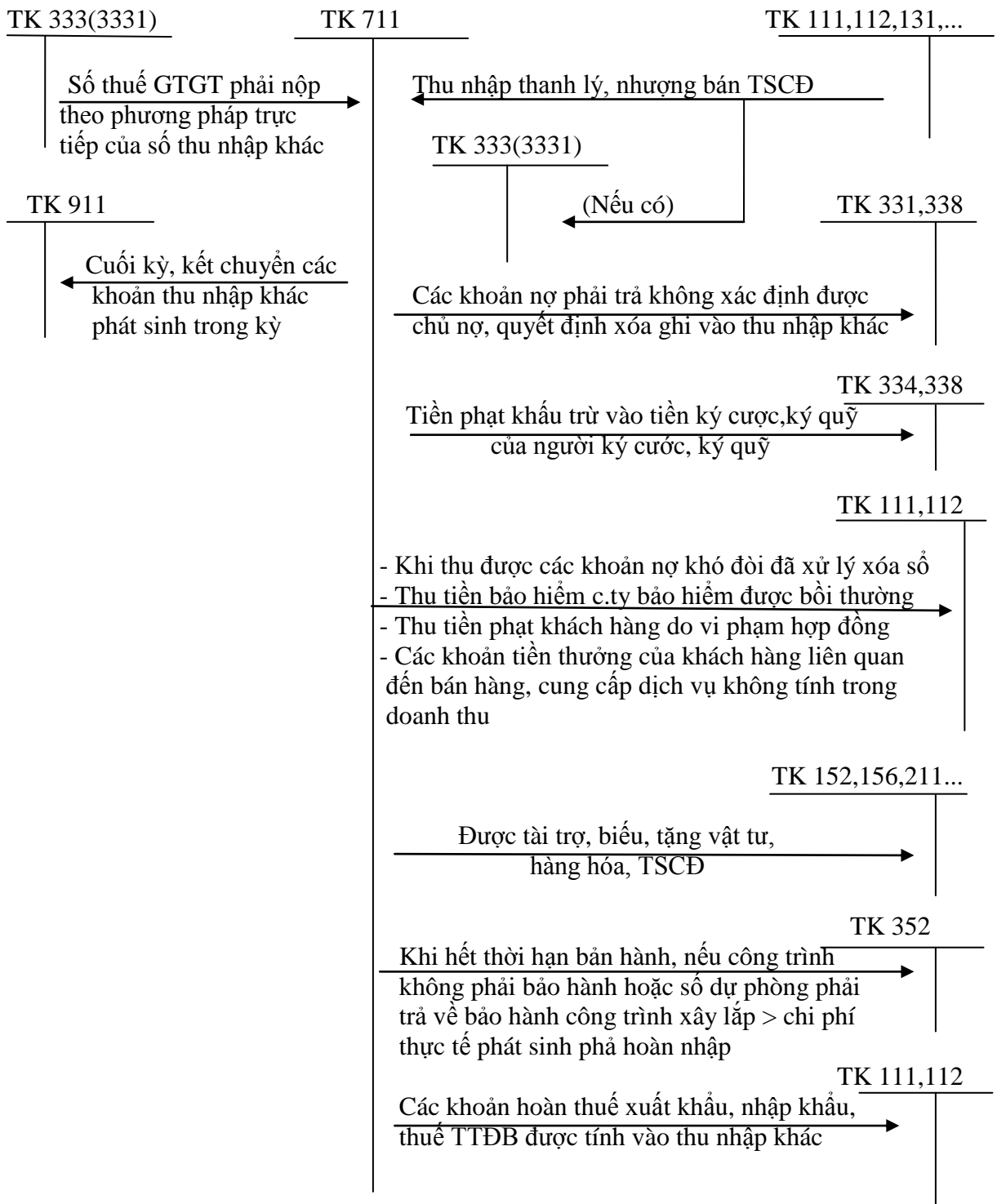
Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.10: Kế toán thu nhập khác



1.2.4.2. Kế toán chi phí khác

a. Chứng từ sử dụng

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng, Ủy nhiệm chi
- Phiếu kế toán
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ kế toán liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 811 "Chi phí khác"**

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

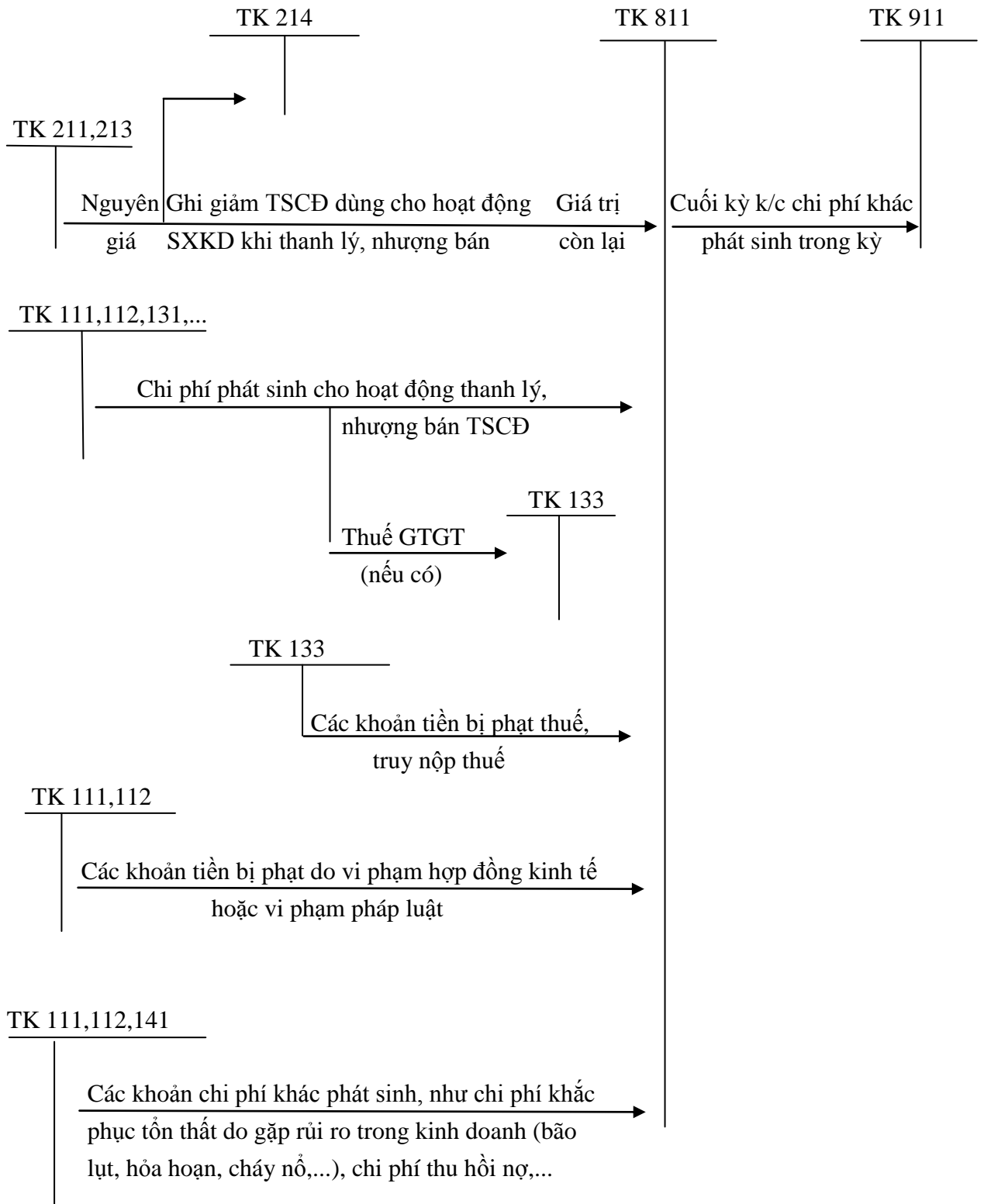
Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác



1.2.5. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 821 " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"

Có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại;
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 - "Chi phí thuế TNDN hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên có TK 911.

Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại;

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại;

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

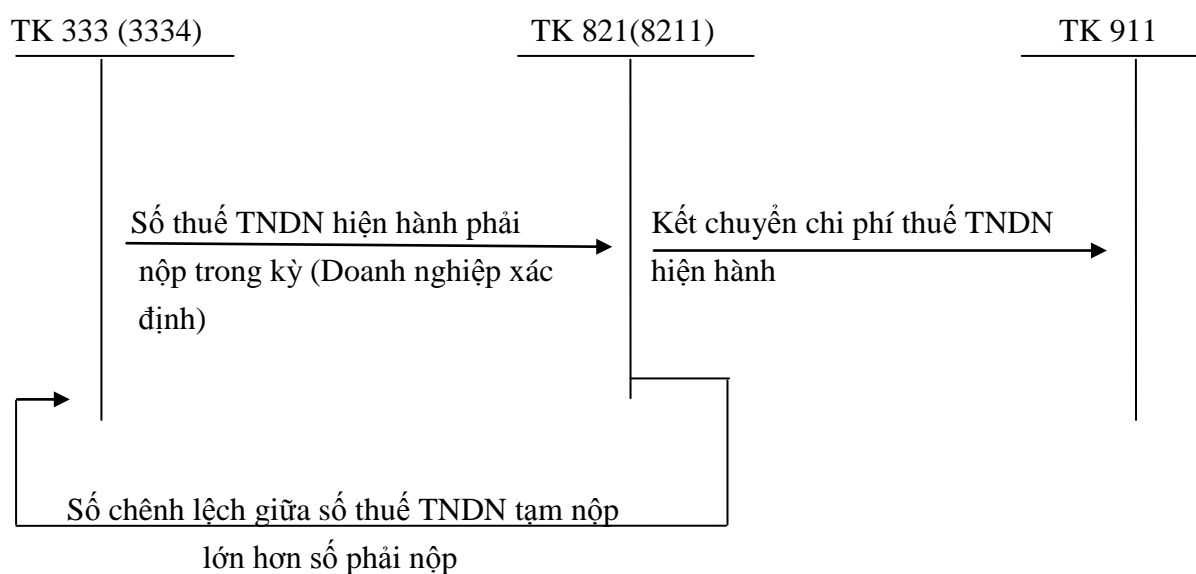
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào Tài khoản 911;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

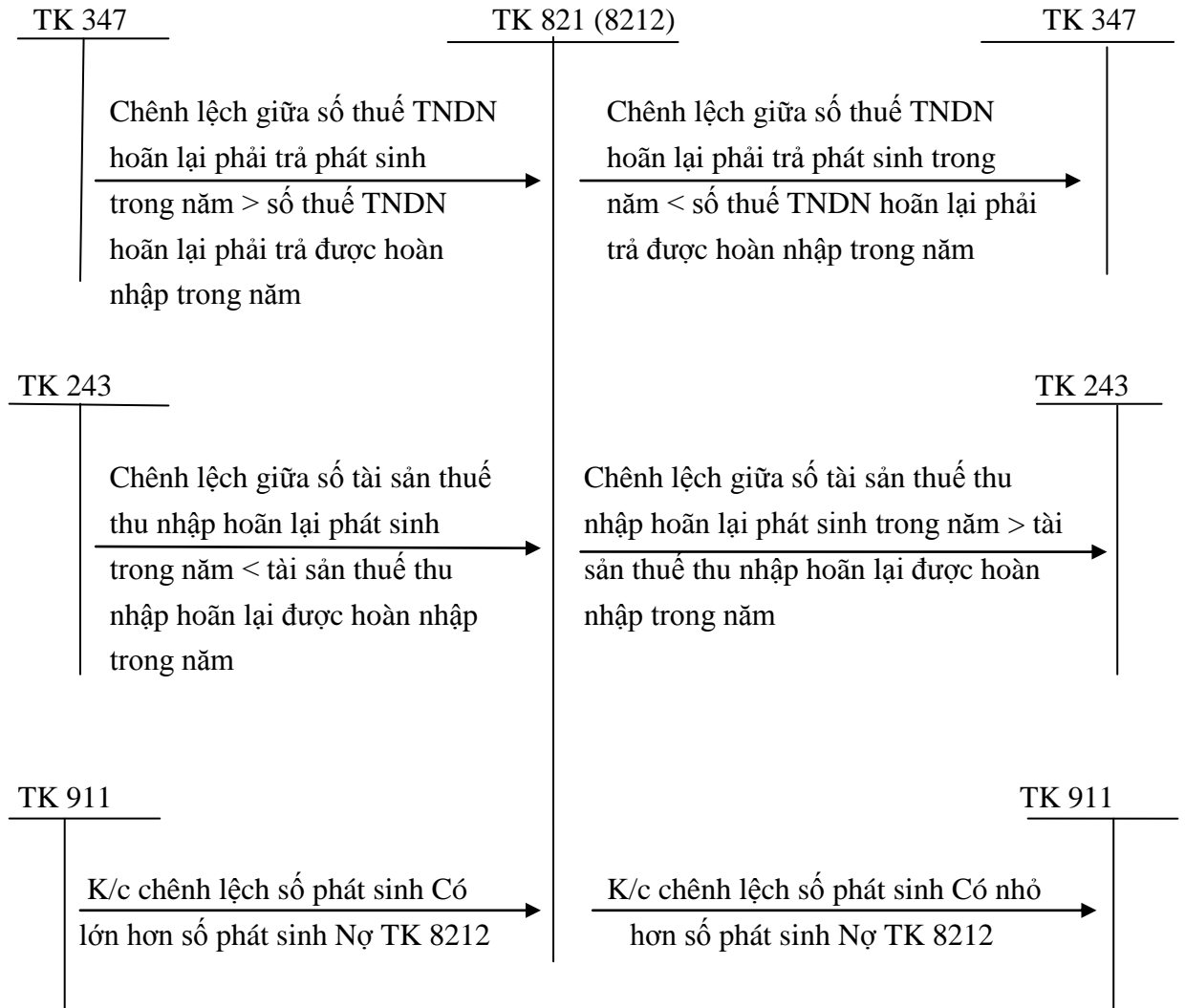
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi.

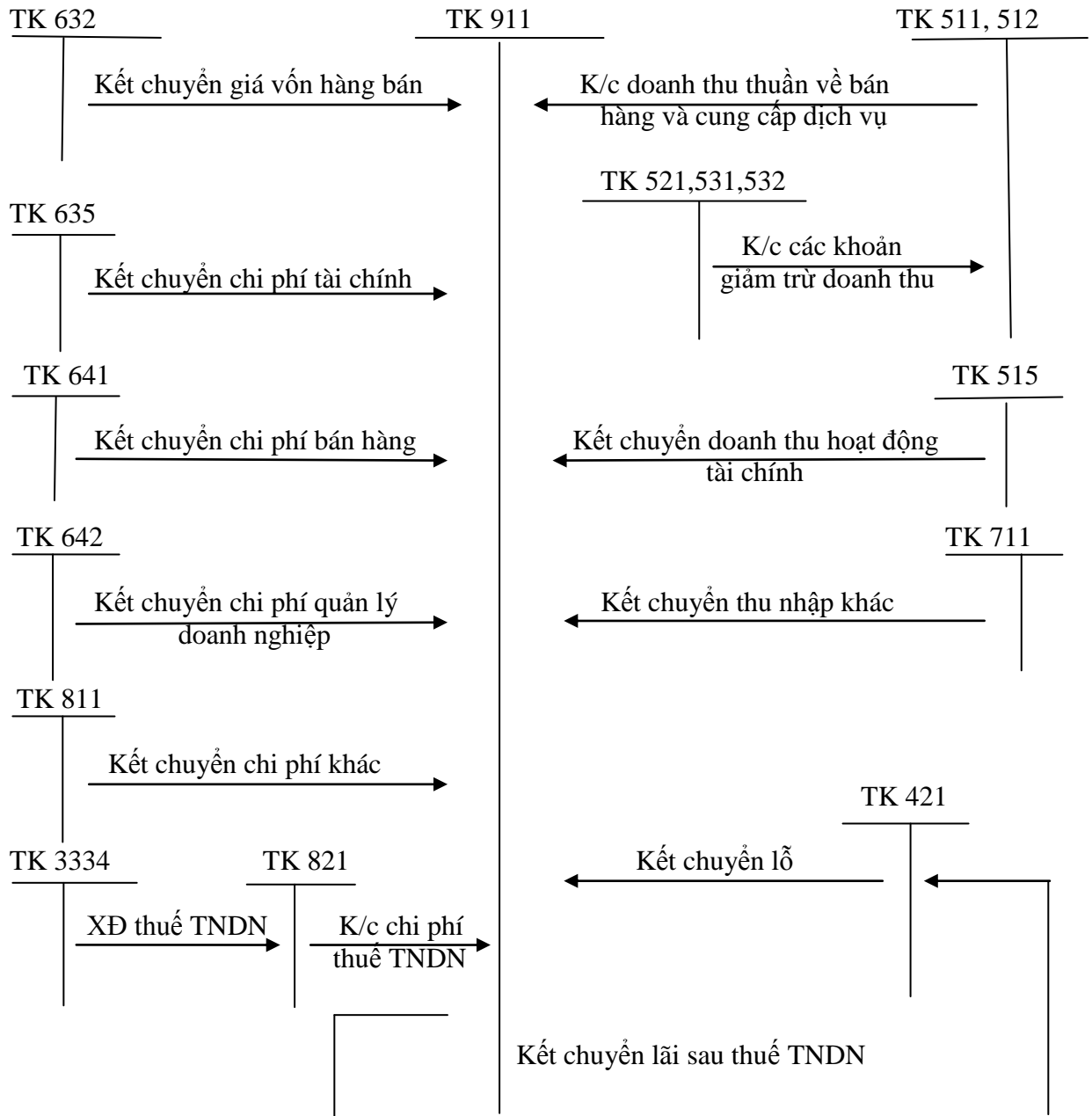
Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.14: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để ghi chép và hệ thống hóa thông tin kế toán, mỗi doanh nghiệp sử dụng một loại hình thức sổ kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ đội ngũ cán bộ kế toán của doanh nghiệp.

Hiện nay, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Nhật ký chung
- Nhật ký - Sổ cái
- Chứng từ ghi sổ
- Nhật ký - Chứng từ
- Kế toán trên máy vi tính

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật Ký Chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào Nhật ký chung, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ và thẻ kế toán chi tiết

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán như sau:

- Sổ Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ và thẻ kế toán chi tiết

1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong một quy trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Sổ Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

1.3.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- ✓ Ghi theo trình tự thời gian ghi trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- ✓ Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.
- ✓ Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

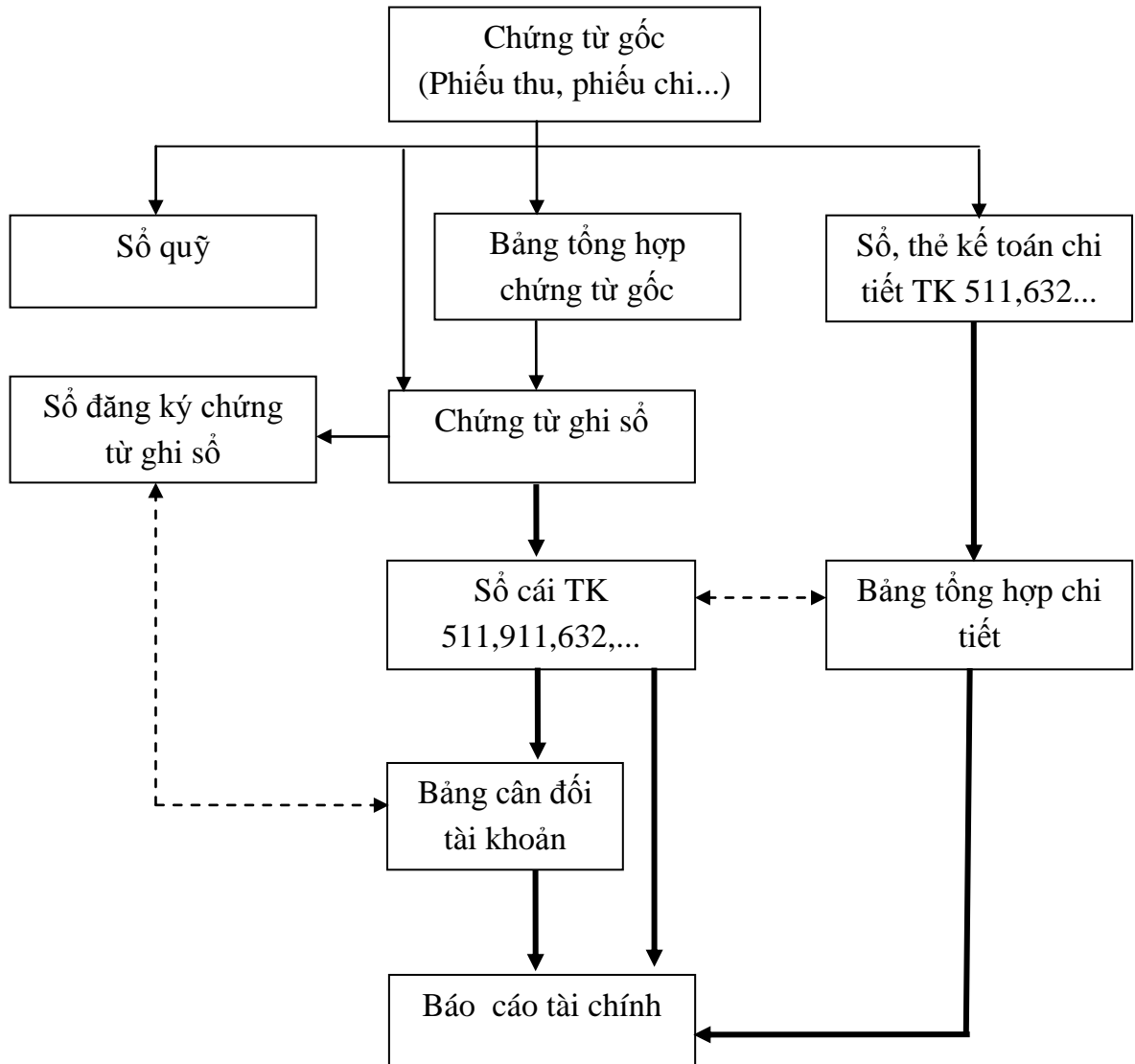
Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ và thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.15 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu



1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản:

Là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự ghi sổ:

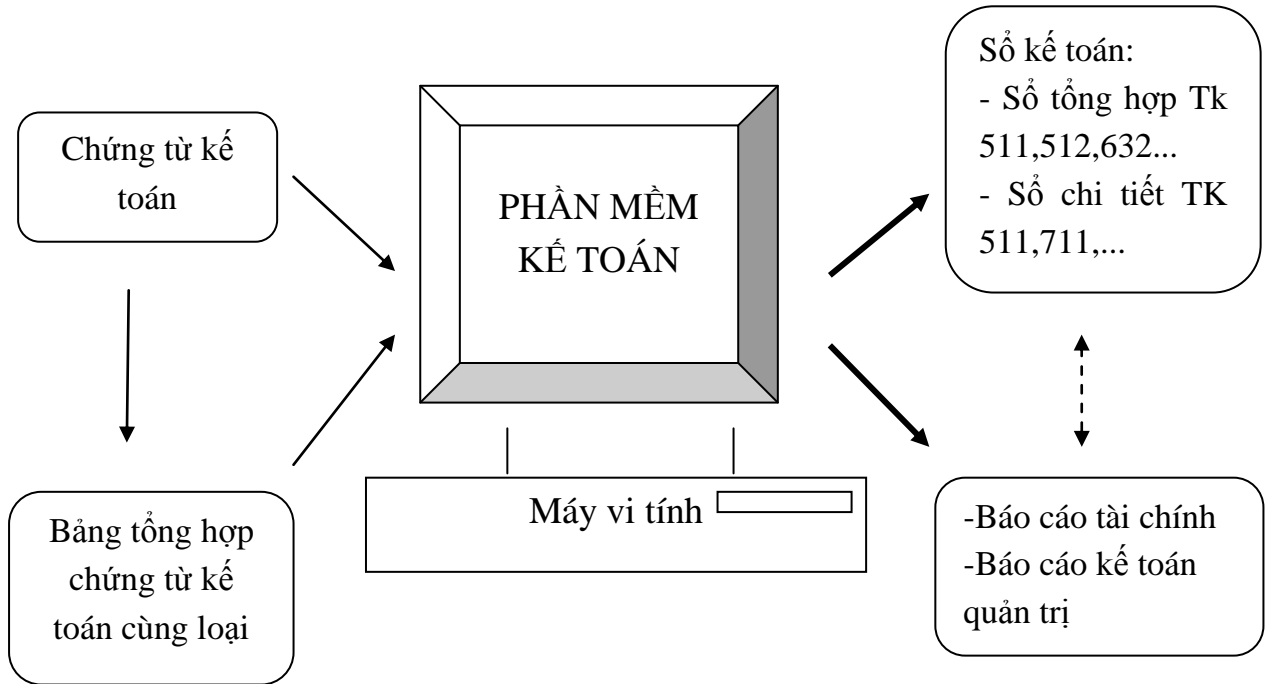
Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ cái, nhật ký - sổ cái...) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hằng ngày: —————→
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm —————→
- Đối chiếu kiểm tra ←-----

CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO
HIỂM HÀNG KHÔNG - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

2.1. Giới thiệu chung về công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

Tên doanh nghiệp phát hành: Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không

Tên giao dịch: VIETNAM NATIONAL AVIATION INSURANCE
COMPANY

Tên viết tắt: VNI

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Giấy ĐKKD số: 49/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/4/2008
tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Geleximco, số 36, Hoàng Cầu, Quận Đống
Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (04) 6276 5555

Fax: (04) 6276 5556

Email: contact@vna-insurance.com

Website: <http://www.vna-insurance.com>

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không được xây dựng và phát triển với mục tiêu trở thành một thương hiệu uy tín hàng đầu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, tạo niềm tin cho khách hàng và đối tác, là niềm tự hào của đội ngũ cán bộ nhân viên, từng bước mang lại thành công trên cơ sở bền vững và chuyên nghiệp.

Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không cung cấp tất cả các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ hiện có trên thị trường bao gồm: bảo hiểm hàng không, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm trách nhiệm, ...

Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không phục vụ mọi đối tượng khách hàng thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, bao gồm các dự án đầu tư, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hiệp hội, tổ chức và các khách hàng cá nhân.

Các mục tiêu phát triển quan trọng của Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không:

- Trở thành một trong 5 thương hiệu bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam
- Công ty hàng đầu khu vực trong lĩnh vực bảo hiểm hàng không
- Cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng và chuyên nghiệp
- Duy trì môi trường văn hóa doanh nghiệp năng động, sáng tạo
- Mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng, cổ đông và đội ngũ cán bộ
- Là đối tác tin cậy của thị trường trong nước và quốc tế

Cổ đông sáng lập, chiến lược:

Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không được thành lập theo quyết định số 49 GP/KDBH, ngày 23/04/2008 của Bộ Tài Chính bởi các cổ đông sáng lập là các tập đoàn kinh tế hùng mạnh, có thương hiệu mạnh tại Việt Nam trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Đó là :

- 1- Tổng công ty Hàng không Việt Nam – VIETNAM AIRLINES CORPORATION
- 2- Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam - VINACOMIN
- 3- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - LILAMA
- 4- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội – GELEXIMCO
- 5- Công ty Cổ phần Nam Việt – NAVICO

Sự tham gia và cam kết của các cổ đông đã tạo ra một đòn bẩy mạnh mẽ, tạo ra nền móng cho sự phát triển, đi lên của một thương hiệu đầy triển vọng của thị trường bảo hiểm Việt Nam – Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không:

Bảo hiểm Hàng Không:

Bảo hiểm Hàng không là loại hình Bảo hiểm quan trọng của Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không. Theo đó, VNI đang cung cấp các loại hình Bảo hiểm tài sản và Bảo hiểm trách nhiệm cho các hãng hàng không, các sân bay, nhà điều hành bay, và đơn vị kinh doanh dịch vụ hàng không tại Việt Nam, bao gồm các loại hình bảo hiểm sau:

- 1- Bảo hiểm thân, phụ tùng máy bay và trách nhiệm hàng không
- 2- Bảo hiểm thân máy bay dưới mức miễn thường
- 3- Bảo hiểm thân, phụ tùng máy bay đối với rủi ro chiến tranh
- 4- Bảo hiểm trách nhiệm đối với rủi ro chiến tranh
- 5- Bảo hiểm mất khả năng sử dụng máy bay
- 6- Bảo hiểm tai nạn nhân viên tổ bay

❖ **Bảo hiểm tài sản:**

Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không cung cấp các loại hình bảo hiểm tài sản như sau:

1. Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt
2. Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản
3. Bảo hiểm mọi rủi ro văn phòng
4. Bảo hiểm mọi rủi ro nhà ở
5. Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh
6. Bảo hiểm tiền

❖ **Bảo hiểm kỹ thuật**

1. Bảo hiểm xây dựng
2. Bảo hiểm thiết bị điện tử
3. Bảo hiểm mọi rủi ro trong lắp đặt
4. Bảo hiểm máy móc
5. Bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu

❖ **Bảo hiểm tàu thuyền**

1. Bảo hiểm tàu biển
2. Bảo hiểm tàu sông, tàu ven biển
3. Bảo hiểm tàu cá

❖ **Bảo hiểm hàng hóa**

1. Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu
2. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển nội địa

❖ **Bảo hiểm xe cơ giới**

1. Bảo hiểm ô tô
2. Bảo hiểm xe máy

❖ **Bảo hiểm con người**

1. Bảo hiểm du lịch quốc tế
2. Bảo hiểm sức khỏe toàn diện

3. Bảo hiểm con người với mức trách nhiệm cao
4. Bảo hiểm tai nạn con người
5. Bảo hiểm toàn diện học sinh
6. Bảo hiểm du lịch trong nước

❖ **Bảo hiểm trách nhiệm**

1. Bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba
2. Bảo hiểm trách nhiệm công cộng/ sản phẩm
3. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
4. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn, thiết kế và giám sát

❖ **Bảo hiểm năng lượng**

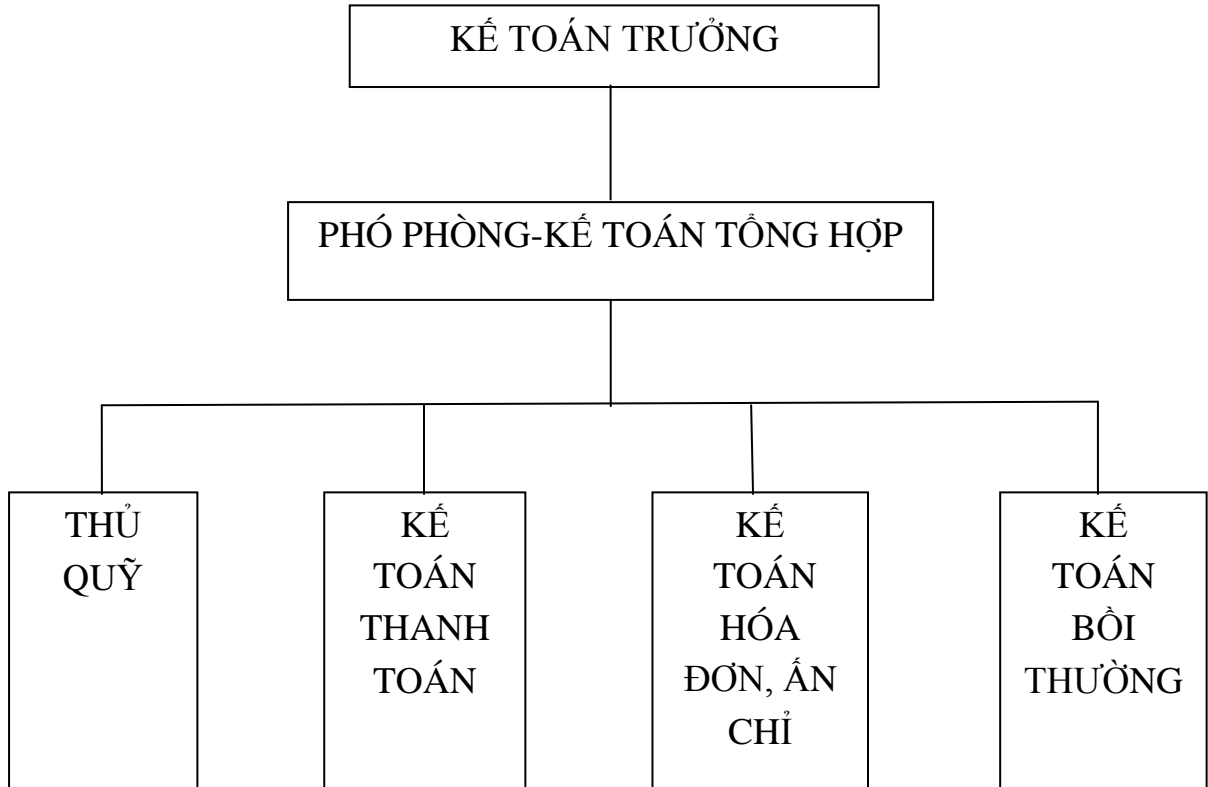
1. Bảo hiểm dự án xây dựng lắp đặt ngoài khơi (welcar 2001)
2. Bảo hiểm mọi rủi ro sà lan khoan/giàn khoan di động
3. Bảo hiểm mọi rủi ro thiết bị giếng khoan dầu và khí RRTB-02
4. Bảo hiểm thăm dò và phát triển năng lượng EDD 8/86 được sửa đổi (bảo hiểm không chế giếng)
5. Điều khoản BH về trách nhiệm toàn diện đối với những thiệt hại về người và tài sản của các nhà điều hành thuê khai thác dầu khí, các nhà thầu khác.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

➤ Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Tổ chức bộ máy kế toán Công ty theo hình thức tập trung chuyên sâu, mỗi người trong phòng kế toán được phân công phụ trách một công việc nhất định. Do vậy, công tác kế toán tại công ty tương đối hoàn chỉnh, hoạt động không bị chồng chéo lên nhau. Phòng kế toán của Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không – Chi nhánh Hải Phòng có 5 người, trong đó có 4 kế toán và 1 thủ quỹ.

Chức năng: Giúp giám đốc chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán trong công ty theo chế độ chính sách của nhà nước về quản lý tài chính.

Nhiệm vụ: Thực hiện ghi chép phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản có liên quan. Lập báo cáo, cung cấp số liệu, tài liệu của công ty theo yêu cầu của giám đốc công ty và của cơ quan quản lý

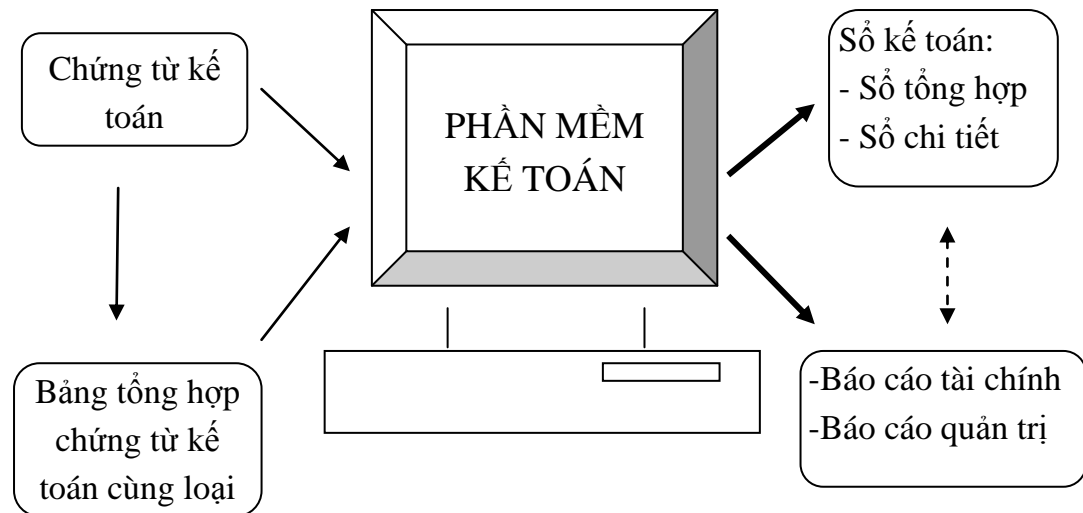
nhà nước. Lập kế hoạch, kế toán tài chính, tham mưu cho giám đốc về các quyết định trong việc quản lý công ty.

- ❖ **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trước giám đốc và các cơ quan pháp luật về toàn bộ công việc kế toán của mình tại Công ty. Có nhiệm vụ theo dõi chung, chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức phân công kiểm tra các công việc của nhân viên kế toán.
- ❖ **Kế toán tổng hợp:** Tập hợp toàn bộ các chi phí chung của Công ty và hoạt động dịch vụ khác của Công ty. Giữ sổ cái tổng hợp cho tất cả các phần hành và ghi sổ cái tổng hợp của công ty.
- ❖ **Kế toán thanh toán:** Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán phát sinh, tính tiền lương và các khoản trích theo lương, tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.
- ❖ **Kế toán hóa đơn, ấn chỉ:** Quản lý hóa đơn, ấn chỉ của toàn Công ty bao gồm số lượng phát hành, tiêu thụ, hủy, hỏng và các biện pháp giải quyết khi phát sinh sự cố.
- ❖ **Kế toán bồi thường:** Kiểm soát số lượng hồ sơ bồi thường khi có phát sinh tổn thất, thống kê số tiền bồi thường, những khách hàng có tỉ lệ bồi thường cao hoặc khách hàng tiềm năng, không phát sinh tổn thất trong suốt thời gian hiệu lực bảo hiểm.
- ❖ **Thủ quỹ:** Phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời, đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách.

2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

Hình thức kế toán được công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng áp dụng hiện nay là hình thức kế toán máy vận dụng mẫu sổ của hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là một hình thức hoàn toàn phù hợp với quy mô, loại hình và đặc điểm của doanh nghiệp.

Sơ đồ 2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



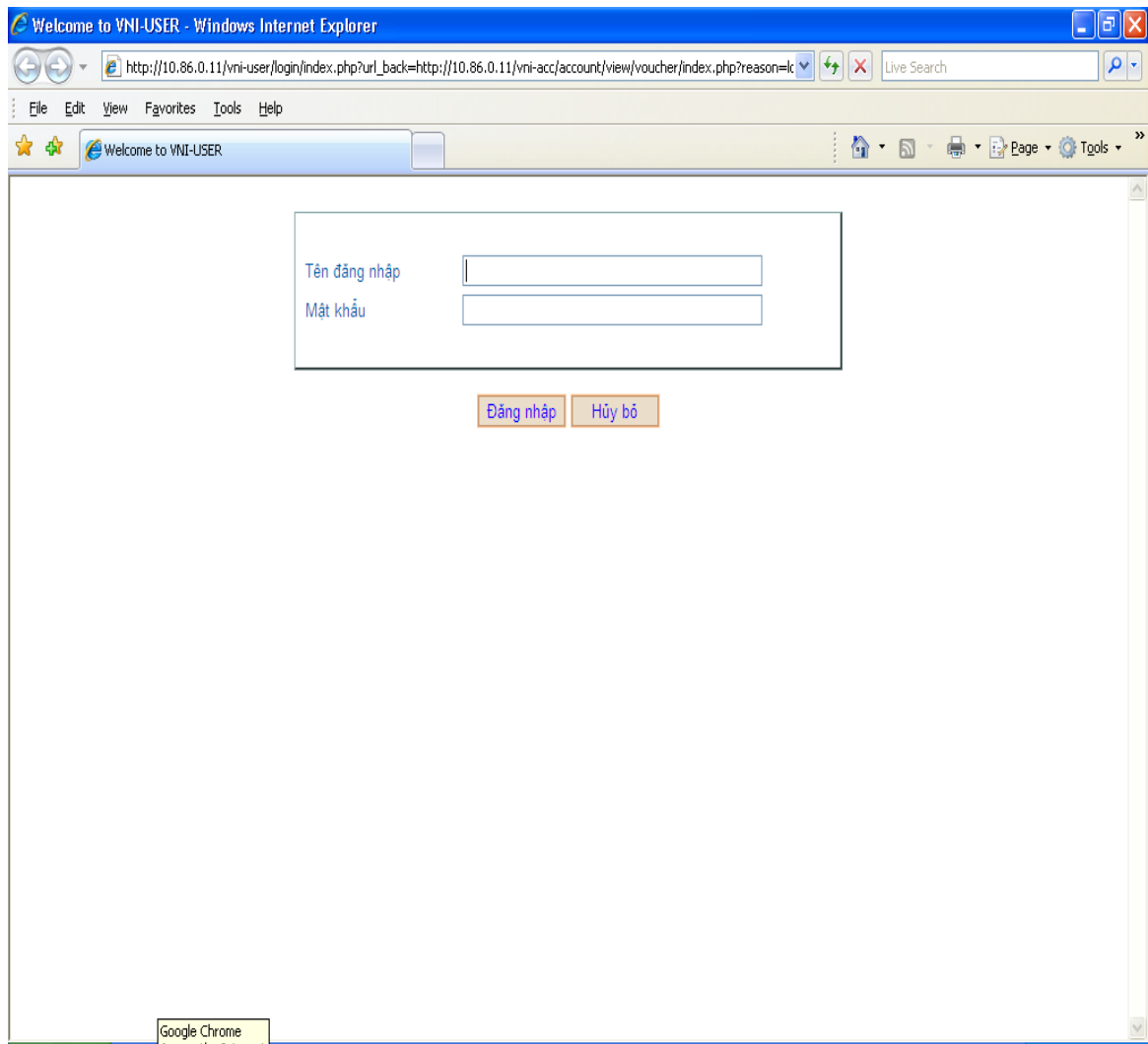
Ghi chú:

- Nhập số liệu hằng ngày: —————→
- In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm —————→
- Đối chiếu kiểm tra - - - - -→

Hiện nay, công ty sử dụng phần mềm kế toán bản quyền của Tổng công ty bảo hiểm hàng không VNI để thuận tiện cho cán bộ, đặc biệt là các cán bộ nhân viên trong phòng tài chính kế toán. Đối với việc hạch toán trên máy vi tính, quan trọng nhất là khâu thu thập, xử lý phân loại chứng từ và định khoản kế toán. Đây là khâu đầu tiên của quy trình hạch toán trên máy vi tính và cũng là khâu quan trọng nhất vì kế toán chỉ nhập số liệu cho máy thật chính xác và đầy đủ, còn thông tin đầu ra như sổ chi tiết, sổ cái và các báo cáo kế toán đều do máy tự xử lý thông tin, tính toán và đưa ra các bảng biểu khi cần in.

Từ màn hình máy tính, kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng chương trình, nhập mật khẩu người sử dụng, giao diện chương trình sẽ hiện ra như sau:

Biểu số 2.1: Màn hình đăng nhập phần mềm kế toán của Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng



Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm như sau:

- Khai báo cáo khoản danh mục chính
- Khai báo số dư đầu kỳ
- Nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý dữ liệu
- Kiểm tra và in báo cáo

Tất cả các đối tượng cần quản lý trong doanh nghiệp đều được mã hóa, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán:

- Thông tin đầu vào: Định kỳ, kế toán căn cứ vào nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhập dữ liệu vào máy theo đúng đối tượng được mã hóa, cài đặt trong phần mềm, đúng quan hệ đối ứng tài khoản. Máy sẽ tự

động vào sổ chi tiết theo từng đối tượng và tự động tổng hợp ghi vào sổ cái các tài khoản có trong định khoản, bảng kê liên quan.

- Chương trình được làm tự động qua các bút toán kết chuyển đã cài đặt. khi kế toán chọn đúng bút toán kết chuyển, máy tính sẽ tự động chuyển toàn bộ giá trị dư nợ (hoặc dư có) hiện thời của tài khoản được kết chuyển sang bên có (hoặc bên nợ) của tài khoản được kết chuyển.

- Thông tin đầu ra: Kế toán có thể in ra các sổ chi tiết, sổ cái bất cứ lúc nào các thông tin từ các nghiệp vụ đã được cập nhật. Các sổ báo cáo là kết quả bút toán kết chuyển chỉ có dữ liệu sau khi kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động.

- Thông tin trên các sổ cái tài khoản được ghi chép thường xuyên trên cơ sở cộng dồn từ các nghiệp vụ đã được cập nhật một cách tự động.

Cuối niên độ, kế toán căn cứ vào sổ cái và bảng tổng hợp liên quan để lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán theo quy định chung.

2.1.3.3. Một số chế độ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

- ✓ Chế độ kế toán áp dụng: Hiện nay chế độ kế toán được công ty áp dụng nhất quán theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.
- ✓ Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đơn vị tiền tệ được sử dụng để hạch toán là VNĐ.
- ✓ Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng
- ✓ Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ
- ✓ Hệ thống báo cáo tài chính: kết thúc kỳ kế toán, kế toán các phần hành tiến hành tổng hợp, đối chiếu và tính ra số dư cuối kỳ các tài khoản, chuyển cho kế toán trưởng tiến hành tổng hợp, lập báo cáo tài chính gồm:
 - Bảng cân đối kế toán
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Thuyết minh báo cáo tài chính
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp trực tiếp)

Các báo cáo này là cơ sở để giải trình cho tất cả các hoạt động của một kỳ kế toán.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

➤ Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu của công ty bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng chủ yếu dựa trên các hợp đồng bán bảo hiểm với tất cả các loại hình như:

- Bảo hiểm hàng không
- Bảo hiểm tài sản
- Bảo hiểm kỹ thuật
- Bảo hiểm tàu thuyền
- Bảo hiểm hàng hóa
- Bảo hiểm xe cơ giới
- Bảo hiểm con người
- Bảo hiểm trách nhiệm
- Bảo hiểm năng lượng

➤ Về chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không chỉ có duy nhất một loại hình chi phí đó là:

- Chi phí giao dịch khách hàng

➤ Về chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp công ty có tất cả các loại hình chi phí như sau:

- Chi phí hội phí
- Thuế, phí và lệ phí
- Phí, lệ phí cầu đường
- Chi phí xăng dầu
- Chi phí khác về ô tô
- Chi phí điện thoại, đường truyền ADSL
- Chi công tác phí
- Chi phí dọn vệ sinh
- Chi phí văn phòng khác

- *Buru phí*
- *Chi phí ngân hàng*
- *Chi phí điện*
- *Chi phí bảo hiểm xã hội*
- *Chi phí bảo hiểm y tế*
- *Chi ăn trưa*
- *Phụ cấp khác cho cán bộ (xăng xe, điện thoại)*
- *Chi trợ cấp thôi việc*
- *Chi phí vật liệu quản lý - chi phí in ấn*
- *Chi phí thuê nhà nghỉ đi công tác*
- *Chi phí phần mềm, hệ thống*

2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng sử dụng các chứng từ có liên quan đến quy trình bán hàng về cung cấp dịch vụ theo quy định của Bộ tài chính.

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 - GTKT3/001)
- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Giấy báo có và Sổ phụ của ngân hàng
- Hợp đồng mua bán dịch vụ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Để tổ chức kế toán doanh thu, công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng đã sử dụng tài khoản 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" phản ánh số tiền thu được từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Với các tài khoản chi tiết như sau:

- 1- TK 51111 : *Thu phí bảo hiểm gốc*
- 2- TK 511412 : *Thu hoa hồng nhượng tái ngoài nước*
- 3- TK 511411 : *Thu hoa hồng nhượng tái trong nước*

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán viết hóa đơn GTGT.

Hóa đơn GTGT Được chia làm 3 liên theo quy định:

- 1- Liên 1 (màu tím) : Liên gốc lưu lại quyền hóa đơn.
- 2- Liên 2 (màu đỏ) : Giao cho khách hàng để lưu chuyên và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.
- 3- Liên 3 (màu xanh): Dùng để lưu chuyên nội bộ và ghi sổ kế toán.

2.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Khi phát sinh nghiệp vụ, căn cứ vào hóa đơn GTGT liên 3 và hình thức thanh toán của khách hàng để lập Phiếu thu hoặc phiếu kế toán để ghi nhận nghiệp vụ trên phần mềm kế toán và phần mềm sẽ tự động đưa số liệu vào phiếu phân tích tài khoản (nếu có), Phiếu phân tích tài khoản thực chất chính là bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được tập hợp theo từng tháng, là nơi tập hợp tất cả các nghiệp vụ liên quan đến phát sinh bên Nợ hoặc bên Có của 1 tài khoản trong một tháng.

Sau đó, kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ trên phần mềm. Nếu nghiệp vụ bán hàng được tập hợp và phiếu phân tích tài khoản thì đến cuối tháng, sau khi tính xong số tổng trên phiếu phân tích tài khoản, sẽ dựa vào đó để tiến hành lập chứng từ ghi sổ. Theo trình tự được cài sẵn, từ chứng từ ghi sổ, thông tin sẽ được đưa vào sổ chi tiết, sổ cái và đăng ký vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ trên máy vi tính để lập các báo cáo. Máy tính sẽ tự động xử lý số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh và sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó số liệu sẽ tự động được xử lý để lập báo cáo tài chính.

Kết thúc kỳ kế toán, các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về lưu trữ và ghi chép sổ sách kế toán.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 02/02/2012 Công ty tiến hành thu phí bảo hiểm gốc đơn số 0005480 của công ty Cổ phần sản xuất thương mại và kỹ thuật T&T với số tiền 823.826 đồng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Căn cứ vào Hóa đơn số 0005480 thu phí bảo hiểm của công ty Cổ phần SX TM và Kỹ thuật T&T, từ màn hình máy tính kế toán vào theo đường dẫn: Kế toán lập phiếu kế toán với định khoản như sau:

Nợ TK 13111 :	906.106
Có TK 51111 :	823.827
Có TK 333111 :	82.279

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
VIETNAM NATIONAL AVIATION INSURANCE COMPANY

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (THU PHÍ BẢO HIỂM)

INVOICE FOR INSURANCE FEE

Liên 3: Nội bộ (Copy 3: Finance)

Ngày (Date): 02/02/2012

số: 01GTKT3/001

Chi nhánh (Branch): CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

MST Chi nhánh (Tax code): 0102737963 - 005

Địa chỉ (Address): 65 Nguyễn Trãi, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

Điện thoại (Tel): (031) 3.652888

Tại ngân hàng (Bank):

Đại diện người mua (Buyer representative):

Đơn vị (Client's name): Công ty Cổ phần SXTM và Kỹ thuật T&T

Địa chỉ (Address): Số nhà 90, ngõ 35, phố Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0102672032

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Tài khoản (Account No):



Mẫu

Ký hiệu (Serial No): HP/11P

Số (Invoice No): 0005480

STT	LOẠI HÌNH BẢO HIỂM Class of insurance	PHÍ BẢO HIỂM Premium		SỐ NGÀY CẤP ĐƠN BẢO HIỂM Ref No, date of insurance certificate
		Ngoại tệ:....	VNĐ	
A. Loại hình bảo hiểm chịu thuế GTGT/ Premium subject to VAT (thuế suất/VAT rate...10..%)				
1	Thanh toán phí bảo hiểm hợp đồng số 291200462 HH VCNĐ		823,827	
Cộng phí bảo hiểm phần A (Total premium A):(1)			823,827	
Tiền thuế GTGT (Amount of VAT):(2)			82,279	
Tổng cộng phần A (Subject A):(1)+(2)			906,106	
B. Loại hình bảo hiểm không chịu thuế/ Premium not subject to VAT				
Cộng phí bảo hiểm phần B (Subtotal B):				
Tổng số tiền thanh toán (Grand total):			906,106	
Tỷ giá (Exchange rate): VNĐ/.....				

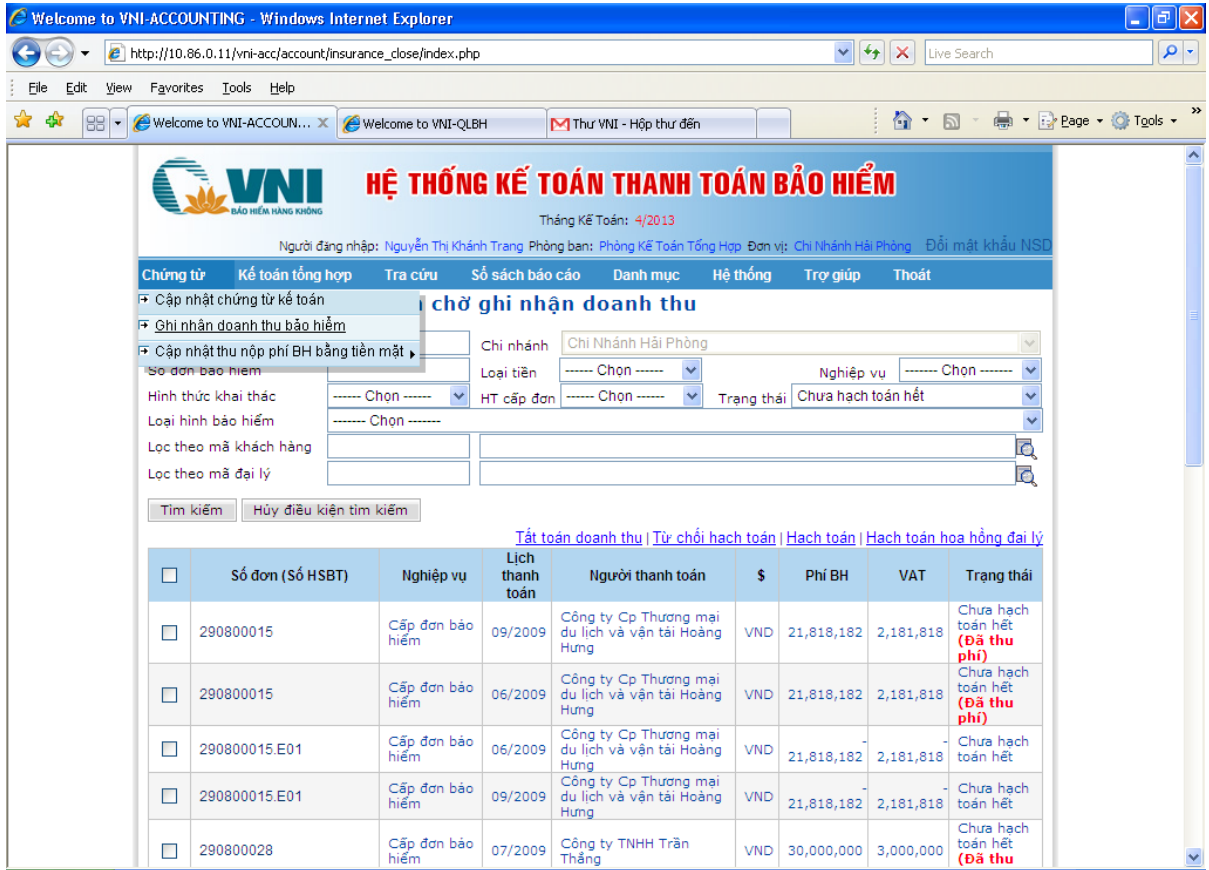
Tổng số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Chín trăm linh sáu nghìn một trăm linh sáu đồng.

Khách hàng
(Client's Signature)

Người bán hàng
(Salesman)

Thủ trưởng đơn vị
(Approved by)

Biểu số 2.2: Giao diện phần mềm ghi nhận nghiệp vụ



Quy trình ghi nhận doanh thu theo các bước như sau:

- Đăng nhập vào phần mềm kế toán
- Vào phần ghi nhận doanh thu bảo hiểm (Nhấp vào mục chứng từ)
- Đánh số đơn mà mình cần ghi nhận (Nhìn lên trên hóa đơn mà phòng nghiệp vụ đưa lên cho phòng kế toán)
- Nhấp chuột vào mục hạch toán
- Kiểm tra trên phần hệ thống các phòng nghiệp vụ nhập tỷ lệ phí, từng loại nghiệp vụ đã đúng chưa
 - Nếu trên hóa đơn đó có VAT thì mình phải khai thuế
 - Kiểm tra xong các thông tin trên nếu đúng rồi thì tích vào phần tài khoản Có, tài khoản Nợ và bấm vào nút "Hạch toán" còn nếu không đúng thì sẽ nhấp chuột vào phần "Từ chối hạch toán" để cho các phòng nghiệp vụ nhập lại cho đúng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Tài khoản 511 Doanh thu bán hàng

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Số	Ngày, tháng	Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
		số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số Số dư đầu kỳ của tài khoản 511								
					Số dư đầu kỳ			0	3,671,330,775
2	BFSB-Bảo hiểm tài thuyền								
					Số dư đầu kỳ			0	241,954,134
	20/02	0005913	20/02	291103804	Thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291103804-Công ty CP vận tải biển và thương mại Thiên Tân	51111	13111	0	45,878,545
	20/02	0005913	20/02	291103804.E01	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291103804.E01-CN Hải Phòng	511412	33684	0	21,600,000
	24/02	291100760.E03	24/02	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03-CN Hải Phòng	511412	33684	0	3,804,242
...
					Tổng phát sinh trong kỳ			0	107,565,195
					Số dư cuối kỳ			0	349,519,329
3	BI-Bảo hiểm kỹ thuật								
					Số dư đầu kỳ			0	449,604,816
					Tổng phát sinh trong kỳ			0	0
					Số dư cuối kỳ			0	449,604,816
4	COM-Bảo hiểm hàng hóa								
					Số dư đầu kỳ			0	1,112,520,470
	09/02/2012	0005360	09/02/2012	291106845	Phải thu phí bảo hiểm gốc-phần của VNI (đồng bảo hiểm-VNI-leader-các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106845-Công ty TNHH MTV xăng dầu hàng không Việt Nam	51111	13111	0	26,115,826

Sinh viên: Đỗ Thị Yến
Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	09/02/2012	0005360	09/02/2012	291106845.E01	Phải thu phí bảo hiểm gốc-phần của VNI (đồng bảo hiểm-VNI-leader-các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106845.E01-Công ty TNHH MTV xăng dầu hàng không Việt Nam	51111	13111	0	894,967
	02/02/2012	0005361	02/02/2012	291200391	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200391- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
	02/02/2012	0005362	02/02/2012	291200392	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200392- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
	02/02/2012	0005480	02/02/2012	291200462	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200462- Công ty CP SXTM và Kỹ thuật T&T	51111	13111	0	823,827
	02/02/2012	0005511	02/02/2012	291200370	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200370- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
	02/02/2012	0005512	02/02/2012	291200371	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200371- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
	02/02/2012	0005513	02/02/2012	291200372	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200372- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
...
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	31,384,125
					Số dư cuối kỳ			0	684,004,596
5	PER-Bảo hiểm con người								
					Số dư đầu kỳ			0	9,828,000
	08/02/2012	0005714	08/02/2012	291200603	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200603 - Công ty TNHH Âu Việt	51111	13111	0	448,000
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	448,000
					Số dư cuối kỳ			0	10,276,000
6	PRO-Bảo hiểm tài sản								
					Số dư đầu kỳ			0	652,620,471
	01/02/2012	0005478	01/02/2012	291200444	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200444 - Công ty CP Phúc An Hải Phòng	51111	13111	0	27,000,000
	01/02/2012	0005478	01/02/2012	291200444	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi Nhánh Hải Phòng	511412	33684	0	3,979,125
	01/02/2012	0005478	01/02/2012	291200444	Phải thu hoa hồng nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi Nhánh Hải Phòng	511411	33684	0	405,000
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	31,384,125
					Số dư cuối kỳ			0	684,004,596
7	Tổng số phát sinh trong kỳ của tài khoản 511								
					Số phát sinh trong kỳ			0	1,354,981,261
10	Số dư cuối kỳ tài khoản 511								
					Số dư cuối kỳ			0	5,026,312,036

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3: Giao diện chi tiết thông tin của chứng từ kế toán ghi nhận doanh thu (Chứng từ ghi sổ TK 511)

The screenshot displays the VNI-ACCOUNTING web application interface. At the top, there is a navigation menu with options like 'Chứng từ', 'Kế toán tổng hợp', 'Tra cứu', 'Số sách báo cáo', 'Danh mục', 'Hệ thống', 'Trợ giúp', and 'Thoát'. The main content area shows the details of a receipt voucher (TK 511) for insurance premium payment. The voucher information includes the type of business (Insurance), the voucher number (0005480), the date (02/02/2012), and the total amount (988,385 USD). Below this, there are two tables: 'Danh sách hóa đơn VAT' (VAT Invoice List) and 'Danh sách định khoản' (Accounting Entries List).

Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày	Người mua/bán	MST	Hàng hóa	Tiền hàng	%	Tiền thuế
0005480	HP/11P	2/2/2012	Công Ty CP SX TM Và Kỹ Thuật T&T	0102672032	Phí bảo hiểm	823,826	10	82,279

Tài khoản	Nợ/Có	Cấp	Loại đối tượng	Mã đối tượng	Đối tượng	Số đơn BH	Nguyên tệ	VNĐ	Nội dung
13111	N	1	Khách hàng	2900005970	Công Ty CP SX TM Và Kỹ Thuật T&T	291200462	39.55	823,827	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200462 - Công Ty CP SX TM Và Kỹ Thuật T&T
51111	C	1	Nghiệp vụ BH	COM	Bảo hiểm hàng hóa	291200462	39.55	823,827	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200462 -

Sau khi Chứng từ ghi sổ đã được lập xong, tất cả các dữ liệu sẽ tự động vào Sổ chi tiết tài khoản đối ứng TK 51111 và Sổ cái TK 511

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Cấp đơn bảo hiểm mới

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 02/02/2012

Số chứng từ: 0005480

Ngày chứng từ: 02/02/2012

Loại tiền VNĐ: USD

Tỷ giá hạch toán: 20,828

Tỷ giá thực tế: 20,830

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/ Có	Cặp	Loại đối tượng	Mã đối tượng	Đối tượng	Số đơn BH	Nguyên tệ	VNĐ	Nội dung
13111	N	1	Khách hàng	2900005970	Công ty CP SXTM và Kỹ Thuật T & T	291200462	39,55	823,827	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200462-Công ty CP SXTM và Kỹ Thuật T & T
51111	C	1	Nghiệp vụ BH	COM	Bảo hiểm hàng hóa	291200462	39,55	823,827	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200462-Công ty CP SXTM và Kỹ Thuật T & T
			Tổng cộng				39,55	823,827	

Ngày 02 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

2.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn thu phí bảo hiểm

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 531 - Hoàn phí bảo hiểm

- TK 5311: Hoàn phí bảo hiểm gốc
- TK 5318 : Hoàn khác
- TK 53141: Hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trong nước
- TK 53142 : Hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm ngoài nước

❖ Tài khoản 533 - Phí nhượng tái bảo hiểm

- TK 5331 : Phí nhượng tái bảo hiểm trong nước
- TK 5332 : Phí nhượng tái bảo hiểm ngoài nước

2.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Ví dụ minh họa 1:

- ❖ Đối với nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài khoản 531 - "Hoàn phí bảo hiểm"

Ngày 03/02/2012 Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn theo đơn số 291106015 - 01.E01 cho công ty TNHH MTV xăng dầu hàng không Việt Nam với số tiền 1.651.104 đồng

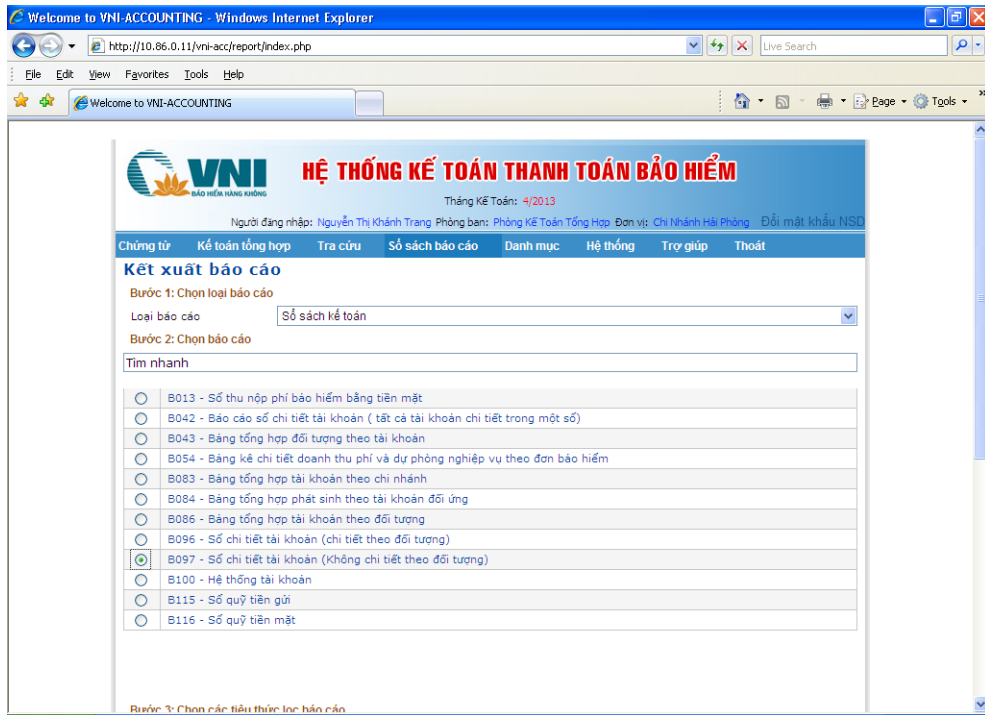
Nợ TK 5311	1.651.104
Có TK 1311	1.651.104

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

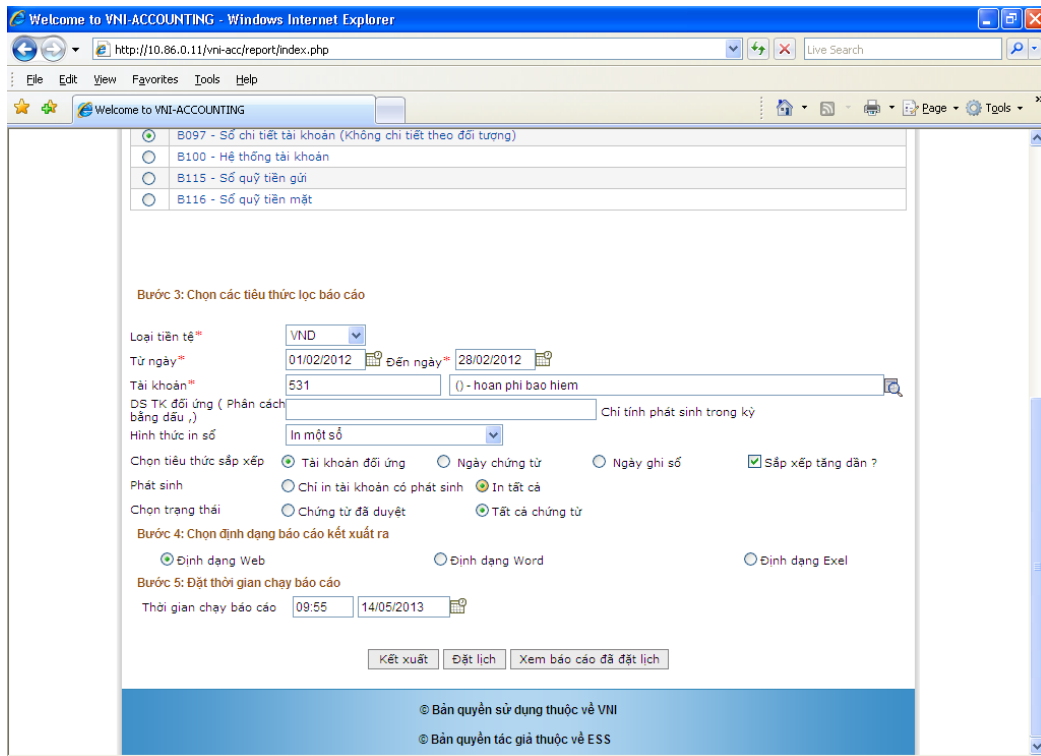
Đối với tài khoản 531 - "Hoàn phí bảo hiểm" khi nhập các đơn Bảo hiểm thì các Phòng khai thác sẽ phải nhập các tỉ lệ phí bảo hiểm gốc, hoa hồng trên các đơn đó đúng và đầy đủ theo quy định. Đến khi hạch toán vào doanh thu thì chỉ cần nhìn trên hóa đơn đó mà kế toán hạch toán theo các bút toán tự động mà phần mềm kế toán của công ty đã cài đặt sẵn.

Với kế toán viên khi hạch toán nghiệp vụ như thế này thì phải chọn đơn số bảo hiểm cần làm để kiểm tra tất cả các thông tin một cách chính xác thì mới trình duyệt và kết xuất ra các chứng từ sổ sách có liên quan.

Biểu số 2.4: Giao diện phần mềm quy trình các bước kết xuất sổ sách kế toán chi tiết tài khoản 531 - "Hoàn phí bảo hiểm"



Biểu số 2.5: Giao diện phần mềm quy trình các bước kết xuất sổ sách kế toán chi tiết tài khoản 531 - "Hoàn phí bảo hiểm"



Biểu số 2.6: Giao diện phần mềm sổ chi tiết tài khoản 531 - "Hoàn phí bảo hiểm" sau khi kết xuất ra

http://10.86.0.11/vni-acc/attach-file/report6783.htm - Windows Internet Explorer

http://10.86.0.11/vni-acc/attach-file/report6783.htm

File Edit View Favorites Tools Help

http://10.86.0.11/vni-acc/attach-file/report6783.htm

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI
Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VND
Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012
Tài khoản 531 Hoàn phí bảo hiểm
DS TK đối ứng (Phân cách bằng dấu ,)

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	Tài khoản chi tiết	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	Số hiệu	Ngày, tháng	Số đơn bảo hiểm/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
					Số dư đầu kỳ			121,124,716	0
	03/02/2012	0005356	03/02/2012	291106015-01.E01	Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn - phần của VNI (đồng bảo hiểm - VNI leader - các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106015-01.E01 - Công ty TNHH MTV xăng dầu Hàng không Việt Nam	5311	13111	1,851,104	0
	03/02/2012	0005357	03/02/2012	291106221.E01	Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn - phần của VNI (đồng bảo hiểm - VNI leader - các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106221.E01 - Công ty TNHH MTV xăng dầu Hàng không Việt Nam	5311	13111	1,845,187	0
	07/02/2012	0005358	07/02/2012	291106867.E02	Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn - phần của VNI (đồng bảo hiểm - VNI leader - các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106867.E02 - Công ty TNHH MTV xăng dầu Hàng không Việt Nam	5311	13111	582,730	0
					Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn - phần của VNI (đồng bảo hiểm -				

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Tài khoản 531 Hoàn phí bảo hiểm

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ của tài khoản 531								
					Số dư đầu kỳ			121,124,716	0
2	BFSB - Bảo hiểm tàu thuyền								
					Số dư đầu kỳ			0	0
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804.E01	Phải trả hoàn phí bảo hiểm gốc đơn số 291103804.E01 - Công ty Cổ phần vận tải biển và thương mại Thiên Tân	5311	13111	4,969,455	0
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804.E01	Hoàn trả hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (CN hạch toán) đơn số 291103804.E01 - Chi Nhánh Hải Phòng	53142	33684	11,001,953	0
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Hoàn trả hoa hồng nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (CN hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	53141	33684	301,827	0
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Hoàn trả hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (CN hạch toán) đơn số	53142	33684	2,811,328	0

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

					291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng				
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Hoàn trả hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (CN hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	53142	33684	2,815,383	0
...
					Tổng phát sinh trong kỳ			39,188,534	0
					Số dư cuối kỳ			39,188,534	0
3	COM - Bảo hiểm hàng hóa								
					Số dư đầu kỳ			121,124,716	0
	03/02/2012	0005356	03/02/2012	291106015-01.E01	Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn - phần của VNI (đồng bảo hiểm - VNI leader - các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106015-01.E01 - Công ty TNHH MTV xăng dầu Hàng không Việt Nam	5311	13111	1,651,104	0
	03/02/2012	0005357	03/02/2012	291106221.E01	Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn - phần của VNI (đồng bảo hiểm - VNI leader - các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106221.E01 - Công ty TNHH MTV xăng dầu Hàng không Việt Nam	5311	13111	1,845,187	0
	17/02/2012	0006014	17/02/2012	291200708.E01	Phải trả hoàn phí bảo hiểm gốc đơn số 291200708.E01 - Cty TNHH Tân Minh Ngọc	5311	13111	436,364	0
	09/02/2012	0005721	09/02/2012	291106015-01.E01	Phải trả phí quản lý đồng BH(VNI leader - các công ty follower thu phí từ Leader)-Do hủy đơn đơn số 291106015-01.E01 - Bảo Việt	5318	13181	14,152	0
	02/02/2012	0005355	02/02/2012	291106846.E01	Hoàn trả hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (CN hạch toán) đơn số 291106846.E01 - Chi Nhánh Hải Phòng	53142	33684	7,671,829	0
...
					Tổng số phát sinh trong kỳ			44,640,117	0
					Số dư cuối kỳ			165,764,833	0
4	CRL - Bảo hiểm trách nhiệm								
					Số dư đầu kỳ			0	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	0

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

					Số dư cuối kỳ			0	0
5	PER - Bảo hiểm con người								
					Số dư đầu kỳ			0	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	0
					Số dư cuối kỳ			0	0
6	PRO - Bảo hiểm tài sản								
					Số dư đầu kỳ			0	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	0
					Số dư cuối kỳ			0	0
7	Tổng số phát sinh trong kỳ của tài khoản 531								
					Số phát sinh trong kỳ			83,828,651	0
8	Số dư cuối kỳ của tài khoản 531								
					Số dư cuối kỳ			204,953,367	0

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Hoàn phí bảo hiểm

Số bút toán:

Số chứng từ: 0005356

Loại tiền VNĐ: USD

Tỷ giá hạch toán: 20,828

Ngày hạch toán: 03/02/2012

Ngày chứng từ: 03/02/2012

Tỷ giá thực tế: 20,830

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/Có	Loại ĐTQL	Mã ĐTQL	Số đơn BH	N.Tệ (Nợ)	N.Tệ (Có)	VND (Nợ)	VND (Có)	Nội dung
5311	N	Hoàn phí BH		291106015.01-E01	79,27	0	1,651,104	0	Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn - phần của VNI (đồng bảo hiểm - VNI leader - các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106015-01.E01 - Công ty TNHH MTV xăng dầu Hàng không Việt Nam
13111	C	Khách hàng	COM	Bảo hiểm hàng hóa	0	79,27	0	1,651,104	Phải trả (hoàn) phí bảo hiểm gốc khi hủy đơn - phần của VNI (đồng bảo hiểm - VNI leader - các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106015-01.E01 - Công ty TNHH MTV xăng dầu Hàng không Việt Nam
	Tổng cộng				79,27	79,27	1,651,104	1,651,104	

Ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

Ví dụ minh họa 2:

- ❖ Đối với nghiệp vụ liên quan đến tài khoản 533 - "Phí nhượng tái bảo hiểm"

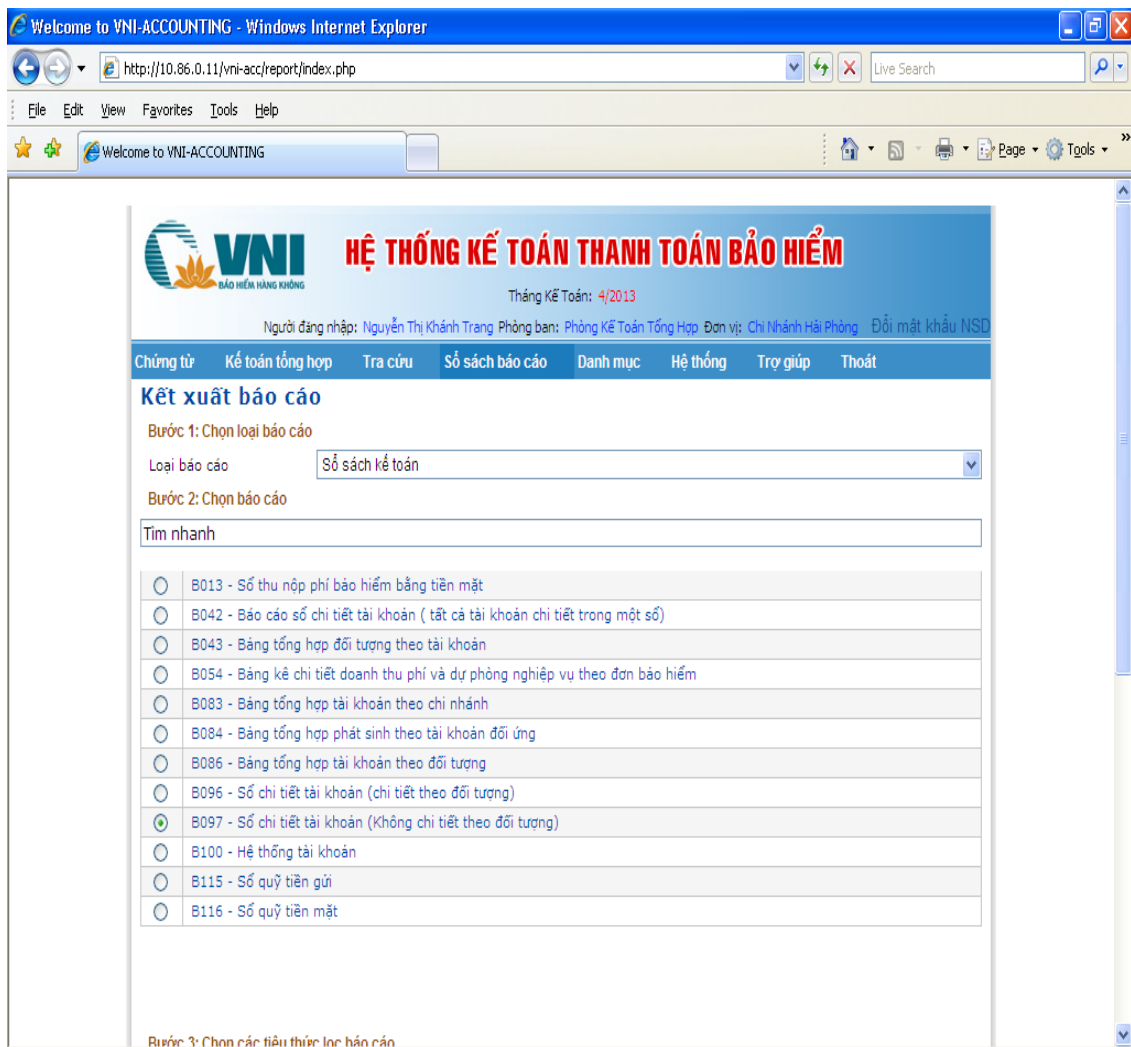
Ngày 01/02/2012 phải trả phí nhượng tái bảo hiểm ngoài nước theo đơn số 291200444 với số tiền 12.150.000 đồng.

Nợ TK 5332	12.150.000
Có TK 33684	12.150.000

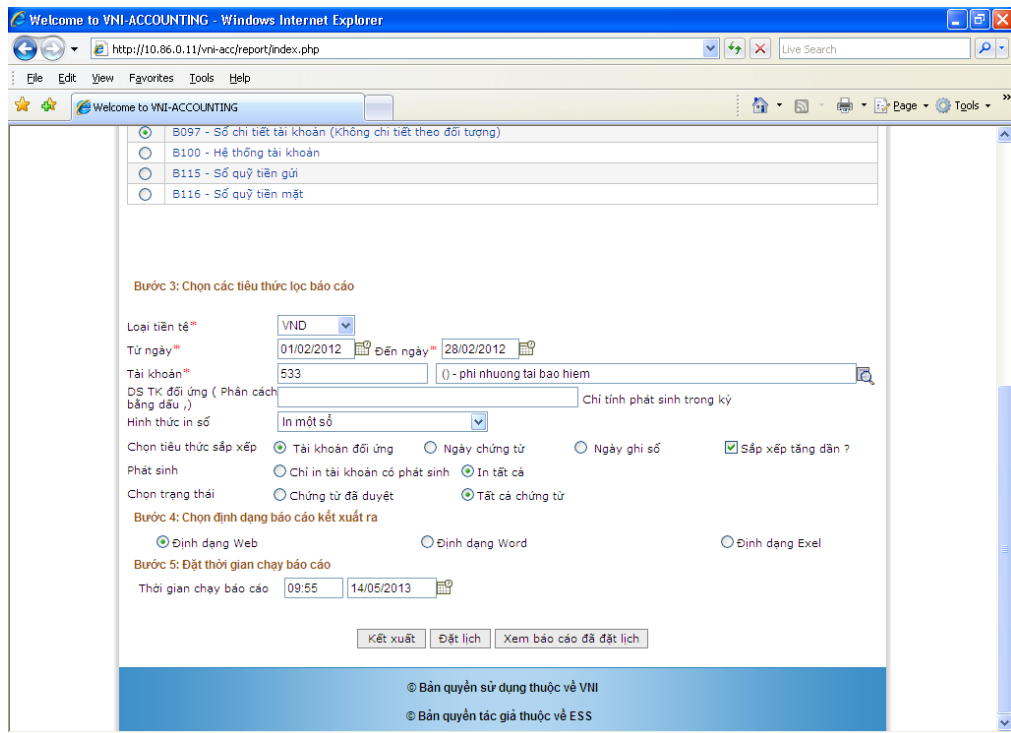
Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Đối với Tài khoản 533 - "Phí nhượng tái bảo hiểm" cũng được hạch toán như đối với Tài khoản 531

Biểu số 2.7: Giao diện phần mềm quy trình các bước kết xuất sổ sách kế toán chi tiết Tài khoản 533 - "Phí nhượng tái bảo hiểm"



Biểu số 2.8: Giao diện phần mềm quy trình các bước kết xuất sổ sách kế toán chi tiết Tài khoản 533 - "Phí nhượng tái bảo hiểm"



Biểu số 2.9: Giao diện phần mềm sổ chi tiết tài khoản 533 - "Phí nhượng tái bảo hiểm" sau khi kết xuất ra

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	Tài khoản chi tiết	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	Số hiệu	Ngày, tháng	Số đơn bảo hiểm/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
					Số dư đầu kỳ			1,727,520,476	0
	01/02/2012	0005478	01/02/2012	291200444	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi nhánh Hải Phòng	5332	33684	12,150,000	0
	01/02/2012	0005478	01/02/2012	291200444	Phải trả phí nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi nhánh Hải Phòng	5331	33684	1,350,000	0
	02/02/2012	0005355	02/02/2012	291106846	Phải trả phí nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291106846 - Chi nhánh Hải Phòng	5331	33684	2,435,548	0
	02/02/2012	0005355	02/02/2012	291106846	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291106846 - Chi nhánh Hải Phòng	5332	33684	21,919,512	0
	02/02/2012	0005355	02/02/2012	291106846.E01	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291106846.E01 - Chi nhánh Hải Phòng	5332	33684	22,257,981	0

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Tài khoản 533 Phí nhượng tái bảo hiểm

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ của tài khoản 533								
					Số dư đầu kỳ			1,727,520,476	0
2	BFSB - Bảo hiểm tàu thuyền								
					Số dư đầu kỳ			115,822,214	0
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291103804 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	36,673,177	0
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804.E01	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291103804.E01 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	72,000,000	0
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804.E01	Phải thu phí bảo hiểm Nhượng tái ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán)-Do hoàn phí/giảm phí BH gốc đơn số 291103804.E01 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	0	36,673,177
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	80,761,241	0
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	79,950,208	0

Sinh viên: Đỗ Thị Yến

79

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu phí bảo hiểm Nhượng tái ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán)-Do hoàn phí/giảm phí BH gốc đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	0	56,308,906
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu phí bảo hiểm Nhượng tái trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán)-Do hoàn phí/giảm phí BH gốc đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	5331	33684	0	21,004,764
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải trả phí nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	5331	33684	30,281,680	0
...
					Tổng phát sinh trong kỳ			1,208,230,172	828,776,865
					Số dư cuối kỳ			495,275,521	0
3	BI - Kỹ thuật bảo hiểm								
					Số dư đầu kỳ			300,172,263	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	0
					Số dư cuối kỳ			300,172,263	0
4	COM - Bảo hiểm hàng hóa								
					Số dư đầu kỳ			420,894,360	0
	02/02/2012	0005355	02/02/2012	291106846	Phải trả phí nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291106846 - Chi Nhánh Hải Phòng	5331	33684	2,435,548	0
	02/02/2012	0005355	02/02/2012	291106846	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291106846 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	21,919,512	0
	03/02/2012	0005356	03/02/2012	291106015-01.E01	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291106015-01.E01 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	10,967,622	0
	03/02/2012	0005356	03/02/2012	291106015-01.E01	Phải thu phí bảo hiểm Nhượng tái ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán)-Do hoàn phí/giảm phí BH gốc đơn số 291106015-01.E01 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	0	12,618,726
...
					Tổng phát sinh trong kỳ			290,257,997	113,974,151
					Số dư cuối kỳ			597,178,206	0
5	CRL - Bảo hiểm trách nhiệm								
					Số dư đầu kỳ			401,289,827	0
	28/02/2012	0005733	28/02/2012	291004220	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi	5332	33684	74,988,000	0

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

					nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291004220 - Chi Nhánh Hải Phòng				
					Tổng số phát sinh trong kỳ			74,988,000	0
					Số dư cuối kỳ			476,277,827	0
6	MVP - Bảo hiểm xe cơ giới								
					Số dư đầu kỳ			0	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	0
					Số dư cuối kỳ			0	0
7	PER - Bảo hiểm con người								
					Số dư đầu kỳ			0	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	0
					Số dư cuối kỳ			0	0
7	PRO - Bảo hiểm tài sản								
					Số dư đầu kỳ			489,341,812	0
	01/02/2012	0005478	01/02/2012	291200444	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi Nhánh Hải Phòng	5332	33684	12,150,000	0
	01/02/2012	0005478	01/02/2012	291200444	Phải trả phí nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi Nhánh Hải Phòng	5331	33684	1,350,000	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			13,500,000	0
					Số dư cuối kỳ			502,841,812	0
7	Tổng số phát sinh trong kỳ của tài khoản 533								
					Số phát sinh trong kỳ			1,586,976,169	942,751,016
8	Số dư cuối kỳ của tài khoản 533								
					Số dư cuối kỳ			2,371,745,629	0

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Phí nhượng tái bảo hiểm

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 01/02/2012

Số chứng từ: 0005478

Ngày chứng từ: 01/02/2012

Loại tiền VNĐ: USD

Tỷ giá hạch toán: 20,828

Tỷ giá thực tế: 20,830

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/Có	Loại ĐTQL	Mã ĐTQL	Số đơn BH	N.Tệ (Nợ)	N.Tệ (Có)	VND (Nợ)	VND (Có)	Nội dung
5332	N	Phí nhượng TBH		291200444	583,29	0	12,150,000	0	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi nhánh Hải Phòng
33684	C	Chi nhánh Hải Phòng	PRO	Bảo hiểm tài sản	0	583,29	0	12,150,000	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi nhánh Hải Phòng
5331	N	Phí nhượng TBH		291200444	64,81	0	1,350,000	0	Phải trả phí nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi nhánh Hải Phòng
33684	C	Chi nhánh Hải Phòng	PRO	Bảo hiểm tài sản	0	64,81	0	1,350,000	Phải trả phí nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi nhánh Hải Phòng
	Tổng cộng				648,10	648,10	1,350,000	1,350,000	

Ngày 01 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

Sinh viên: Đỗ Thị Yên

82

Lớp: QT1305K

2.2.4. Kế toán chi phí tại công ty

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu phí bảo hiểm
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu chi tiền mặt
- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 624 - Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm

- TK 624111 : Chi bồi thường bảo hiểm gốc
- TK 62412 : Chi hoa hồng

❖ Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

- TK 64111 : Chi phí giao dịch khách hàng

❖ Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:

- TK 64251 : Chi phí hội phí
- TK 64252 : Thuế, phí và lệ phí
- TK 64254: Phí, lệ phí cầu đường
- TK 642711: Xăng, dầu
- TK 642715 : Chi phí khác về ô tô
- TK 642746 : Chi phí điện thoại, đường truyền, ADSL
- TK 642721 : Chi công tác phí
- TK 642743 : Chi phí dọn dẹp vệ sinh
- TK 64288 : Chi phí VP khác
- TK 642782 : Bưu phí
- TK 642783 : Chi phí ngân hàng
- TK 642745 : Chi phí điện
- TK 642103 : Bảo hiểm xã hội
- TK 642104 : Bảo hiểm y tế
- TK 642105 : Ăn trưa

- TK 642106 : Phụ cấp khác cho cán bộ (xăng xe, điện thoại)
- TK 642112 : Chi trợ cấp thôi việc
- TK 64221 : Chi phí vật liệu quản lý- chi phí in ấn
- TK 642723 : Chi phí thuê nhà nghỉ đi công tác
- TK 642789 : Chi phí phần mềm , hệ thống

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào các hóa đơn GTGT (liên 2), hóa đơn thu phí bảo hiểm... và phương thức thanh toán về các khoản chi phí phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành hạch toán các nghiệp vụ đó vào Phiếu chi tiền mặt, giấy báo Nợ hoặc Phiếu kế toán. Từ các chứng từ kế toán đó, phần mềm sẽ tự động cập nhập số liệu.

Cuối tháng, khi khóa sổ kế toán sẽ lập Chứng từ ghi sổ tương ứng và phần mềm sẽ đưa dữ liệu vào Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng, Sổ cái các tài khoản có liên quan.

Kết thúc kỳ kế toán, Thực hiện bút toán khóa sổ sách để lập các Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 1:

- ❖ Đối với nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài khoản 641 - "Chi phí bán hàng".

Ngày 17/02/2012, Bùi Minh Tuấn nhân viên phòng Hàng Hải thanh toán chi phí giao dịch khách hàng với số tiền 1.320.000 đồng (bao gồm cả VAT)

Nợ TK 64111	1.200.000
Nợ TK 13311	120.000
Có TK 11111	1.320.000

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Thanh toán chi phí giao dịch:

- Căn cứ vào phiếu chi hoặc là UNC thanh toán qua Ngân hàng
- + Chọn loại nghiệp vụ : Thanh toán chi phí giao dịch
- + Nhập các dữ liệu như ngày hạch toán, ngày chứng từ, số chứng từ, đối tượng thanh toán, nội dung chi...
- + Chọn đơn
- Nhập chi phí xong thì bấm vào nút " Ghi và in" và in chứng từ ra thành 1 bảng chứng từ ghi sổ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP bảo hiểm hàng không
Chi nhánh Hải Phòng
Số 65 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

PHIẾU CHI

Ngày 17 tháng 2 năm 2012

Quyển số: 02
Số: C/02/02/074
Ghi nợ: 64111, 13311
Ghi có: 11111

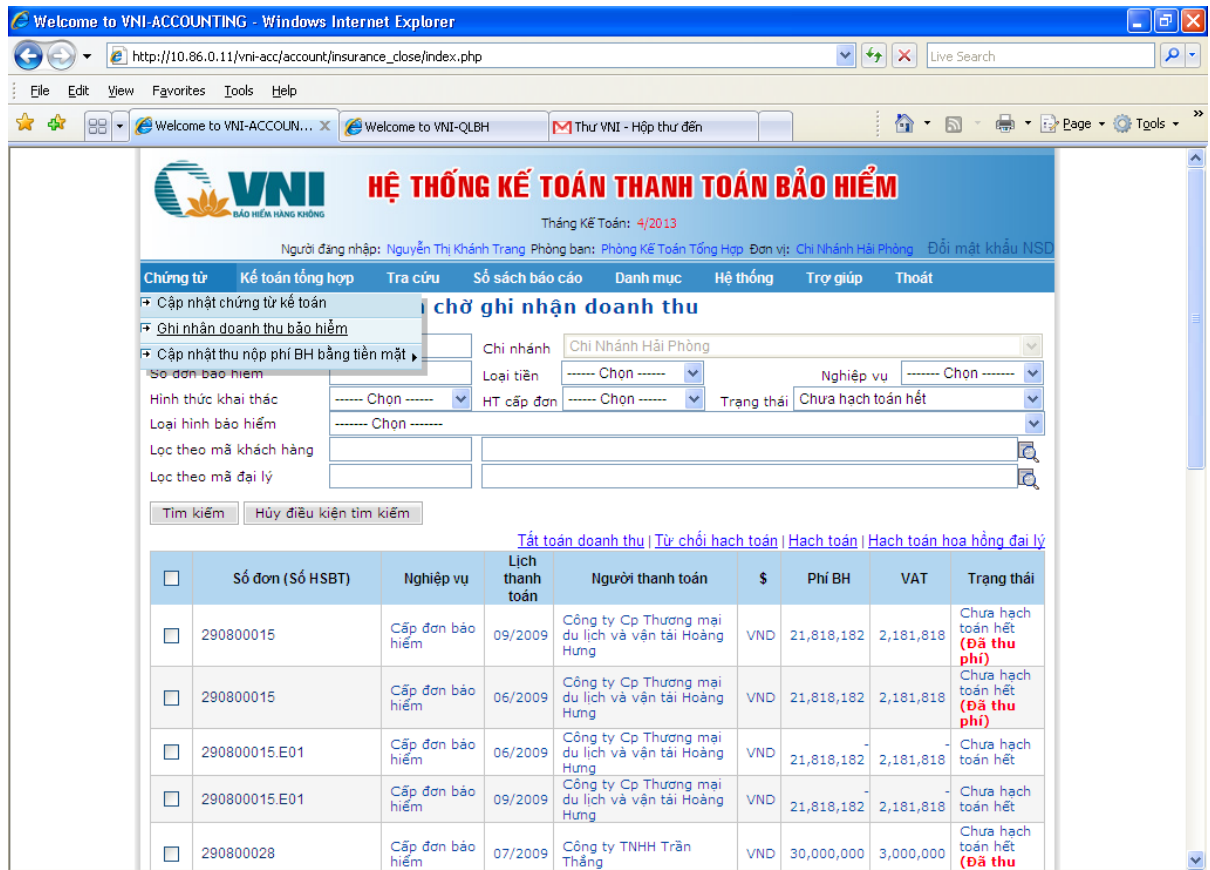
Họ tên người nộp tiền: Bùi Minh Tuấn
Địa chỉ: Phòng Hàng Hải
Lý do nộp: Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng
Số tiền: **1.320.000,00 VNĐ**
Số tiền bằng chữ: **Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn**
Kèm theo chứng từ gốc:

Ngày 17 tháng 02 năm 2012

Giám đốc	Phụ trách kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng.

Biểu số 2.10: Giao diện phần mềm ghi nhận nghiệp vụ



- Căn cứ vào phiếu thu như trên, từ đây kế toán sẽ lựa chọn vào phần chứng từ sau đó kích đúp chuột vào phần " Cập nhật chứng từ kế toán"
- Tiếp đó lựa chọn Nghiệp vụ " Chi tiền mặt"
- Sau đó khai báo thông tin đầy đủ như: tên đơn vị thanh toán, số tiền và nội dung kinh tế.
- Hoàn tất phần nhập chứng từ kế toán ta sẽ thấy giao diện như sau:

Biểu số 2.11: Giao diện chi tiết thông tin của chứng từ kế toán ghi nhận chi phí bán hàng (Chứng từ ghi số Tk 641)

VNI **HỆ THỐNG KẾ TOÁN THANH TOÁN BẢO HIỂM**
 Tháng Kế Toán: 4/2013
 Người đăng nhập: Nguyễn Thị Khánh Trang Phòng ban: Phòng Kế Toán Tổng Hợp Đơn vị: Chi Nhánh Hải Phòng Đổi mật khẩu NSD

Chứng từ Kế toán tổng hợp Tra cứu Sổ sách báo cáo Danh mục Hệ thống Trợ giúp Thoát

Thông tin chi tiết của một chứng từ kế toán

Loại nghiệp vụ: Chi tiền mặt
 Bút toán số: Ngày hạch toán 17/02/2012
 Số chứng từ: C/02/02/074 Ngày chứng từ 17/02/2012
 Loại tiền: VND Tỷ giá hạch toán: 1 Tỷ giá thực tế: 1
 Tổng tiền: 1,320,000

Danh sách hóa đơn VAT

Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày	Người mua/bán	MST	Hàng hóa	Tiền hàng	%	Tiền thuế
0000958	AA/11P	3/2/2012	Công ty TNHH Lê Hoàng	0200441114	ăn uống	1,200,000	10	120,000

Danh sách định khoản

Tài khoản	Nợ/Có	Cấp	Loại đối tượng	Mã đối tượng	Đối tượng	Số đơn BH	Nguyên tệ	VND	Nội dung
11111	C	1					1,200,000	1,200,000	Bùi Minh Tuấn-Phòng Hàng Hải-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng
64111	N	1	Chi nhánh	29	Chi Nhánh Hải Phòng		1,200,000	1,200,000	Bùi Minh Tuấn-Phòng Hàng Hải-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Tài khoản 641 Chi phí bán hàng

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ của tài khoản 641								
					Số dư đầu kỳ			215,117,918	0
2	29-Chi Nhánh Hải Phòng								
					Số dư đầu kỳ			130,628,454	0
	17/02/2012	C/02/02/074	17/02/2012		Bùi Minh Tuấn-Phòng Hàng Hải-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	1,200,000	0
	03/02/2012	C/02/12/011	03/02/2012		Phạm Thị Hà Vỹ-Phòng TS-KT-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	9,465,000	0
	10/02/2012	C/02/12/038	10/02/2012		Bùi Minh Tuấn-Phòng Hàng Hải-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	1,203,636	0
	16/02/2012	C/02/12/062	16/02/2012		Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	6,250,000	0
	16/02/2012	C/02/12/063	16/02/2012		Nguyễn Thị Hạnh-Phòng Phi HH-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	7,400,000	0
	16/02/2012	C/02/12/064	16/02/2012		Phạm Thị Hà Vỹ-Phòng TS-KT-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	11,370,000	0
	17/02/2012	C/02/12/068	17/02/2012		Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	11,680,000	0
...

Sinh viên: Đỗ Thị Yên

88

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

					Tổng phát sinh trong kỳ			114,993,636	0
					Số dư cuối kỳ			495,275,521	0
3	212-VPKV 22 (Lịch Tray)								
					Số dư đầu kỳ			5,706,190	0
	13/02/2012	C/02/12/047	13/02/2012		Nguyễn Quang Vinh-VPKV 22-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	5,676,000	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			5,676,000	0
					Số dư cuối kỳ			11,382,190	0
4	PHH-Phòng Hàng Hải								
					Số dư đầu kỳ			0	0
	04/02/2012	C/02/12/014	04/02/2012		Bùi Minh Tuấn-Phòng Hàng Hải-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	392,000	0
					Tổng phát sinh trong kỳ			392,000	0
					Số dư cuối kỳ			392,000	0
5	PPHH_CNHP-Phòng Phi Hàng Hải								
					Số dư đầu kỳ			42,211,000	0
	09/02/2012	C/02/12/020	09/02/2012		Nguyễn Việt Thắng-Phòng Phi HH-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	5,320,000	0
	09/02/2012	C/02/12/021	09/02/2012		Phan Đăng Đức-Phòng Phi HH-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	5,013,000	0
	16/02/2012	C/02/12/050	16/02/2012		Nguyễn Thị Hạnh-Phòng Phi HH-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	2,860,000	0
	24/02/2012	C/02/12/096	24/02/2012		Phan Đăng Đức-Phòng Phi HH-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng	64111	11111	1,565,000	0
	10/02/2012	TTTU/02/12/001	10/02/2012	C/01/12/062	Nguyễn Việt Thắng-Thanh toán tạm ứng quà tết khách hàng năm 2012	64111	1418	8,181,818	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			33,230,000	0
					Số dư cuối kỳ			69,802,274	0
6	Tổng số phát sinh trong kỳ của tài khoản 641								
					Số phát sinh trong kỳ			177,231,454	0
7	Số dư cuối kỳ của tài khoản 641								
					Số dư cuối kỳ			392,349,372	0

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Chi tiền mặt

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 17/02/2012

Số chứng từ: C02/02/074

Ngày chứng từ: 17/02/2012

Loại tiền VNĐ:

Tỷ giá hạch toán: 1

Tỷ giá thực tế: 1

Tổng tiền 1,200,000

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/Có	Cấp	Loại đối tượng	Mã đối tượng	Đối tượng	Số đơn BH	Nguyên tệ	VNĐ	Nội dung
11111	C	1					1,200,000	1,200,000	Bùi Minh Tuấn-Phòng Hàng Hải-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng
64111	N	1	Chi nhánh	29	Chi nhánh Hải Phòng		1,200,000	1,200,000	Bùi Minh Tuấn-Phòng Hàng Hải-Thanh toán chi phí giao dịch khách hàng
	Tổng cộng						1,200,000	1,200,000	

Ngày 17 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

Ví dụ minh họa 2: Đối với nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài khoản 642 - "Chi phí quản lí doanh nghiệp"

Ngày 09/02/2012, Thanh toán tiền cho Trần Viết Kiên (Lái xe của công ty) mua xăng xe, phí đường bộ, rửa ô tô với số tiền 6.046.350 đồng (Bao gồm cả VAT)

Nợ TK 642711	5.496.682
Nợ TK 13311	549.668
Có TK 11111	6.046.350

Quy trình hạch toán kế toán chi tiết như sau:

Đối với nghiệp vụ này cũng hạch toán tương tự như đối với nghiệp vụ chi phí bán hàng phát sinh như trên:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP bảo hiểm hàng không
Chi nhánh Hải Phòng
Số 65 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02 -TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

PHIẾU CHI

Ngày 9 tháng 2 năm 2012

Quyển số: 02
Số: C/02/02/074
Ghi nợ: 64111, 13311
Ghi có: 11111

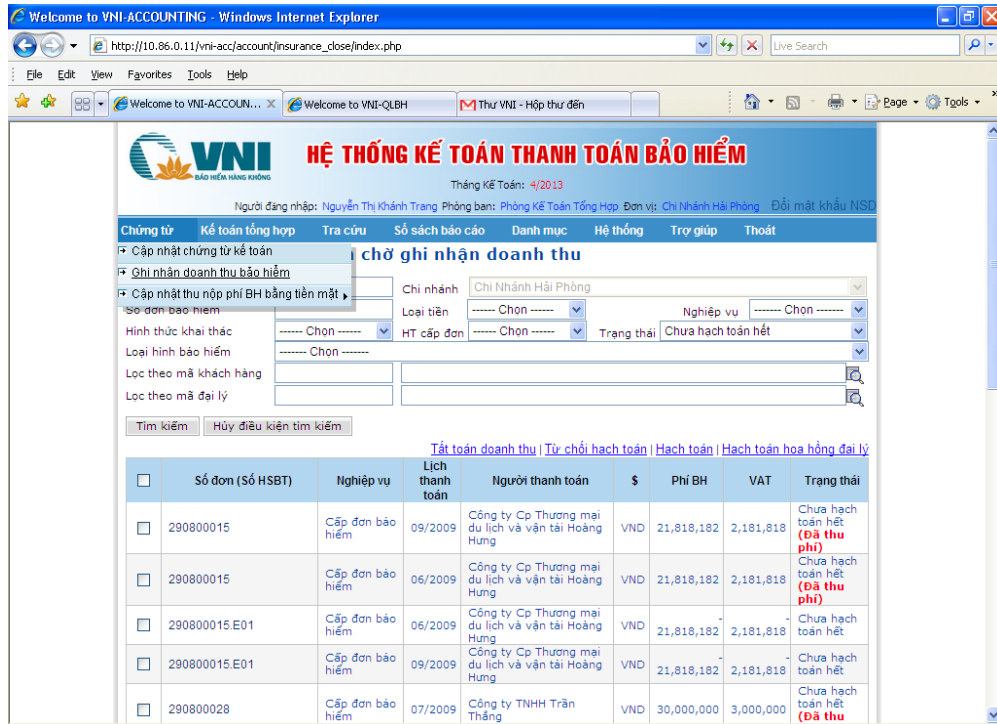
Họ tên người nộp tiền: Trần Viết Kiên
Địa chỉ: Nhân viên lái xe
Lý do nộp: Thanh toán tiền mua xăng xe, phí đường bộ, rửa xe ô tô
Số tiền: **6,046,350,00 VNĐ**
Số tiền viết bằng chữ: **Sáu triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng.**
Kèm theo chứng từ gốc:

Ngày 09 tháng 02 năm 2012

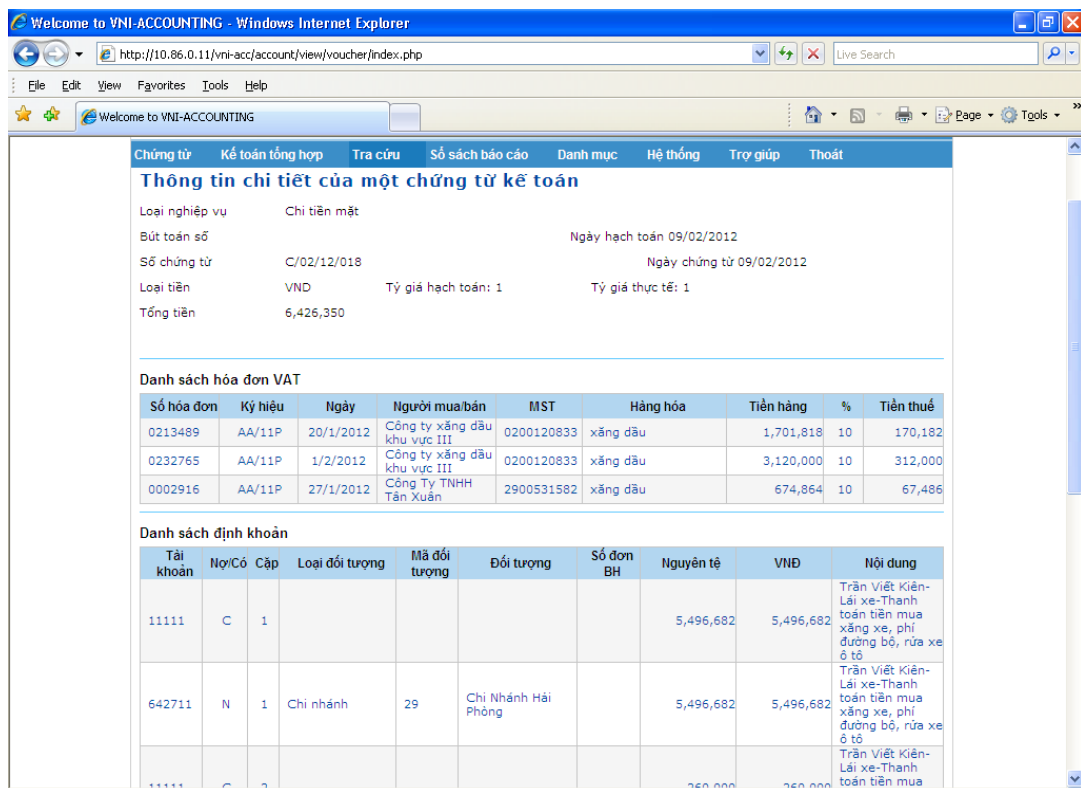
Giám đốc	Phụ trách kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng.

Biểu số 2.12: Giao diện phần mềm ghi nhận nghiệp vụ



Biểu số 2.13: Giao diện phần mềm chi tiết thông tin của chứng từ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (Chứng từ ghi sổ TK 642)



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Tài khoản 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ của tài khoản 642								
					Số dư đầu kỳ			277,013,011	1,383,047
2	29-Chi Nhánh Hải Phòng								
					Số dư đầu kỳ			57,153,218	1,383,047
	09/02/2012	C/02/12/018	09/02/2012		Trần Viết Kiên-Lái xe-Thanh toán tiền mua xăng xe, phí đường bộ, rửa xe ô tô	642711	11111	5,496,682	0
	09/02/2012	C/02/12/018	09/02/2012		Trần Viết Kiên-Lái xe-Thanh toán tiền mua xăng xe, phí đường bộ, rửa xe ô tô	642715	11111	120,000	0
	09/02/2012	C/02/12/019	09/02/2012		Bùi Thị Thắm-TT thông tin di động khu vực V-Thanh toán tiền điện thoại tháng 1.2012 của GD, a. P.Tuấn, Vinh, c.Long, Thu, Trang, Thu, hotline	642746	11111	141,276	0
	09/02/2012	C/02/12/032	09/02/2012		Nguyễn Danh Hiệp-Công ty TNHH TM & DV KTD-Thanh toán tiền phần mềm KIS, máy in màu, đồ mực, linh kiện và sửa chữa máy tính	642789	11111	1,027,274	0
	09/02/2012	TECH02/12/018	09/02/2012		Ngân hàng TMCP Kỹ Thương CNHP -Thanh toán phí chuyển tiền	642783	11212	264,000	0
	16/02/2012	TECH02/12/021	16/02/2012		Điện lực Ngô Quyền -Thanh toán tiền điện CN tháng 01/2012	642745	11212	2,758,860	0
...
					Tổng phát sinh trong kỳ			21,825,260	0
					Số dư cuối kỳ			77,595,431	0

Sinh viên: Đỗ Thị Yến

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3	200-VPKV 20 (Quảng Ninh)				Số dư đầu kỳ			8,253,600	0
	17/02/2012	C/02/12/072	17/02/2012		Lê Sĩ Hùng-VPKV Quảng Ninh-Thanh toán bổ sung phụ cấp tháng 01.2012	642106	11111	500,000	0
	17/02/2012	C/02/12/072	17/02/2012		Lê Sĩ Hùng-VPKV Quảng Ninh-Thanh toán bổ sung phụ cấp tháng 01.2012	642105	11111	400,000	0
...
					Tổng số phát sinh trong kỳ			1,353,600	0
					Số dư cuối kỳ			9,607,200	0
4	212-VPKV 22 (Lạch Tray)				Số dư đầu kỳ			10,859,570	0
	09/02/2012	C/02/12/019	09/02/2012		Bùi Thị Thắm-TT thông tin di động khu vực V-Thanh toán tiền điện thoại tháng 1.2012 của GD, a. P.Tuấn, Vinh, c.Long, Thư, Trang, Thu, hotline	642746	11111	400,000	0
	17/02/2012	THUPTA/02/12/001	17/02/2012		Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN phải nộp cho CBNV tháng 02/2012	642103	3383	1,058,760	0
...
					Tổng phát sinh trong kỳ			1,807,702	0
					Số dư cuối kỳ			12,667,272	0
5	BGD_CNHP-Ban Giám Đốc				Số dư đầu kỳ			75,759,085	0
	27/02/2012	C/02/12/111	27/02/2012		Bùi Minh Tuấn-Phòng Hàng Hải-Thanh toán tiền điện thoại tháng 12.2011 và tháng 01.2012	642746	11111	400,000	0
	17/02/2012	THUPTA/02/12/001	17/02/2012		Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN phải nộp cho CBNV tháng 02/2012	642103	3383	497,760	0
...
					Tổng số phát sinh trong kỳ			1,014,880	0
					Số dư cuối kỳ			69,802,274	0
...
12	Tổng số phát sinh trong kỳ của tài khoản 642								
					Số phát sinh trong kỳ			43,520,246	0
13	Số dư cuối kỳ của tài khoản 642								
					Số dư cuối kỳ			319,150,210	0

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Chi tiền mặt

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 09/02/2012

Số chứng từ: C02/02/018

Ngày chứng từ: 09/02/2012

Loại tiền: VNĐ

Tỷ giá hạch toán: 1

Tỷ giá thực tế: 1

Tổng tiền: 5,496,682

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/Có	Cặp	Loại đối tượng	Mã đối tượng	Đối tượng	Số đơn BH	Nguyên tệ	VNĐ	Nội dung
11111	C	1					5,496,682	5,496,682	Trần Viết Kiên-Lái xe-Thanh toán tiền mua xăng xe, phí đường bộ, rửa xe ô tô
642711	N	1	Chi nhánh	29	Chi nhánh Hải Phòng		5,496,682	5,496,682	Trần Viết Kiên-Lái xe-Thanh toán tiền mua xăng xe, phí đường bộ, rửa xe ô tô
	Tổng cộng						5,496,682	5,496,682	

Ngày 09 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

Ví dụ minh họa 3:

- ❖ Đối với nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài khoản 624 - "Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm".

Ngày 03/02/2012 Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc cho công ty cổ phần quốc tế Samnec đơn số BT 291200038.F02 với số tiền 1.150.000 đồng.

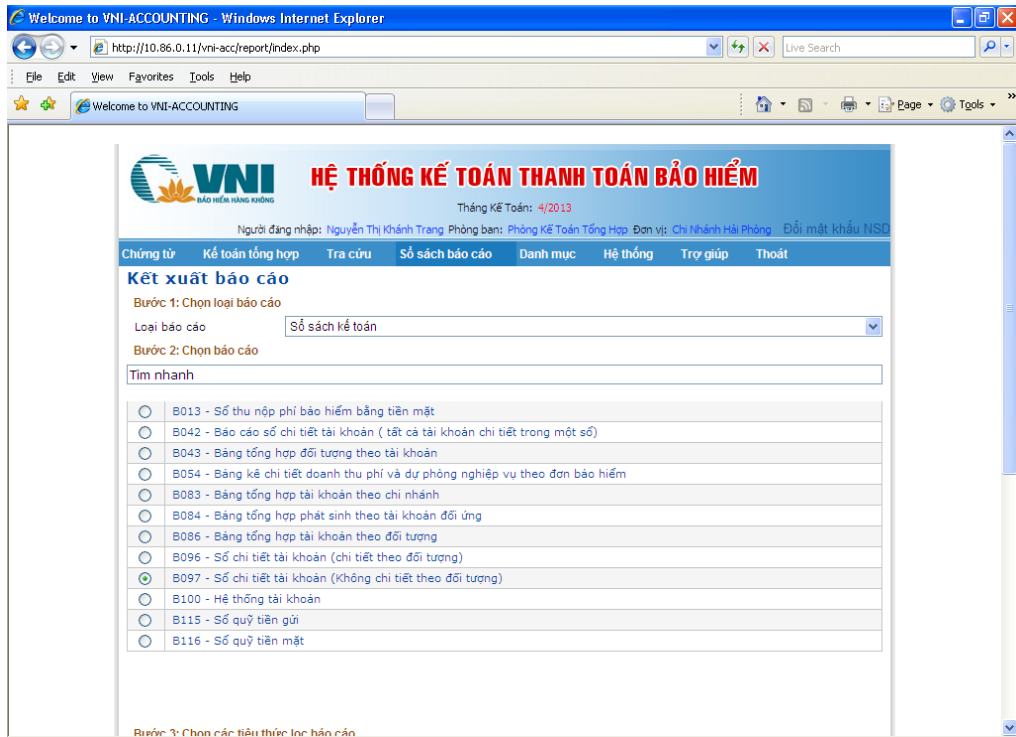
Nợ TK 624111 1.150.000

Có TK 33111 1.150.000

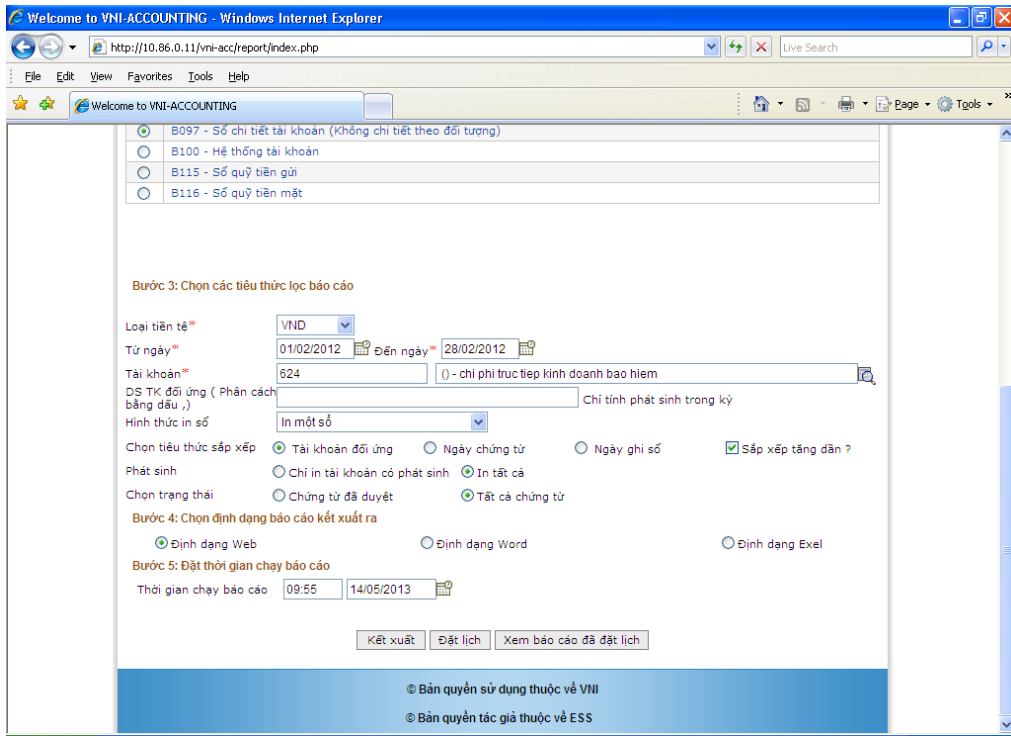
Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Đối với tài khoản 624 - "Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm" được hạch toán tương tự như đối với tài khoản 641 và tài khoản 642.

Biểu số 2.14: Giao diện phần mềm quy trình các bước kết xuất sổ sách chi tiết tài khoản 624 - "Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm"



Biểu số 2.15: Giao diện phần mềm quy trình các bước kết xuất sổ sách chi tiết tài khoản 624 - "Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm"



Biểu số 2.16: Giao diện phần mềm sổ chi tiết tài khoản 624 sau khi được kết xuất ra

The screenshot displays the 'SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN' for account 624. The header includes 'CÔNG TY BẢO HIỂM VNI Chi nhánh Hải Phòng' and 'Mẫu số: S33-DN (Ban hành theo QB số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)'. The report title is 'SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN' with details: 'Loại tiền tệ VND', 'Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012', 'Tài khoản 624 Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm', and 'DS TK đối ứng (Phân cách bằng dấu.)'. The main table has the following structure:

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	Tài khoản chi tiết	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	Số hiệu	Ngày, tháng	Số đơn bảo hiểm/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
					Số dư đầu kỳ			1,571,054,811	421,115,840
	03/02/2012	BT291200038.F02	03/02/2012	BT291200038.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200038.F02 - Cty CP Quốc Tế Samnec	624111	331111	1,150,000	0
	03/02/2012	BT291200039.F02	03/02/2012	BT291200039.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200039.F02 - Cty CP Quốc Tế Samnec	624111	331111	1,500,000	0
	06/02/2012	BT291101283.F02	06/02/2012	BT291101283.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291101283.F02 - Hoàng Văn Khoa	624111	331111	1,500,000	0
	06/02/2012	BT291101354.F02	06/02/2012	BT291101354.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291101354.F02 - Công ty TNHH Phân Phối hàng Tiêu Dùng Quốc Tế	624111	331111	750,000	0
	06/02/2012	BT291101359.F02	06/02/2012	BT291101359.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291101359.F02 - Công ty TNHH vận tải Bus Hải Phòng	624111	331111	3,350,000	0

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Tài khoản 624 Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ của tài khoản 624								
					Số dư đầu kỳ			1,571,054,811	421,115,840
2	BFSB - Bảo hiểm tàu thuyền								
					Số dư đầu kỳ			28,275,064	2,049,623
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804	Phải trả hoa hồng BH gốc đơn số 291103804 - Môi giới Á Đông	62412	33112	6,881,754	0
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804.E01	Phải thu lại hoa hồng BH gốc-Do Hoàn phí/Giảm phí BH gốc đơn số 291103804.E01 - Môi giới Á Đông	62412	33112	0	745,419
					Tổng phát sinh trong kỳ			6,881,754	745,419
					Số dư cuối kỳ			34,411,399	2,049,623
3	BI - Kỹ thuật bảo hiểm								
					Số dư đầu kỳ			17,167,183	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	0
					Số dư cuối kỳ			17,167,183	0
4	COM - Bảo hiểm hàng hóa								
					Số dư đầu kỳ			110,727,522	0
	02/02/2012	0005461	02/02/2012	291200391	Phải trả hoa hồng BH gốc đơn số 291200391 - Đặng Thị Phương Chi	62412	33112	90,819	0
	02/02/2012	0005462	02/02/2012	291200392	Phải trả hoa hồng BH gốc đơn số 291200392 -	62412	33112	90,819	0

Sinh viên: Đỗ Thị Yến

99

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

					Đặng Thị Phương Chi				
	02/02/2012	0005463	02/02/2012	291200393	Phải trả hoa hồng BH gốc đơn số 291200393 - Đặng Thị Phương Chi	62412	33112	90,819	0
	02/02/2012	0005464	02/02/2012	291200394	Phải trả hoa hồng BH gốc đơn số 291200394 - Đặng Thị Phương Chi	62412	33112	90,819	0
	02/02/2012	0005465	02/02/2012	291200395	Phải trả hoa hồng BH gốc đơn số 291200395 - Đặng Thị Phương Chi	62412	33112	181,846	0
...
					Tổng phát sinh trong kỳ			64,571,275	43,636
					Số dư cuối kỳ			175,255,161	0
5	CRL - Bảo hiểm trách nhiệm								
					Số dư đầu kỳ			22,549,194	0
	28/02/2012	0005733	28/02/2012	291004220	Phải trả hoa hồng BH gốc đơn số 291004220 - Trần Hữu Nghị	62412	33112	4,124,340	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			4,124,340	0
					Số dư cuối kỳ			26,673,534	0
6	MVP - Bảo hiểm xe cơ giới								
					Số dư đầu kỳ			1,296,575,879	2,687,500
	17/02/2012	BT291100959.F01	17/02/2012	BT291100959.F01	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291100959.F01 - Hoàng Tuấn Anh	624111	33111	42,500,000	0
	23/02/2012	BT291101061.F02	23/02/2012	BT291101061.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291101061.F02 - Cty TNHH TM Quang Trường	624111	33111	60,545,000	0
	23/02/2012	BT291101062.F02	23/02/2012	BT291101062.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291101062.F02 - Cty TNHH TM Quang Trường	624111	33111	30,440,000	0
	03/02/2012	BT291200038.F02	03/02/2012	BT291200038.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200038.F02 - Cty CP Quốc Tế Samnec	624111	33111	1,150,000	0
	03/02/2012	BT291200039.F02	03/02/2012	BT291200039.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200039.F02 - Cty CP Quốc Tế Samnec	624111	33111	1,500,000	0
	17/02/2012	BT291200040.F02	17/02/2012	BT291200040.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200040.F02 - Nguyễn Đình Nam	624111	33111	3,200,000	0
	23/02/2012	BT291200044.F02	23/02/2012	BT291200044.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200044.F02 - Vũ Văn Cương	624111	33111	1,650,000	0
	17/02/2012	BT291200045.F02	17/02/2012	BT291200045.F02	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200045.F02 - Công ty CP Thiết Kế Chế Tạo Thiết Bị	624111	33111	4,050,000	0

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

...
					Tổng số phát sinh trong kỳ			431,712,167	0
					Số dư cuối kỳ			1,728,288,046	2,687,500
7	PER - Bảo hiểm con người								
					Số dư đầu kỳ			6,680,600	0
	17/02/2012	BT29120 0004.G0 1	17/02/2012	BT291200004.G01	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200004.G01 - Ban Quản Lý Quỹ Tài Chính Vi Mô	624111	33111	1,100,000	0
	22/02/2012	BT29120 0005.G0 1	22/02/2012	BT291200005.G01	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200005.G01 - Ban Quản Lý Quỹ Tài Chính Vi Mô	624111	33111	1,000,000	0
	22/02/2012	BT29120 0006.G0 1	22/02/2012	BT291200006.G01	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200006.G01 - Ban Quản Lý Quỹ Tài Chính Vi Mô	624111	33111	1,000,000	0
	24/02/2012	BT29120 0007.G0 1	24/02/2012	BT291200007.G01	Phải trả bồi thường BH gốc cho khách hàng đơn số BT291200007.G01 - Ban Quản Lý Quỹ Tài Chính Vi Mô	624111	33111	1,200,000	0
...
					Tổng số phát sinh trong kỳ			7,649,600	0
					Số dư cuối kỳ			14,330,200	0
8	PRO - Bảo hiểm tài sản								
					Số dư đầu kỳ			50,306,878	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			0	0
					Số dư cuối kỳ			50,306,878	0
9	Tổng số phát sinh trong kỳ của tài khoản 624								
					Số phát sinh trong kỳ			514,939,136	789,055
10	Số dư cuối kỳ của tài khoản 624								
					Số dư cuối kỳ			2,085,204,892	421,115,840

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Bồi thường bảo hiểm
Số bút toán:
Số chứng từ: C03/02/12
Loại tiền VNĐ: VND

Ngày hạch toán: 03/02/2012
Ngày chứng từ: 03/02/2012

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/Có	Loại ĐTQL	Mã ĐTQL	Số đơn BH	N.Tệ (Nợ)	N.Tệ (Có)	VND (Nợ)	VND (Có)	Nội dung
624111	N	Bồi thường bảo hiểm		BT291200 038.F02	1,150,000	0	1,150,000	0	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi nhánh Hải Phòng
33111	C	Chi nhánh Hải Phòng	MVP	Bảo hiểm xe cơ giới	0	1,150,000	0	1,150,000	Phải trả phí nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291200444 - Chi nhánh Hải Phòng
	Tổng cộng				1,150,000	1,150,000	1,150,000	1,150,000	

Ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng
- Sổ phụ của ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

❖ **Tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính**

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo có của ngân hàng, phiếu chi kế toán sẽ nhập vào phần chứng từ kế toán.

Cuối tháng kế toán căn cứ thông tin chi tiết của chứng từ kế toán lập Chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 515 và TK 635.

Cuối quý, năm từ sổ cái các TK 515, 635 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh sẽ lập ra Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 1:

- ❖ Đối với nghiệp vụ phát sinh liên quan đến TK 515 - "Doanh thu hoạt động tài chính"

Ngày 24/02/2012, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần xuất nhập khẩu chi nhánh Quảng Ninh trả lãi tháng 2/2012 với số tiền 5.124 đồng

Nợ TK 51512	5.124
Có TK 11211	5.124

Quy trình hạch toán kế toán chi tiết như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

EXIMBANK QUANG NINH

CTY CP BAO HIEM HANG KHONG
CN HAI PHONG

MÃ KH: 1900-105182840 SỐ SỔ: 2/12 TK NHNN: 4211

SỔ CHI TIẾT KẾ TOÁN

Ngày: 24/02/2012 Ngày PS trước: 21/01/2012

SỐ TK: **190014851001928 VND**

SỐ CHỨNG TỪ	NGÀY HL	MÃ NV	TK ĐƯ	PHÁT SINH NỢ	PHÁT SINH CÓ
SỐ DƯ ĐẦU NGÀY					1.808.634
LÃI	24/02/2012	DPDAW100	801002		5.124
CỘNG NGÀY					5.124
TÍCH LŨY THÁNG					5.124
TÍCH LŨY NĂM					9.334
SỐ DƯ CUỐI					1.813.758

Chữ ký người kiểm soát

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Vietnam Eximbank)

Số BT(Entry No.): OPUSER01(ký hiệu HĐ)

Chi nhánh (HO/Branch): EIB QUANG MINH

120224-0(SỐ HĐ)

Địa chỉ (Address): 14-16 Tran Hung Dao,P.Tran Hung Dao,TP. Ha Long, Quang Ninh, Viet Nam

Mã số thuế (Tax code): 0301179079-012

Tel: 84.033.3518586

Fax: 84.033.3518586

GIẤY BÁO (ADVICE)

Tên khách hàng (Customer name): VNI HAI PHONG

Mã số khách hàng (CIF No.): 1900-105182840

Địa chỉ (Address): SO 65 NGUYEN TRAI NGO QUYEN HAI PHONG

Mã số thuế (Tax code): 0102737963005 Ngày (Created Date) : 24/02/12

Ngày HL (Value Date): 24/02/12

Chúng tôi xin thông báo (Please advise that)

- Chúng tôi đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách/ đã nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:
We have debited your account/ or received by cash, the following amount:
- Chúng tôi đã ghi Có tài khoản của Quý khách/ đã trả bằng tiền mặt số tiền như sau:
We have credited your account/ or paid by cash, the following amount:

NỘI DUNG (Description)	Deposit		
TÀI KHOẢN (A/C No.)	190014851002928	SỐ THAM CHIẾU (Reference No.)	

CHI TIẾT (Item)	SỐ TIỀN (Amount)		GHI CHÚ (Remark)
C.C.A	VND	5.124	LAI TIEN GUI
Total Amount	VND	5.124	

Số tiền bằng chữ (Amount in words)	Năm nghìn một trăm hai mươi đồng.
---------------------------------------	-----------------------------------

LAI TIEN GUI

TTV giữ tài khoản (File Keeper): NGUYEN THI HONG DIEP

Người lập BT (Original entry):

Người phê duyệt (Checked by):

Thanh toán viên
(Printed by)

Kiểm soát viên
(Checked by)

Giám đốc
(Approved by)

Biểu số 2.17: Giao diện phần mềm ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

The screenshot shows the VNI ACCOUNTING software interface. The main title is "HỆ THỐNG KẾ TOÁN THANH TOÁN BẢO HIỂM" (Insurance Payment Accounting System). The user is logged in as Nguyễn Thị Khánh Trang. The current month is 4/2013. The screen displays the "Danh sách chứng từ của kế toán viên" (Accountant's Voucher List) with various search filters and a table of vouchers.

Search Filters:

- Loại tiền tệ: VND
- Ngày hạch toán Từ: 01/02/2012
- Đến: 30/4/2013
- Số chứng từ: EX02/12/001
- Số tiền NT từ: [Empty]
- Tài khoản: [Empty]
- Số đơn BH: [Empty]
- Loại đối tượng: ----- Chọn -----
- Đối tượng: [Empty]
- Loại nghiệp vụ: ----- Chọn -----
- Trạng thái: ----- Chọn -----
- Ký hiệu hóa đơn VAT: [Empty]
- Số hóa đơn VAT: [Empty]

Table of Vouchers:

<input type="checkbox"/>	Số chứng từ	Bút toán số	Ngày hạch toán	Loại nghiệp vụ	S	Nguyên tệ	VND	Trạng thái
<input type="checkbox"/>	EX02/12/001		24/02/2012	Thu tiền gửi Ngân hàng	VND	5,124	5,124	Chờ duyệt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI
Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ
Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012
Tài khoản 515 Doanh thu hoạt động tài chính
Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng	số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ của tài khoản 515								
					Số dư đầu kỳ			0	2,368,486
2									
					Số dư đầu kỳ			0	2,368,486
	24/02/2012	EX02/12/001	24/02/2012		Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu CNQN-Trả lãi ngân hàng tháng 02/2012	51512	11211	0	5.124
					Tổng phát sinh trong kỳ			0	5,124
					Số dư cuối kỳ			0	2,373,610
3	Tổng phát sinh trong kỳ của tài khoản 515								
					Tổng phát sinh trong kỳ			0	5,124
4	Số dư cuối kỳ tài khoản 515								
					Số dư cuối kỳ			0	2,373,610

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Thu tiền gửi Ngân hàng

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 24/02/2012

Số chứng từ: EX02/12/001

Ngày chứng từ: 24/02/2012

Loại tiền VNĐ: VND

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/Có	Loại ĐTQL	Mã ĐTQL	Số đơn BH	N.Tệ (Nợ)	N.Tệ (Có)	VND (Nợ)	VND (Có)	Nội dung
11211	N	Ngân hàng	EX_BANK		5,124	0	5,124	0	Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu CNQN - Trả lãi Ngân hàng tháng 02/2012
51512	C				0	5,124	0	5,124	Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu CNQN - Trả lãi Ngân hàng tháng 02/2012
	Tổng cộng				5,124	5,124	5,124	5,124	

Ngày 24 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
CÔNG TY BẢO HIỂM VNI
Chi Nhánh Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Loại tiền tệ VND

Tài khoản 11211 Tiền gửi ngân hàng VND - Tài khoản chuyên thu
EX-BANK Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh
(Eximbank Quang Ninh)

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Số chứng từ

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngày hạch toán	Cán bộ hạch toán	Số tiền
1	EX02/12/001	24/02/212	24/02/2012	Nguyễn Thị Khánh Trang	5,124
	Tổng cộng				5,124

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu tiền mặt
- Phiếu chi tiền mặt

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 - Thu nhập khác
TK 7118 : Thu nhập bất thường
- Tài khoản 811 - Chi phí khác
TK 8118 : Chi phí bất thường

2.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Hàng ngày, khi phát sinh các hóa đơn GTGT hoặc các biên bản liên quan đến các hoạt động khác của doanh nghiệp như thanh toán hoa hồng, thanh lý tài sản, phạt do vi phạm hợp đồng... kế toán tiến hành lập các chứng từ ghi nhận nghiệp vụ như Phiếu kế toán, Phiếu thu, Phiếu chi... để phân mềm làm căn cứ đưa số liệu vào Phiếu phân tích tài khoản (nếu cần).

Sau đó, từ các dữ liệu đã được khai báo ban đầu như trên, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ tương ứng và các chứng từ ghi sổ sẽ tự động được phần mềm cập nhật số liệu vào Sổ cái tài khoản 711, 811, 111, 112..., Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng của các tài khoản có liên quan.

Cuối quý, thực hiện thao tác khóa sổ trên máy tính để lập bảng cân đối số phát sinh và các Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 1:

- ❖ Đối với nghiệp vụ liên quan đến tài khoản 711 - Thu nhập khác

Ngày 23/02/2012, Nguyễn Thị Hằng thanh toán tiền bảo hiểm theo hợp đồng số 291200353, 291200349, 291200222 bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền 4.250 đồng tại ngân hàng Sacombank.

Nợ TK 11211	4.250
Có TK 7118	4.250

Quy trình hạch toán kế toán chi tiết như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Quan tri he thong Ngân hàng Diem Tu Sacombank

Sacombank

NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

PGD HOA PHUONG-CN HAI PHONG

Mã số thuế /Tax code

GIẤY BÁO CÓ

CREDIT ADVICE

Ngày/Date: 23/02/2012

Số chứng từ/Ref No: TT1205403486\HP4

User in/User ID: yenvtn

Ngày/Date: 05/03/2012 09:32:06

Đơn vị hưởng/ Beneficiary: CTY CP BAO HIEM HANG KHONG - CNHP
Địa chỉ/ Addresss: SO 65 NGUYEN TRAI, MAY TO
Số tài khoản/ Account no: 030002397966
Nơi nhận/ At: SACOMBANK - PGD HOA PHUONG - CN HP

Số tiền/ Amount: 11,390,000 VND
Muoi mot trieu ba tram chin muoi nghin dong

Nội dung/ Description: NGUYEN THI HANG NOP TM

CTY CP BAO HIEM HANG KHONG-CNHP

Ghi sổ ngày/ Date:

Kế toán

Accountant

Chủ tài khoản

Acount holder

Giao dịch viên

Teller

SACOMBANK - PGD HOA PHUONG-CN HP

Ghi sổ ngày/ Date:

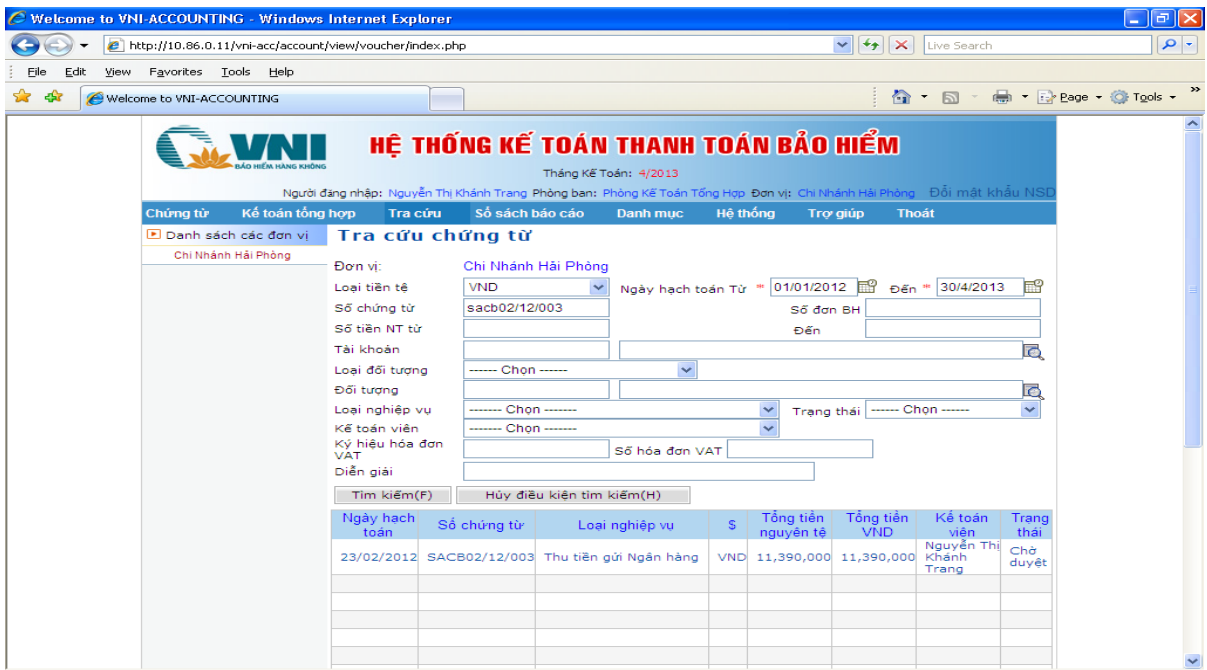
Kiểm soát viên

Authoriser

Trưởng đơn vị

Manager

Biểu số 2.18: Giao diện phần mềm chứng từ liên quan đến khoản thu tiền gửi ngân hàng



Biểu số 2.19: Giao diện phần mềm hạch toán tài khoản 711 - "Thu nhập khác"



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Tài khoản 711 Doanh thu bán hàng

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Số	Ngày, tháng	Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
		số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số Số dư đầu kỳ của tài khoản 711								
					Số dư đầu kỳ			0	2,200
2	Số dư đầu kỳ								
					Số dư đầu kỳ			0	2,200
	13/02/2012	SACB02/12/001	13/02/2012		Công ty TNHH Roze Robotech-Thanh toán tiền bảo hiểm theo bảng kê	7118	11211	0	2
	13/02/2012	SACB02/12/001A	13/02/2012		Công ty TNHH Roze Robotech-Thanh toán phí bảo hiểm theo bảng kê	7118	11211	0	1
	23/02/2012	SACB02/12/003	23/02/2012		Nguyễn Thị Hằng-Thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/ 291200222	7118	11211	0	4,250
	24/02/2012	TECHCT02/12/015	24/02/2012		Công ty bảo hiểm BIDV Thăng Long -Thanh toán phí đồng bảo hiểm HĐ 291103741 (tàu Angness kỳ 2) Hoa hồng tái BH	7118	11211	0	216
	16/02/2012	C/02/12/058	16/02/2012	291200677	Nguyễn Xuân Tùng-Đại lý-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê	7118	33112	0	3
	16/02/2012	C/02/12/059	16/02/2012	29120095	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ	7118	33112	0	17

Sinh viên: Đỗ Thị Yến

113

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

				0	theo bảng kê				
	16/02/2012	C/02/12/060	16/02/2012	29120044 3	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HD theo bảng kê	7118	33112	0	7
	16/02/2012	C/02/12/061	16/02/2012	29120074 8	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HD theo bảng kê	7118	33112	0	16
	28/02/2012	NGOCDTM 02/12/004A	28/02/2012	29110365 4	Công ty chi hộ phí đồng bảo hiểm Công ty xăng dầu hàng không cho Bảo Việt (đơn VC nội địa)	7118	33118	0	14,166
	15/02/2012	NGOCDTM 02/12/003	15/02/2012		Công ty thu hộ phí bảo hiểm hàng hóa Công ty xăng dầu hàng không	7118	33681	0	142
					Tổng phát sinh trong kỳ			0	18,820
					Số dư cuối kỳ			0	21,020
3	Tổng số phát sinh trong kỳ của tài khoản 711								
					Số phát sinh trong kỳ			0	18,820
4	Số dư cuối kỳ tài khoản 711								
					Số dư cuối kỳ			0	21,020

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Thu tiền gửi Ngân hàng
Số bút toán:
Số chứng từ: SACB02/12/003
Loại tiền VNĐ: VND

Ngày hạch toán: 23/02/2012
Ngày chứng từ: 23/02/2012

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/Có	Loại ĐTQL	Mã ĐTQL	Số đơn BH	N.Tệ (Nợ)	N.Tệ (Có)	VND (Nợ)	VND (Có)	Nội dung
13111	C	Khách hàng	CNHP00000075	291200353.BB137278	0	6,492,500	0	6,492,500	Nguyễn Thị Thanh Hằng - thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/291200222
11211	N	Ngân hàng	SACB	291200353.BB137278	6,492,500	0	6,492,500	0	Nguyễn Thị Thanh Hằng - thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/291200222
13111	C	Khách hàng	2900000114	291200349.BB137276	0	3,730,000	0	3,730,000	Nguyễn Thị Thanh Hằng - thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/291200222
11211	N	Ngân hàng	SACB	291200349.BB137276	3,730,000	0	3,730,000	0	Nguyễn Thị Thanh Hằng - thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/291200222
13111	C	Khách hàng	2900005171	291200209.BB137274	0	1,163,250	0	1,163,250	Nguyễn Thị Thanh Hằng - thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/291200222

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

11211	N	Ngân hàng	SACB	291200209.BB137274	1,163,250	0	1,163,250	0	Nguyễn Thị Thanh Hằng - thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/291200222
7118	C				0	4,250	0	4,250	Nguyễn Thị Thanh Hằng - thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/291200222
11211	N	Ngân hàng	SACB		4,250	0	4,250	0	Nguyễn Thị Thanh Hằng - thanh toán tiền bảo hiểm HĐ 291200353/291200349/291200222
	Tổng cộng				11,390,000	11,390,000	11,390,000	11,390,000	

Ngày 23 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP bảo hiểm Hàng Không
Chi nhánh Hải Phòng
Số 65 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, HP

Mẫu số 02-TT
QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 02 năm 2012

Quyển số:.....
Số: C02/12/041
Số: 33112, 8118
Số: 11111

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Thu
Địa chỉ: Phòng TS - KT
Lý do nộp: Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê
Số tiền: **1,431,854.00 VND**
Số tiền bằng chữ: **Một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn tám trăm năm mươi tư đồng**
Kèm theo chứng từ gốc:

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn tám trăm năm mươi tư đồng



Đơn vị: CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2012

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Họ tên người thanh toán: Nguyễn Thị Thu

Đơn vị công tác: Tài Sản

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền hoa hồng theo bản kê

Nguồn chi:

Chi tiết thanh toán

T/T	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
	Ngày	Số		NET	VAT	Cộng
			Thanh toán tiền hoa hồng	1,360,261		1,360,261
1			Đại lý Nguyễn Thị Hương Thảo	1,431,854		1,431,854
			thuế giữ lại 5%	(71,593)		(71,593)
2						-
						0
			Tổng cộng	1,360,261	-	1,360,261

Tổng số tiền (bằng chữ):

Một triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm sáu mươi một đồng.

Hình thức thanh toán:

- Tiền mặt:
- Chuyển khoản:

Tên TK:

Số TK:

Ngân hàng:

BAN GIÁM ĐỐC**KÊ TOÁN TRƯỞNG****PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN****NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2	VCNĐ	2912006745			1,022,745	10%	102,275	
3	VCNĐ	291106777			1,022,745	10%	102,275	
4	VCNĐ	291106778			1,022,745	10%	102,275	
5	VCNĐ	291106934			1,022,745	10%	102,275	
6	VCNĐ	291106935			1,022,745	10%	102,275	
7	VCNĐ	291106936			1,022,745	10%	102,275	
TỔNG CỘNG								1,431,854

Thuế giữ lại: 5 %

71,593

Số tiền hoa hồng:

1,360,261

Bằng chữ: *Một triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm sáu mươi một đồng.*

Kèm theo chứng từ: Phiếu thu tiền phí bảo hiểm

Kế toán trưởng

Kế toán viên

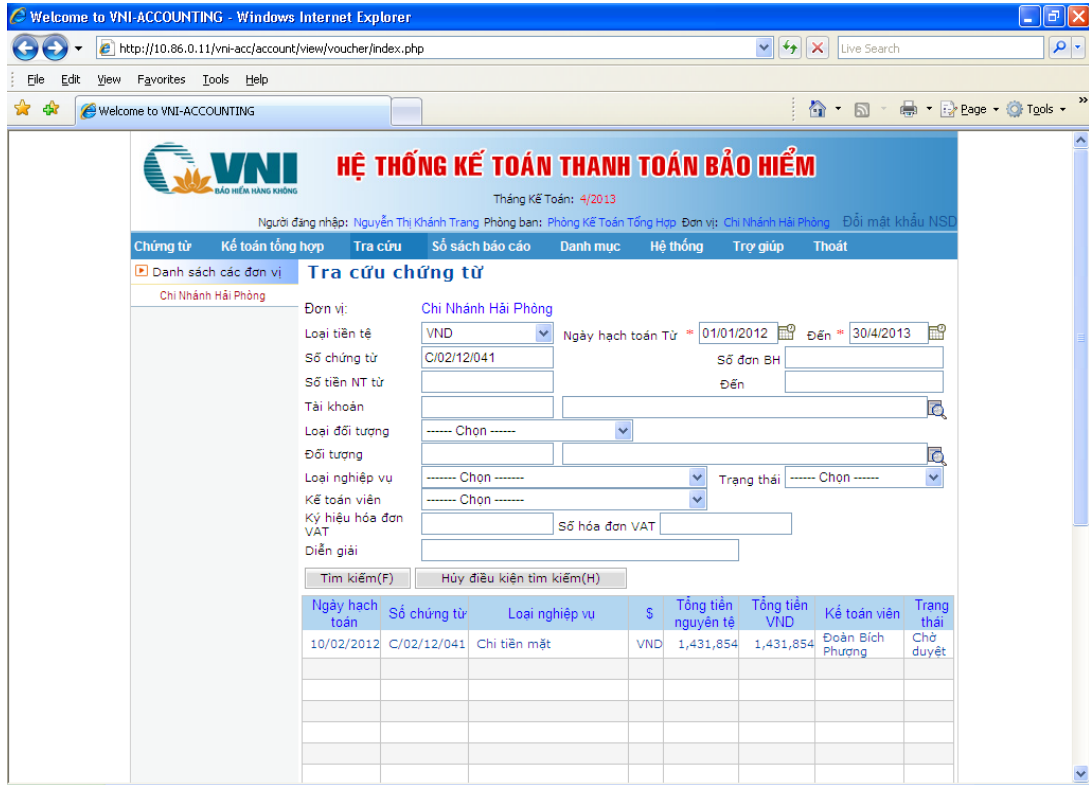
Phụ trách bộ phận

Người lập phiếu

Đại lý nhận tiền

Phụ trách đại lý/ Người giao tiền

Biểu số 2.20: Giao diện phần mềm chi tiết khoản chi tiền mặt



Biểu số 2.21: Giao diện phần mềm hạch toán tài khoản 811 - "Chi phí khác"



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/02/2012 Đến ngày 28/02/2012

Tài khoản 811 Chi phí khác

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Số	Ngày, tháng	Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
		số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ của tài khoản 811								
					Số dư đầu kỳ			0	0
2	Số dư đầu kỳ								
					Số dư đầu kỳ			0	0
	09/02/2012	C/02/12/015A	09/02/2012		Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê	8118	11111	24	0
	09/02/2012	C/02/12/016	09/02/2012		Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê	8118	11111	22	0
	10/02/2012	C/02/12/041	10/02/2012		Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê	8118	11111	2	0
	08/02/2012	NGOCDTM02 /12/002	08/02/2012	291104765.E0 1	Công ty thu hộ phí bảo hiểm hàng	8118	13111	377	0
	01/02/2012	T/02/12/005	01/02/2012	291200024	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Nộp phí bảo hiểm HĐ theo bảng kê (chênh lệch tỉ giá đơn 291106915)	8118	13111	1	0
	01/02/2012	T/02/12/006	01/02/2012	291106748	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Nộp phí bảo hiểm HĐ theo bảng kê (chênh lệch tỉ giá đơn	8118	13111	2	0

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

					291106547/6730)				
	15/02/2012	T/02/12/060	15/02/2012	291200748	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Nộp phí bảo hiểm HĐ theo bảng kê (Chênh lệch tỉ giá đơn 291200702/639)	8118	13111	2	0
	15/02/2012	T/02/12/061	15/02/2012	291200096	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Nộp phí bảo hiểm HĐ theo bảng kê	8118	13111	6	0
	15/02/2012	T/02/12/062	15/02/2012	291200443	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Nộp phí bảo hiểm HĐ theo bảng kê	8118	13111	3	0
	15/02/2012	T/02/12/063	15/02/2012	291200950	Nguyễn Thành Công-Phòng TS-KT-Nộp phí bảo hiểm HĐ theo bảng kê (chênh lệch tỉ giá đơn 291200473/610/614/616)	8118	13111	4	0
...
					Tổng phát sinh trong kỳ			537	0
					Số dư cuối kỳ			1,458	0
3	Tổng số phát sinh trong kỳ của tài khoản 811								
					Số phát sinh trong kỳ			537	0
4	Số dư cuối kỳ tài khoản 811								
					Số dư cuối kỳ			1,458	0

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh: Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Chi tiền mặt

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 10/02/2012

Số chứng từ: C02/12/041

Ngày chứng từ: 10/02/2012

Loại tiền VNĐ: VND

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/Có	Cặp	Loại ĐTQL	Mã ĐTQL	Đối tượng	Số đơn BH	N.Tệ	VND	Nội dung
33112	N	1	Đại lý	CBDL29100003	Nguyễn Thị Hương Thảo	291106512	102,275	102,275	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê
11111	C	1				291106512	102,275	102,275	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê
33112	N	2	Đại lý	CBDL29100003	Nguyễn Thị Hương Thảo	291106665	409,101	409,101	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê
11111	C	2				291106665	409,101	409,101	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê
...
33112	N	9	Đại lý	CBDL29100003		291106935	102,275	102,275	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê
11111	C	9				291106935	102,275	102,275	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê
33112	N	10	Đại lý	CBDL29100003		291106936	102,275	102,275	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HĐ theo bảng kê

Sinh viên: Đỗ Thị Yến

125

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

11111	C	10				291106936	102,275	102,275	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HD theo bảng kê
8118	N	11					2	2	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HD theo bảng kê
11111	C	11					2	2	Nguyễn Thị Thu-Phòng TS-KT-Thanh toán tiền hoa hồng HD theo bảng kê
	Tổng cộng						1,431,854	1,431,854	

Ngày 23 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có tài khoản 911. Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác sang bên Nợ tài khoản 911.

Nếu tổng phát sinh bên Nợ tài khoản 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421 - Lợi nhuận sau thuế.

Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì chứng tỏ trong năm công ty kinh doanh có lãi.

Sau khi tính số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó, xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421.

Cuối tháng 2/2012, công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không CN Hải Phòng thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh trong quý I năm 2012.

Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, chi phí.

Sau đó, xác định thuế TNDN mà công ty phải nộp. Từ đó, xác định được số tiền lãi của công ty trong quý. Sau đó, kế toán ghi Sổ cái Tk 911 và Sổ cái TK 421.

Ví dụ minh họa:

Xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không CN Hải Phòng trong quý I năm 2012

Các bút toán kết chuyển như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1, Nợ TK 511	6.164.031.485
Có TK 531	737.856.104
Có TK 533	5.426.175.381
2, Nợ TK 511	7.708.287.511
Nợ TK 515	8.205.385
Nợ TK 711	113.729
Có Tk 911	7.716.606.625
3, Nợ TK 911	7.476.759.244
Có TK 624	5.674.521.676
Có TK 641	926.784.118
Có TK 642	875.412.283
Có Tk 811	41.167

Xác định kết quả kinh doanh ta thấy quý I/2012 công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không CN Hải Phòng có lợi nhuận trước thuế TNDN là 239.847.381 đồng, vì vậy trong quý I này công ty phải nộp thuế TNDN và kết chuyển lãi:

4, Nợ TK 821	67.157.267
Có Tk 3334	67.157.267
5, Nợ TK 911	67.157.267
Có TK 821	67.157.267
6, Nợ TK 911	172.690.114
Có TK 421	172.690.114

Quy trình hạch toán kế toán chi tiết như sau:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC01

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Hoàn phí tái bảo hiểm kết chuyển vào doanh thu trong quý I	511		737,856,104	
	531			737,856,104
Cộng			737,856,104	737,856,104

Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi bảy triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm linh bốn đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC02

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Phí nhượng tái bảo hiểm kết chuyển vào doanh thu trong quý I	511		5,426,175,381	
	533			5,426,175,381
Cộng			5,426,175,381	5,426,175,381

Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi năm nghìn ba trăm tám mươi một đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC03

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý I	511		7,708,287,511	
	911			7,708,287,511
Cộng			7,708,287,511	7,708,287,511

Bằng chữ: Bảy tỷ bảy trăm linh tám triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm mười một đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC04

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính trong quý I	515		8,205,385	
	911			8,205,385
Cộng			8,205,385	8,205,385

Bằng chữ: Tám triệu hai trăm linh năm nghìn ba trăm tám mươi năm đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC05

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển thu nhập khác trong quý I	711		113,729	
	911			113,729
Cộng			113,729	113,729

Bằng chữ: Một trăm mười ba nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC06

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm trong quý I	911		5,674,521,676	
	624			5,674,521,676
Cộng			5,674,521,676	5,674,521,676

Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm bảy mươi tư triệu năm trăm hai mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC07

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển chi phí bán hàng trong quý I	911		926,784,118	
	641			926,784,118
Cộng			926,784,118	926,784,118

Bằng chữ: Chín trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn một trăm mười tám đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC08

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong quý I	911		875,412,283	
	642			875,412,283
Cộng			875,412,283	875,412,283

Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi năm triệu bốn trăm mười hai nghìn hai trăm tám mươi ba đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC09

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển chi phí khác trong quý I	911		41,167	
	811			41,167
Cộng			41,167	41,167

Bằng chữ: Bốn mươi một nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC10

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý I	821		67,157,266	
	3334			67,157,266
Cộng			67,157,266	67,157,266

Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu một trăm năm mươi bảy đồng hai trăm sáu mươi sáu đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC11

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp trong quý I	911		67,157,266	
	821			67,157,266
Cộng			67,157,266	67,157,266

Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu một trăm năm mươi bảy đồng hai trăm sáu mươi sáu đồng.

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: KC12

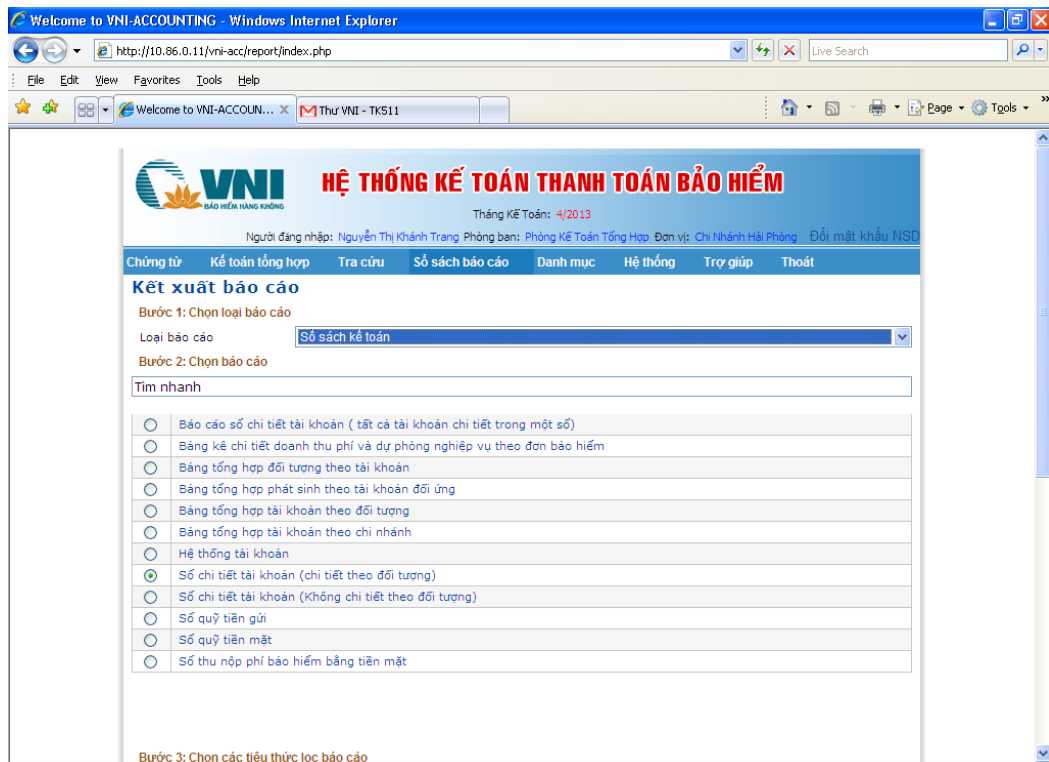
Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong quý I	911		172,690,114	
	421			172,690,114
Cộng			172,690,114	172,690,114

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm mười bốn đồng.

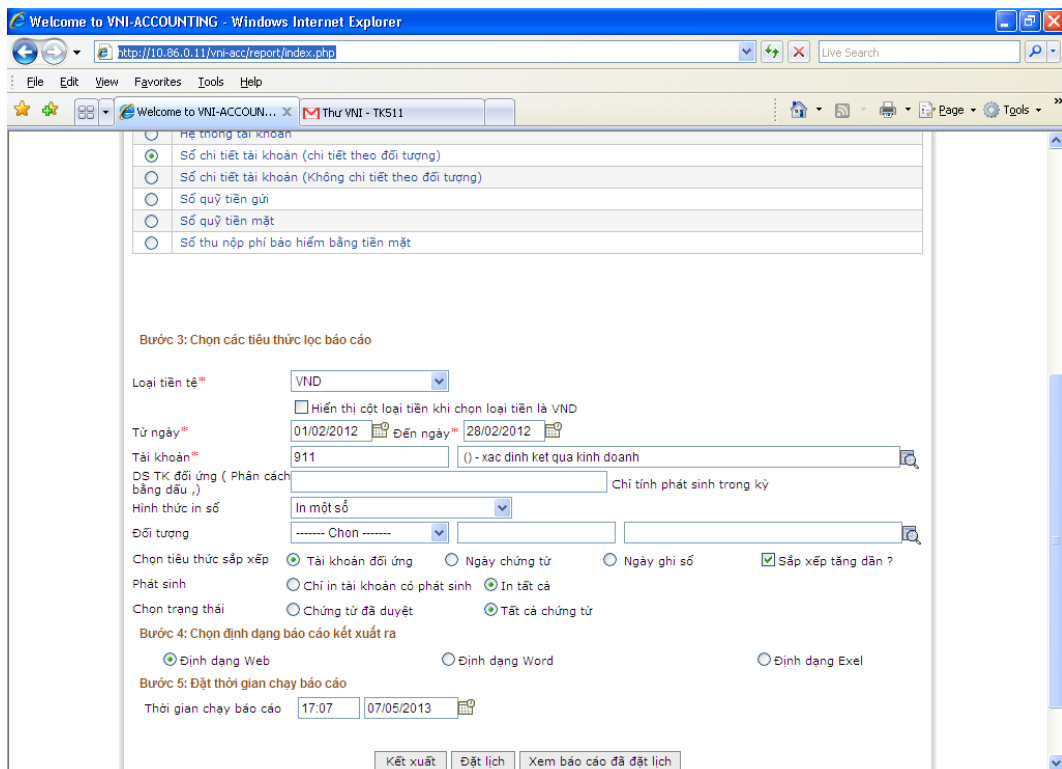
Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Biểu số 2.22: Giao diện phần mềm chi tiết trình tự kết xuất báo cáo Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh"



Biểu số 2.23: Giao diện phần mềm chi tiết trình tự kết xuất báo cáo Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh"



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Mẫu số: S33-DN

Chi nhánh Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BT
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/01/2012 Đến ngày 31/03/2012

Tài khoản 911 Xác định kết quả kinh doanh

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Số		Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
hàng	Ngày,	số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ tài khoản 911								
					Số dư đầu kỳ			0	0
2	Tổng phát sinh trong kỳ của tài khoản 911								
					Số phát sinh trong kỳ			7,716,606,625	7,716,606,625
3	Số dư cuối kỳ của tài khoản 911								
					Số dư cuối kỳ			0	0

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI
Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Xác định kết quả kinh doanh

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 31/03/2012

Số chứng từ: KN03/12/001

Ngày chứng từ: 31/03/2012

Loại tiền: VND

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/ Có	Cấp	VND	Nội dung
911	N	1	5,674,521,676	Kết chuyển chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm trong quý I
624	C	1	5,674,521,676	Kết chuyển chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm trong quý I
911	N	2	926,784,118	Kết chuyển chi phí bán hàng trong quý I
641	C	2	926,784,118	Kết chuyển chi phí bán hàng trong quý I
911	N	3	875,412,283	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong quý I
642	C	3	875,412,283	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong quý I
911	N	4	41,167	Kết chuyển chi phí khác trong quý I
811	C	4	41,167	Kết chuyển chi phí khác trong quý I
911	N	5	67,157,266	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong quý I
821	C	5	67,157,266	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong quý I
911	N	6	172,690,114	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế trong quý I
421	C	6	172,690,114	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế trong quý I
Tổng cộng			7,716,606,625	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Xác định kết quả kinh doanh

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 31/03/2012

Số chứng từ: KC03/12/001

Ngày chứng từ: 31/03/2012

Loại tiền: VND

Nội dung bút toán

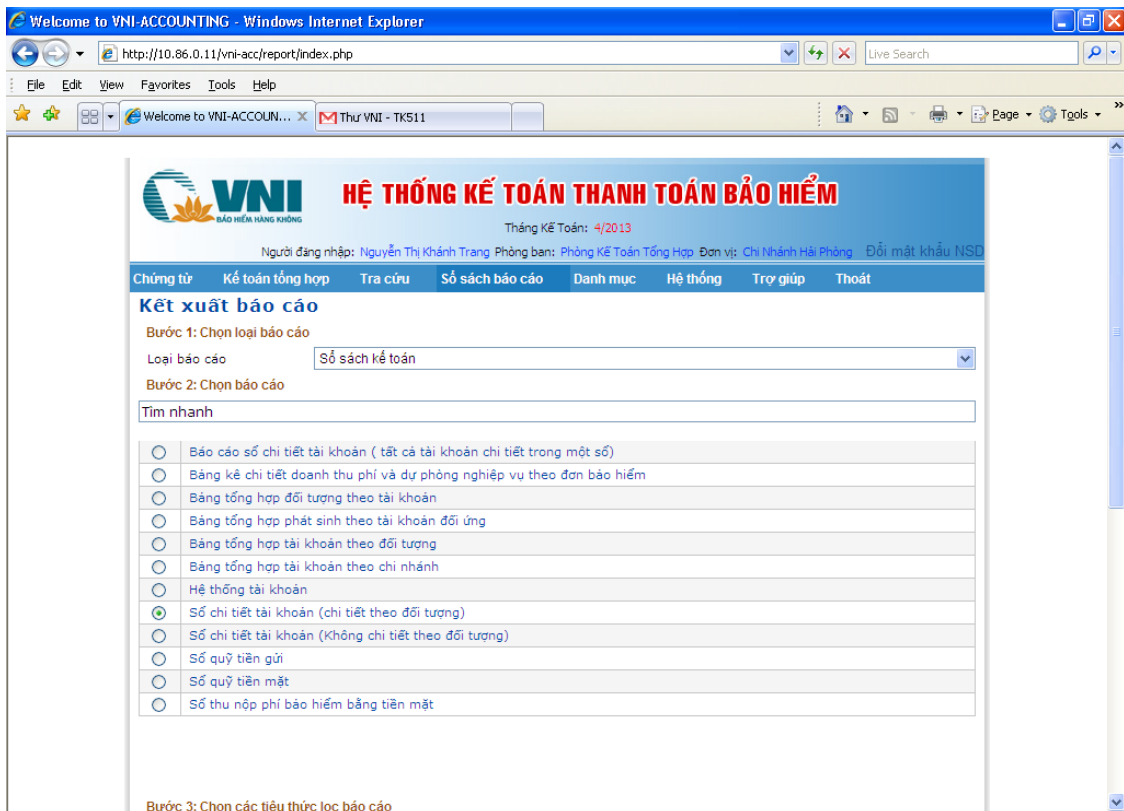
Tài khoản	Nợ/ Có	Cấp	VND	Nội dung
511	N	1	7,708,287,511	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý I
911	C	1	7,708,287,511	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý I
515	N	2	8,205,385	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính trong quý I
911	C	2	8,205,385	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính trong quý I
711	N	3	113,729	Kết chuyển thu nhập khác trong quý I
911	C	3	113,729	Kết chuyển thu nhập khác trong quý I
Tổng cộng			7,716,606,625	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

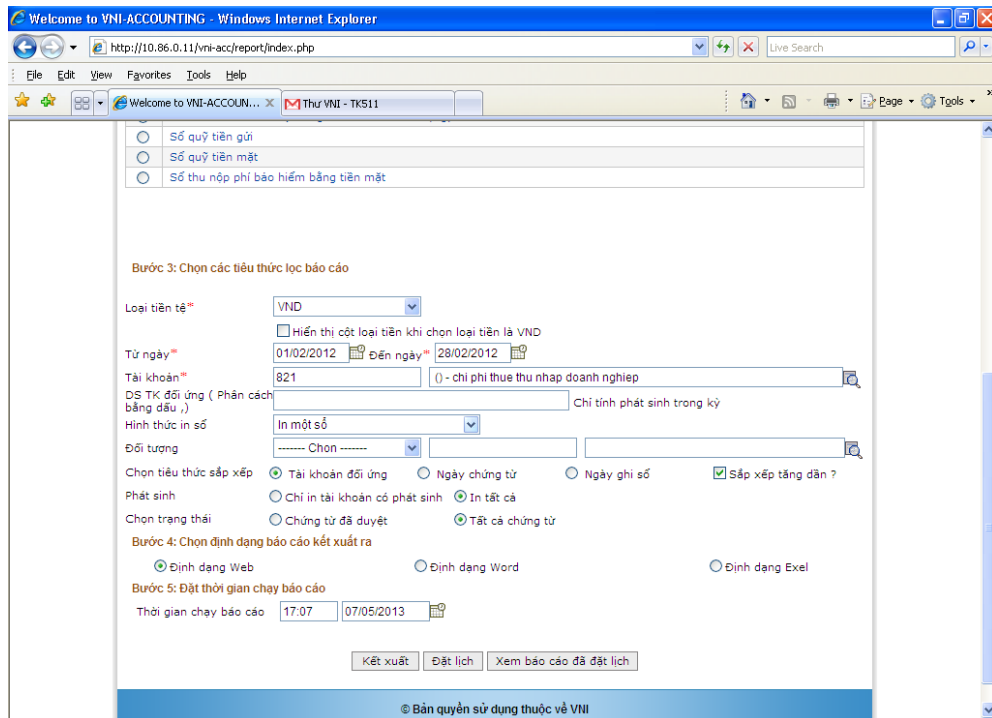
Người lập

Kiểm soát hạch toán

Biểu số 2.24: Giao diện phần mềm các bước chi tiết kết xuất báo cáo thuế thu nhập



Biểu số 2.25: Giao diện phần mềm các bước kết xuất chi tiết báo cáo thuế thu nhập



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Mẫu số: S33-DN

Chi nhánh Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/01/2012 Đến ngày 31/03/2012

Tài khoản 821 Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Bút toán		Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	Ngày, háng	số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ tài khoản 821							0	0
					Số dư đầu kỳ			0	0
2	Tổng phát sinh trong kỳ của tài khoản 821							67,157,266	67,157,266
					Số phát sinh trong kỳ			67,157,266	67,157,266
3	Số dư cuối kỳ của tài khoản 821							0	0
					Số dư cuối kỳ			0	0

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 31/03/2012

Số chứng từ: KN03/12/001

Ngày chứng từ: 31/03/2012

Loại tiền: VND

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/ Có	Cấp	VND	Nội dung
821	N	1	67,157,267	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý I
3334	C	1	67,157,267	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý I
Tổng cộng			67,157,267	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Kết chuyển thuê thu nhập doanh nghiệp

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 31/03/2012

Số chứng từ: KC03/12/002

Ngày chứng từ: 31/03/2012

Loại tiền: VND

Nội dung bút toán

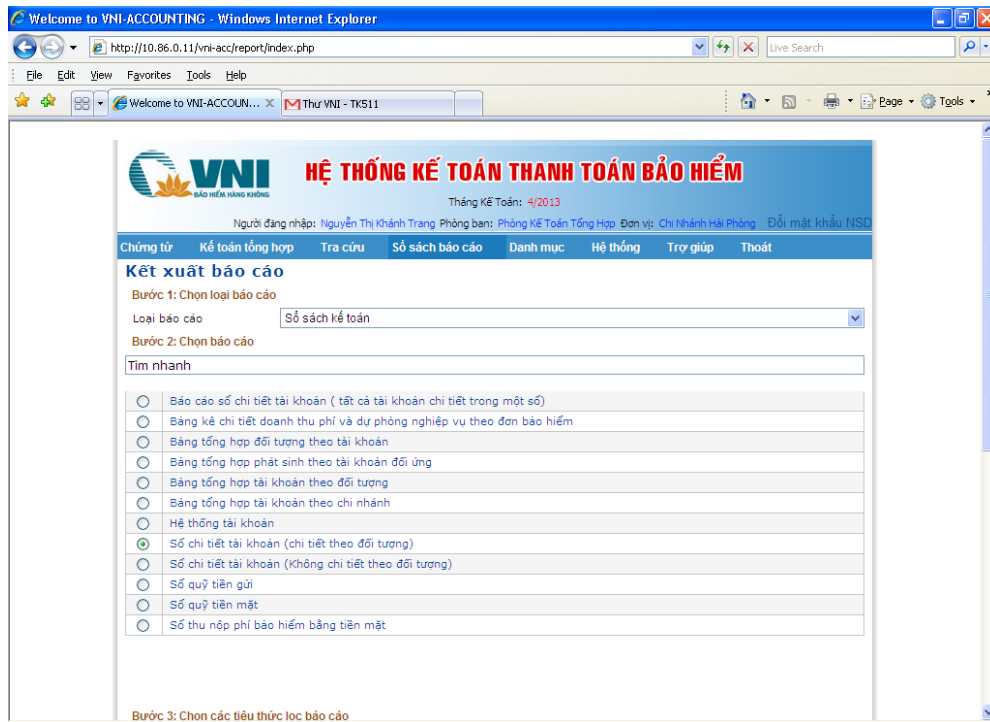
Tài khoản	Nợ/ Có	Cấp	VND	Nội dung
911	N	1	67,157,267	Kết chuyển thuê thu nhập doanh nghiệp trong quý I
821	C	1	67,157,267	Kết chuyển thuê thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý I
Tổng cộng			67,157,267	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

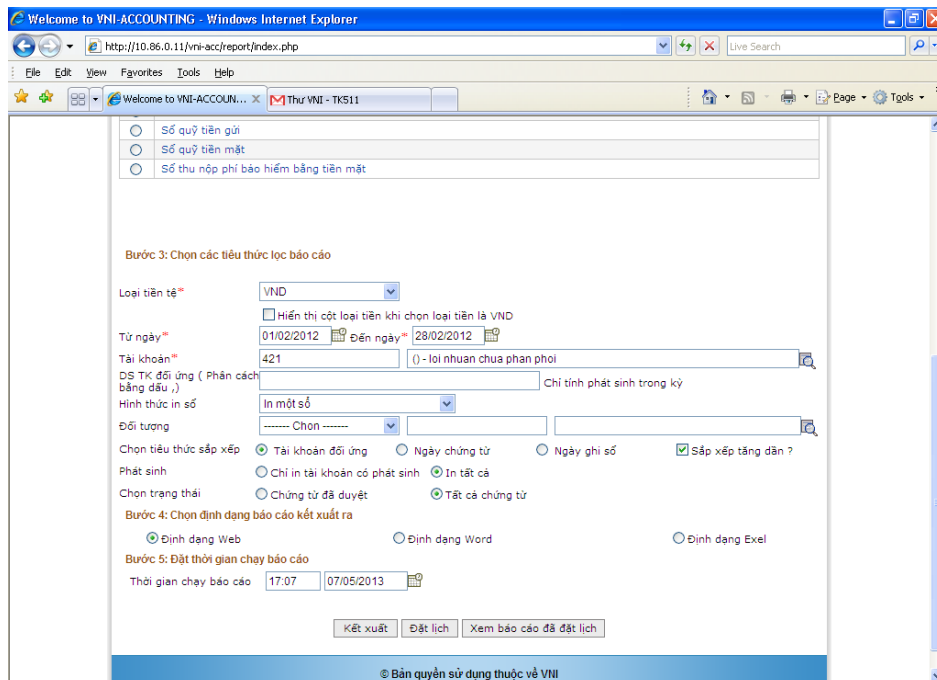
Người lập

Kiểm soát hạch toán

Biểu số 2.26: Giao diện phần mềm chi tiết các bước kết xuất báo cáo lợi nhuận sau thuế



Biểu số 2.27: Giao diện phần mềm chi tiết các bước kết xuất báo cáo lợi nhuận sau thuế



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Mẫu số: S33-DN

Chi nhánh Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/01/2012 Đến ngày 31/03/2012

Tài khoản 421 Lợi nhuận chưa phân phối

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Số hàng	Ngày, tháng	Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
		số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
	B	C	D	E	F	G	H	K	L
1	Số dư đầu kỳ tài khoản 421								
					Số dư đầu kỳ			0	106,402,310
2	Tổng phát sinh trong kỳ của tài khoản 421								
					Số phát sinh trong kỳ			0	172,690,114
3	Số dư cuối kỳ của tài khoản 421								
					Số dư cuối kỳ			0	279,092,424

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại nghiệp vụ: Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số bút toán:

Ngày hạch toán: 31/03/2012

Số chứng từ: KC03/12/001

Ngày chứng từ: 31/03/2012

Loại tiền: VND

Nội dung bút toán

Tài khoản	Nợ/ Có	Cấp	VND	Nội dung
911	N	1	172,690,114	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối trong quý I
421	C	1	172,690,114	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối trong quý I
Tổng cộng			172,690,114	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kiểm soát hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Mẫu số B02 - DNBH

Chi Nhánh hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (PHẦN 1)

(Dùng cho doanh nghiệp bảo hiểm)

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Quý I năm trước	Quý I năm nay
1	2	3	4
1- Thu phí bảo hiểm gốc	01	15,842,323,210	13,872,318,996
2- Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		
3- Các khoản giảm trừ	03	4,977,599,946	6,164,031,485
- Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm	04	4,497,152,565	5,426,175,381
- Giảm phí bảo hiểm	05		
+ Giảm phí BH gốc	051		
+ Giảm phí nhận TBH	052		
- Hoàn phí bảo hiểm	06	480,447,381	737,856,104
+ Hoàn phí bảo hiểm gốc	061	480,447,381	737,856,104
+ Hoàn phí nhận TBH	062		
- Các khoản giảm trừ khác	07		
4. Tăng (giảm) dự phòng phí	08		
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		
- Thu nhận tái bảo hiểm	11		
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		
- Thu khác (Giám định, đại lý...)	13		
7. DOANH THU THUẦN HỖKD BẢO HIỂM (14= 01 + 02 - 03 +/- 08 + 09 + 10)	14	10,864,723,264	7,708,287,511
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15	7,981,922,061	5,674,521,676
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm	16		
- Chi bồi thường nhận TBH thuộc trách nhiệm VNI	1601		
- Bồi thường thuộc công ty nhận tái bảo hiểm	1602		
10. Các khoản giảm trừ (17 = 18 + 19 + 20)	17		
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21	7,981,922,061	5,674,521,676
12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		
13. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		
- Dự phòng phải trích năm nay	2301		
- Dự phòng hoàn nhập năm trước	2302		
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		

Sinh viên: **Đỗ Thị Yến**

146

Lớp: **QT1305K**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25 = 26 + 34 +39 + 40)	25		
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 =27 +28 + 29 +30 + 31 + 32 +33)	26		
+ Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		
+ Chi giám định tổn thất	28		
+ Chi đòi người thứ 3	29		
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		
+ Chi khác	33		
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38)	34		
+ Chi hoa hồng	35		
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		
+ Chi khác	38		
- Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		
- Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		
16- TỔNG CHI TRỰC TIẾP HĐKD BẢO HIỂM (41 = 21 -22 +/- 23 + 24 + 25)	41	7,981,922,061	5,674,521,676
17- LỢI NHUẬN GỘP HĐKD BẢO HIỂM (42 = 14 - 41)	42	2,882,801,199	2,033,765,835
18. Chi bán hàng	43	885,663,496	926,784,118
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	1,238,074,298	875,412,283
20. LỢI NHUẬN THUẦN HĐKD BẢO HIỂM (45 = 42 - 43 - 44)	45	759,063,405	231,569,434
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	18,859,533	8,205,385
22. Chi hoạt động tài chính	47		
- Dự phòng toán học trích từ lãi đầu tư	48		
- Dự phòng chia lãi	49		
- Chi khác hoạt động tài chính	50	0	0
23. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (51 = 46 - 47)	51	18,859,533	8,205,385
24. Thu nhập hoạt động khác	52	22,034	113,729
25. Chi phí hoạt động khác	53	16	41,167
26. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KHÁC (54 = 52 - 53)	54	22,018	72,562
27. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN (55 = 45 + 51 + 54)	55	777,944,956	239,847,381
28. Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận để xác định LN chịu thuế TNDN	56		
- Thù lao HĐQT, BKS	561		
- Cổ tức, LN được chia	562		
29. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (57= 55 +/- 56)	57	777,944,956	239,847,381

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

30. Dự phòng đảm bảo cân đối	58		
31. LỢI NHUẬN CHỊU THUẾ TNDN (59 = 57 - 58)	59	777,944,956	239,847,381
32. Thuế TNDN phải nộp	60	217,824,588	67,157,267
33. Lợi nhuận sau thuế TNDN (61 = 55 - 60)	61	560,120,368	172,690,114
34. Lãi suất cơ bản trên cổ phiếu	62	0	0
35. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	63	0	0

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

3.1. Nhận xét chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - chi nhánh Hải Phòng

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, các doanh nghiệp phải đứng trước nhiều khó khăn thử thách của nền kinh tế bởi họ phải đứng trước nhiều vấn đề như: Cạnh tranh về giá cả, về chất lượng sản phẩm, quan tâm về chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước và đặc biệt là khi mà những yêu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao. Do đó, lợi nhuận cao và an toàn trong kinh doanh luôn là mục tiêu hàng đầu của bất kỳ doanh nghiệp nào. Để đạt được mục tiêu đó thì mỗi doanh nghiệp cần phải có chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, nhìn chung các doanh nghiệp đều tìm cách chiếm lĩnh thị trường, tăng doanh thu, giảm chi phí.

Nhận thức được điều đó, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng đã và đang cố gắng khai thác, phát huy thế mạnh và khắc phục những khó khăn của mình, nắm bắt nhu cầu thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, tạo đà cho Công ty đứng vững và ngày càng phát triển trên thị trường. Để có được kết quả tích cực đó là do Công ty đã có sự kết hợp chặt chẽ giữa ban lãnh đạo với các phòng ban, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của đội ngũ nhân viên phòng kế toán tổng hợp. Với cách bố trí công việc một cách khoa học, hợp lý như hiện nay, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh nói riêng của Công ty đã đạt được hiệu quả nhất định, trên cơ sở nội dung lý luận kết hợp với thực tế tại Công ty, em trình bày một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán nói chung, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Trong quá trình tìm hiểu về các phần hành kế toán tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng, em nhận thấy công ty có những ưu điểm như sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, công ty nên nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh:

- Mô hình bộ máy kế toán của công ty là kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán trên văn phòng công ty.

- Bộ phận kế toán của công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng. Đến nay, hệ thống kế toán của công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Bộ máy kế toán được tổ chức, sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc của từng người. Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, năng động, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Công tác kế toán đi vào nề nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch năm, do đó công tác kế toán không bị biến động lớn.

- Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

- Kết quả kinh doanh của công ty năm 2012 đã phản ánh khá đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh theo đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước quy định.

Như vậy, công ty đã thực hiện đúng các chế độ kế toán do Bộ tài chính quy định, kịp thời sửa đổi, bổ sung theo những thông tư, chuẩn mực và luật kinh tế mới. Cuối các niên độ kế toán, kế toán đã tiến hành lập và phân tích một số chỉ tiêu tài chính quan trọng như: tỷ suất sin lời, khả năng trả nợ của công ty, nhằm đưa ra các biện pháp ngăn ngừa và hạn chế những hậu quả xấu xảy ra.

3.1.1.2. Về hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

➤ Hình thức kế toán

Phần mềm kế toán được thiết kế riêng sử dụng cho bộ phận kế toán của công ty. Theo dõi công nợ, tự động thực hiện các bút toán phân bổ kết chuyển cuối tháng lên các báo cáo tài chính theo quy định yêu cầu của giám đốc Công ty.

Thông qua việc sử dụng phần mềm kế toán, kế toán có thể cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, chính xác vào bất kì thời điểm nào, hơn nữa các thông tin này không có sự sai lệch giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán do cùng được sử dụng sử lý trực tiếp số liệu chứng từ do kế toán nhập vào máy tính. Việc áp dụng kế toán máy còn giúp công ty có thể quản lí chi tiết từng đối tượng, góp phần giảm nhẹ công việc trong phòng kế toán.

➤ Chứng từ kế toán

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý.

➤ Hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ tài chính về việc áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Đồng thời, trong quá trình hạch toán công ty phản ánh một cách chi tiết, cụ thể phù hợp với yêu cầu quản lí và đặc điểm riêng biệt của Công ty.

➤ Hệ thống sổ sách kế toán

Công ty mở một hệ thống sổ sách gọn nhẹ, linh động, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Việc áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ trên phần mềm kế toán thuận tiện giảm được rất nhiều thời gian và ghi chép vào sổ cái với số lượng các nghiệp vụ phát sinh quá nhiều. Vì vậy, dễ theo dõi và rút ngắn thời gian hoàn thành công việc của kế toán, thuận tiện nhanh gọn.

3.1.1.3. Về bộ máy quản lý

- Là doanh nghiệp mới, đi sau nên có điều kiện tiếp thu các bài học tốt, đồng thời rút kinh nghiệm đối với những vấn đề mà doanh nghiệp đi trước đã gặp phải. Đó là các bài toán liên quan đến sản phẩm, dịch vụ khách hàng,

quản lý rủi ro, đặc biệt là công tác quản lý doanh nghiệp, công nghệ thông tin và công tác nhân sự. Hơn nữa, ngay từ khi mới ra đời, công ty đã xác định sẽ phát triển theo hướng chuyên nghiệp, bài bản. Làm được điều này, phụ thuộc rất lớn vào trình độ, khả năng của đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn, vì vậy công tác nhân sự được công ty hết sức chú trọng. Một trong các yếu tố thuận lợi đối với công ty đó là bộ máy điều hành và cán bộ chủ chốt trẻ, có trình độ, kinh nghiệm và rất năng động, sẵn sàng đón nhận những ý tưởng mới mang tính sáng tạo và đột phá.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực cần được phát huy thì công tác kế toán của công ty vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục.

- Công ty không tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với những khách hàng có thời gian nợ quá hạn mà chưa thanh toán cho công ty.

- Công ty cũng chưa áp dụng chiết khấu thanh toán cho các khách hàng.

- Công ty có nhiều hoạt động tạo ra doanh thu nhưng công ty không lập Bảng tổng hợp tài khoản 511 và Sổ Cái tài khoản 511 để có thể dễ dàng đối chiếu số liệu.

- Tương tự với các khoản mục chi phí phát sinh, công ty cũng không lập các Bảng tổng hợp tài khoản chi phí phát sinh cho từng đối tượng.

- Tại chi nhánh Hải Phòng, sau khi kế toán cập nhật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm, phần mềm kế toán chỉ kết xuất ra Sổ chi tiết theo các tài khoản và vào Chứng từ ghi sổ mà không vào Sổ Cái các tài khoản. Đồng thời cũng không lập Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

- Tại Công ty, khi cộng số liệu trên chứng từ và số liệu tổng hợp chi tiết có phần chênh lệch, kế toán đã ghi nhận và hạch toán phần chênh lệch đó trên phần mềm vào Thu nhập khác và Chi phí khác.

- Kế toán không chỉ có nhiệm vụ thu thập, phân loại, xử lý tổng hợp số liệu thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mà có nhiệm vụ phân tích thông tin kế toán, như vậy thông tin kế toán mới thực sự phát huy được vai trò là công cụ quản lý quan trọng. Ở công ty, việc phân tích thông tin kế toán nói chung và thông tin về doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ, chi phí nói riêng còn hạn chế. Những thông tin về doanh thu bán hàng, chi phí trong doanh nghiệp thương mại là yếu tố quan trọng rất cần thiết được phân

tích, chỉ có thông qua kết quả phân tích các thông tin kế toán các nhà quản lý mới xác định được nguyên nhân mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó để đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả.

- Phần mềm kế toán của công ty là phần mềm chưa phổ biến trên thị trường, đó là phần mềm được thiết kế riêng cho công ty bảo hiểm nên không tránh khỏi một số sai sót trong quá trình chạy phần mềm. Trong giao diện về bán hàng và cung cấp dịch vụ xuất hiện những hóa đơn nội bộ gây khó hiểu cho người sử dụng kế toán nếu chưa được sử dụng qua.

3.2. Định hướng phát triển của công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

Trên cơ sở nhận thấy rõ những ưu điểm và hạn chế mà công ty đang gặp phải từ đó công ty đã có những định hướng phát triển từ năm 2013 - 2015 như sau:

- Mở rộng thị trường kinh doanh bằng cách mở thêm nhiều chi nhánh, đại lý ở các tỉnh thành phố trên khắp cả nước đáp ứng nhu cầu của khách hàng ở khắp mọi nơi.

- Thu hút nhiều khách hàng tiềm năng bằng cách tận dụng khối lượng nhân viên kinh doanh, nhân viên thị trường một cách hiệu quả. Có nhiều chính sách khuyến khích cho nhân viên để khai thác số lượng khách hàng tăng nhiều hơn trong năm tới.

- Triển khai nhiều chương trình quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhiều chương trình khuyến mãi... để thu hút được nhiều khách hàng đến với công ty hơn nữa nâng cao được doanh thu tiêu thụ cho công ty trong những năm tới.

- Về mặt sản phẩm và kênh phân phối, công ty đã xác lập một hướng đi mang tính đặc thù. Bên cạnh các nhiệm vụ quan trọng là phục vụ tốt các khách hàng là cổ đông, chúng tôi đang hướng tới các sản phẩm có tiềm năng phát triển cao trên thị trường như: con người, du lịch, tài sản kỹ thuật... với cách thức triển khai mang tính đặc thù của công ty. Để thực hiện được các mục tiêu này, công ty đã và đang hợp tác, triển khai các dự án với các đối tác chiến lược để có thể tận dụng được những lợi thế tốt nhất của cả 2 bên.

- Về mặt nhân sự, công ty ưu tiên đầu tư cho công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ, tạo thành một đội ngũ gắn kết, vì mục tiêu chung, hoạt động

trong một môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, năng động và sáng tạo.

- Bên cạnh đó là các vấn đề liên quan đến thương hiệu của công ty. Việc xây dựng thương hiệu sẽ được công ty chú trọng, không chỉ đối với các khách hàng và thị trường trong nước mà với cả các thị trường tái bảo hiểm, môi giới; các đối tác tại thị trường London, khu vực Châu Á... công ty cũng xác định rất rõ phân khúc thị trường trong từng giai đoạn để có thể đảm bảo cạnh tranh tốt và tập trung đầu tư nguồn lực co mảng hoạt động đó. Tất cả vì mục tiêu tạo ra sự khác biệt để có thể phát triển bài bản, chuyên nghiệp, hiệu quả và trở thành một trong những thương hiệu mạnh trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.

3.3. Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - CN Hải Phòng

❖ Biện pháp 1: Về trích lập các khoản dự phòng

Là một doanh nghiệp về dịch vụ, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán chậm trễ, thậm chí không có khả năng thanh toán sẽ gây nhiều rủi ro cho doanh nghiệp.

Để khắc phục vấn đề này, đơn vị nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng mất khả năng thanh toán

➤ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.
- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đnag bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ Phương pháp xác định

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời hạn thanh toán quá hạn (t)	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ quá hạn
1 năm $\leq t < 2$ năm	50% giá trị nợ quá hạn
2 năm $\leq t < 3$ năm	70% giá trị nợ quá hạn
≥ 3 năm	100% giá trị nợ quá hạn

- Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 139 - "Dự phòng nợ phải thu khó đòi".

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi;
- Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi.

Bên Có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên Có:

Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

- Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập:

Nợ TK 642

Có TK 139

- Đến cuối năm tiếp theo

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có Tk 139

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhiều hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139

Có TK 642

+ Nếu các khoản nợ khó đòi khi xác định thực sự không đòi được thì được phép xóa nợ:

Nợ TK 139

Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642

Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK131

Có TK 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004 "*Nợ khó đòi đã xử lý*"

+ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711

Đồng thời ghi Có Tk 004 "*Nợ khó đòi đã xử lý*"

Ví dụ minh họa:

Khảo sát công nợ phải thu của công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng năm 2012

Ta lập Bảng trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÔNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Loại ngoại tệ VNĐ

Đến ngày 31/12/2012

Loại công nợ: Bảo hiểm gốc

Đối tượng: Phòng khai thác

Số đơn bảo hiểm	Nhóm sản phẩm BH	Ngày cấp	Thời hạn bảo hiểm		Lịch thanh toán	Trong hạn	Số ngày quá hạn thanh toán					Công nợ quá hạn			Công nợ			Cán bộ	Phòng ban	Đơn vị	Ghi chú																						
			Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc			Dưới 6 tháng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ ba năm trở lên	Tổng	Cá nhân	Tổ chức	Tổng	Cá nhân	Tổ chức																										
1																						2900000108 - Công ty CP ĐT & XNK Sao Mai																					
291203938	E02- Bảo hiểm hàng hóa	11/12/2012	11/12/2012	11/12/2012	31/12/2012	1,942,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,942,000	0	1,942,000	Phạm Thị Hà Vỹ	Phòng tài sản kỹ thuật	Chi nhánh Hải Phòng																				
291203957	E02- Bảo hiểm hàng hóa	14/12/2012	15/12/2012	15/12/2012	31/12/2012	3,353,200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,353,200	0	3,353,200	Phạm Thị Hà Vỹ	Phòng tài sản kỹ thuật	Chi nhánh Hải Phòng																				
...																					
Tổng						13,314,760												13,314,760		13,314,760																							
2																						2900000177 - Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh																					
291203958	E01 - Bảo hiểm hàng hoá	14/12/2012	14/12/2012	14/12/2012	31/12/2012	2,041,340	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,041,340	0	2,041,340	Phạm Thị Hà Vỹ	Phòng tài sản kỹ thuật	Chi nhánh Hải Phòng																				
291204118	E01 - Bảo hiểm hàng hoá	23/12/2012	23/12/2012	23/12/2012	31/12/2012	1,124,820	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,124,820	0	1,124,820	Phạm Thị Hà Vỹ	Phòng tài sản kỹ thuật	Chi nhánh Hải Phòng																				

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

...
Tổng						1,124,820									1,124,820			1,124,820				
3	2900000462 - Công ty TNHH Tân Minh Ngọc																					
291203654	E02- Bảo hiểm hàng hóa	08/11/ 2012	08/11/2012	08/11/2012	30/11/2012	0	0	10,371,360	0	0	0	10,371,360	0	10,371,360	10,371,360	0	10,371,360	Phạm Đức Huy	Phòng Hàng Hải	Chi nhánh Hải Phòng		
291203923	E02- Bảo hiểm hàng hóa	08/12/ 2012	08/12/2012	08/12/2012	31/12/2012	12,672,400	0	0	0	0	0	0	0	0	12,672,400	0	12,672,400	Phạm Đức Huy	Phòng Hàng Hải	Chi nhánh Hải Phòng		
...
Tổng						14,243,200	0	19,551,360	0	0	0	19,551,360	0	19,551,360	33,794,560	0	33,794,560					
...
Tổng cộng						16,072,716,256	0	19,551,360	5,980,127	56,875,168	0	82,406,655	13,465,000	68,941,655	16,155,122,911	46,560,500	16,108,562,411					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

nên em xin đề xuất tách riêng sổ chi tiết cho từng loại hình bảo hiểm để tiện cho việc kế toán theo dõi và ghi sổ sách kế toán phù hợp.

Công ty có thể mở Sổ chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho từng hoạt động tạo ra doanh thu như Sổ chi tiết tài khoản 511 với đối tượng như: Bảo hiểm hàng hoá, Bảo hiểm tàu thuyền...

Ví dụ: Để theo dõi doanh thu của bảo hiểm hàng hóa trong tháng 2 năm 2012 ta lập sổ chi tiết như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/01/2012 Đến ngày 31/03/2012

Tài khoản 511 Doanh thu bán hàng

Đối tượng: Bảo hiểm hàng hóa

Ký hiệu: COM

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Số	Ngày, tháng	Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
		số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
					Số dư đầu kỳ			-	-
...
	09/02/2012	0005360	09/02/2012	291106845	Phải thu phí bảo hiểm gốc-phần của VNI (đồng bảo hiểm-VNI-leader-các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106845-Công ty TNHH MTV xăng dầu hàng không Việt Nam	51111	13111	0	26,115,826
	09/02/2012	0005360	09/02/2012	291106845.E01	Phải thu phí bảo hiểm gốc-phần của VNI (đồng bảo hiểm-VNI-leader-các công ty follower thu phí từ Leader) đơn số 291106845.E01-Công ty TNHH MTV xăng dầu hàng không Việt Nam	51111	13111	0	894,967
	02/02/2012	0005361	02/02/2012	291200391	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200391- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
	02/02/2012	0005362	02/02/2012	291200392	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200392- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
	02/02/2012	0005480	02/02/2012	291200462	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200462- Công ty CP SXTM và Kỹ thuật T&T	51111	13111	0	823,827

Sinh viên: Đỗ Thị Yên

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	02/02/2012	0005511	02/02/2012	291200370	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200370- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
	02/02/2012	0005512	02/02/2012	291200371	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200371- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
	02/02/2012	0005513	02/02/2012	291200372	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200372- Công ty TNHH KD TM tổng hợp Hà Thành	51111	13111	0	909,021
...
	31/03/2012		31/03/2012		Hoàn phí tái bảo hiểm kết chuyển vào doanh thu trong kỳ	511	531	102,802,068	0
	31/03/2012		31/03/2012		Phí nhượng tái bảo hiểm kết chuyển vào doanh thu trong kỳ	511	533	471,406,205	0
	31/03/2012		31/03/2012		Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh trong kỳ	511	911	1,477,805,515	0
					Tổng số phát sinh trong kỳ			2,052,013,788	2,052,013,788
					Số dư cuối kỳ			-	-

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Loại tiền tệ VNĐ

Từ ngày 01/01/2012 Đến ngày 31/01/2012

Tài khoản 511 Doanh thu bán hàng

Đối tượng: Bảo hiểm tàu thuyền

Ký hiệu: BFSB

Danh sách TK đối ứng (phân cách bằng dấu ,)

Số	Ngày, tháng	Chứng từ			Diễn giải	TK chi tiết	TK đối ứng	Số phát sinh	
		số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	H	K	L
					Số dư đầu kỳ			-	-
...
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291103804 - Công ty Cổ phần vận tải biển và thương mại Thiên Tân	51111	13111	0	45,878,545
	20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804.E01	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291103804.E01 - Chi Nhánh Hải Phòng	511412	33684	0	21,600,000
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	511412	33684	0	3,804,252
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	511412	33684	0	3,766,048
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	511411	33684	0	301,392
	24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	511411	33684	0	301,827

Sinh viên: Đỗ Thị Yến

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	511411	33684	0	301,392
24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	511412	33684	0	3,771,480
24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100760.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	511412	33684	0	3,766,048
24/02/2012	291100761.E03	24/02/2012	291100761.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH trong nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291100761.E03 - Chi Nhánh Hải Phòng	511411	33684	0	160,368
...
31/03/2012		31/03/2012		Hoàn phí tái bảo hiểm kết chuyển vào doanh thu trong kỳ	511	531	98,283,698	0
31/03/2012		31/03/2012		Phí nhượng tái bảo hiểm kết chuyển vào doanh thu trong kỳ	511	533	211,423,195	0
31/03/2012		31/03/2012		Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh trong kỳ	511	911	738,851,094	0
				Tổng số phát sinh trong kỳ			1,048,557,987	1,048,557,987
				Số dư cuối kỳ			-	-

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

✓ Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu cho tất cả các loại hình bảo hiểm và bảng tổng hợp chi tiết cho các loại chi phí phát sinh

- Trên cơ sở lập sổ chi tiết doanh thu cho từng loại hình bảo hiểm kế toán công ty sẽ tổng hợp toàn bộ doanh thu từ các loại hình ấy vào Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu để tiện theo dõi các khoản thu từ các loại hình đã vào sổ.

- Song song với việc theo dõi chi tiết cho doanh thu từng loại hình bảo hiểm, công ty cũng lên lập bảng tổng hợp chi tiết cho từng loại chi phí để tiện theo dõi và điều chỉnh.

- Dựa trên Bảng tổng hợp chi tiết ta có thể dễ dàng đối chiếu các số liệu với Sổ cái của tài khoản cùng loại cho phù hợp.

- Với các loại chi phí phát sinh trong công ty, để thuận tiện cho quá trình theo dõi và đối chiếu số liệu, công ty có thể mở Sổ chi tiết cho từng loại chi phí như sau:

+ Đối với Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm (624), công ty có thể mở chi tiết cho từng loại hình bảo hiểm.

+ đối với Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, công ty có thể mở chi tiết cho từng loại chi phí của từng chi nhánh và từng văn phòng.

- Từ đó công ty sẽ lập Bảng tổng hợp chi tiết cho Tài khoản chi phí theo các đối tượng trên.

Mẫu Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu và Bảng tổng hợp chi tiết các loại chi phí phát sinh như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu tài khoản: 511

STT	Loại đối tượng	Mã ĐT	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Bảo hiểm tàu thuyền	BFSB	-	-	1,048,557,987	1,048,557,987	-	-
2	Bảo hiểm kỹ thuật	BI	-	-	1,787,903,382	1,787,903,382	-	-
3	Bảo hiểm hàng hóa	COM	-	-	2,052,013,788	2,052,013,788	-	-
4	Bảo hiểm xe cơ giới	MVP	-	-	1,996,328,952	1,996,328,952	-	-
...
Tổng cộng			-	-	13,872,318,996	13,872,318,996	-	-

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
CÔNG TY BẢO HIỂM VNI
Chi Nhánh Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CÁC LOẠI CHI PHÍ PHÁT SINH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

Tên tài khoản: Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm

Số hiệu tài khoản: 624

STT	Loại đối tượng	Mã ĐT	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Bảo hiểm tàu thuyền	BFSB	-	-	203,234,197	203,234,197	-	-
2	Bảo hiểm kỹ thuật	BI	-	-	52,501,549	52,501,549	-	-
3	Bảo hiểm hàng hóa	COM	-	-	635,765,483	635,765,483	-	-
4	Bảo hiểm xe cơ giới	MVP	-	-	3,184,864,138	3,184,864,138	-	-
...
Tổng cộng				-	5,674,521,676	5,674,521,676	-	-

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CÁC LOẠI CHI PHÍ PHÁT SINH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu tài khoản: 641

STT	Loại đối tượng	Mã ĐT	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Chi nhánh Hải Phòng	29	-	-	536,866,270	536,866,270	-	-
2	VPKV 22 (Lạch Tray)	212	-	-	34,146,570	34,146,570	-	-
3	Phòng Hàng Hải	PHH	-	-	1,176,000	1,176,000	-	-
4	Phòng Phi Hàng Hải	PPHH	-	-	195,452,454	195,452,454	-	-
5	Phòng Tài Sản Kỹ Thuật	PTSKT	-	-	159,142,824	159,142,824	-	-
Tổng cộng			-	-	926,784,118	926,784,118	-	-

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi Nhánh Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CÁC LOẠI CHI PHÍ PHÁT SINH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu tài khoản: 642

STT	Loại đối tượng	Mã ĐT	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Chi nhánh Hải Phòng	29	-	-	323,457,231	323,457,231	-	-
2	VPKV 21 (Thủy Nguyên)	187	-	-	3,809,970	3,809,970	-	-
3	VPKV 20 (Quảng Ninh)	200	-	-	28,821,600	28,821,600	-	-
4	VPKV 22 (Lạch Tray)	212	-	-	38,031,816	38,031,816	-	-
5	CNHP - Ban Giám Đốc	BGD	-	-	50,284,884	50,284,884	-	-
6	Phòng Kế toán tổng hợp	PKTTH	-	-	40,069,926	40,069,926	-	-
..
Tổng cộng			-	-	875,412,283	875,412,283	-	-

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

✓ Sổ cái từng tài khoản

Việc công ty không sử dụng Sổ cái cho từng tài khoản là không tuân theo đúng quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Dựa trên các chứng từ ghi sổ đã được lập công ty cần lập Sổ Cái cho từng tài khoản theo mẫu sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY BẢO HIỂM VNI

Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu số: S33-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Loại tiền VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ			Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng	Số đơn BH/Số HSBT			Nợ	Có
A	B		D	E	F	G	H
				Số dư đầu kỳ		-	-
				Số phát sinh trong kỳ			
...
20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291103804- Công ty cổ phần Vận tải biển và thương mại Thiên Tân	13111	0	45,878,545
20/02/2012	0005913	20/02/2012	291103804.E01	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291103804.E01-Chi nhánh Hải Phòng	33684	0	21,600,000
24/02/2012	291100760.E03	24/02/2012	291100760.E03	Phải thu hoa hồng nhượng TBH ngoài nước đơn của chi nhánh (chi nhánh hạch toán) đơn số 291103804.E03-Chi nhánh Hải Phòng	33684	0	3,804,252
....
02/02/2012	0005461	02/02/2012	291200391	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 2291200391- Công ty TNHH KD TM Tổng hợp Hà Thành	13111	0	909,021
02/02/2012	0005462	02/02/2012	291200392	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 2291200392-	13111	0	909,021

Sinh viên: Đỗ Thị Yến

Lớp: QT1305K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

				Công ty TNHH KD TM Tổng hợp Hà Thành			
02/02/2012	0005463	02/02/2012	291200393	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 2291200393- Công ty TNHH KD TM Tổng hợp Hà Thành	13111	0	909,021
02/02/2012	0005464	02/02/2012	291200394	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 2291200394- Công ty TNHH KD TM Tổng hợp Hà Thành	13111	0	909,021
02/02/2012	0005465	02/02/2012	291200395	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 2291200395- Công ty TNHH KD TM Tổng hợp Hà Thành	13111	0	1,817,834
02/02/2012	0005466	02/02/2012	291200396	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 2291200396- Công ty TNHH KD TM Tổng hợp Hà Thành	13111	0	1,817,834
...
02/02/2012	0005480	02/02/2012	291200462	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200462- Công ty Cổ phần SX TM và Kỹ thuật T&T	13111	0	823,827
06/02/2012	0005635	06/02/2012	291200532	Phải thu phí bảo hiểm gốc đơn số 291200532- Công ty TNHH Tân Minh Ngọc	13111	0	2,690,909
...
31/03/2012		31/03/2012		Hoàn phí tái bảo hiểm kết chuyển vào doanh thu trong kỳ	531	737,856,104	0
31/03/2012		31/03/2012		Phí nhượng tái bảo hiểm kết chuyển vào doanh thu trong kỳ	533	5,426,175,381	0
31/03/2012		31/03/2012		Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh trong kỳ	911	7,708,287,511	0
				Tổng số phát sinh		13,872,318,996	13,872,318,996
				Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

❖ **Biện pháp 4:**

- Kế toán cần tính toán và đối chiếu lại các số liệu tổng cộng trên các chứng từ để tránh sai sót, phần chênh lệch kế toán không ghi nhận hoặc hạch toán vào Thu nhập khác, Chi phí khác.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt hiện nay, để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực hơn nữa bằng chính năng lực của công ty. Muốn đạt được điều này thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ngày càng phải được củng cố và hoàn thiện hơn nữa để công tác này thực sự trở thành công cụ quản lý tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng này Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng đã rất chủ động, quan tâm tới khâu quản lý kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong đó phòng kế toán tổng hợp đã góp phần không nhỏ vào thành công chung của công ty.

Qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đã thực hiện một cách khá hợp lý, đầy đủ và đúng theo các quy định chuẩn mực, chế độ kế toán ban hành của Bộ tài chính do Nhà nước quy định và đã cung cấp thông tin một cách đầy đủ cho bộ phận quản lý của công ty. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vận dụng các kiến thức đã được học trong nhà trường, tìm hiểu thực tế, nghiên cứu từ những bài làm của các anh chị khóa trước, khóa luận của em với đề tài: "Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng" đã đề cập đến những vấn đề sau:

- Về mặt lý luận: Đã nêu được những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Về mặt thực tế: Khóa luận đã phản ánh tương đối đầy đủ, trung thực về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

- Về biện pháp hoàn thiện: Đã đối chiếu giữa lý luận và tình hình thực tế tại công ty để thấy được những điểm mạnh cần phát huy và một vài hạn chế

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cần khắc phục. Từ đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Việc đưa ra những biện pháp hoàn thiện cũng dựa trên những lý luận chặt chẽ và chế độ chính sách của Nhà nước cùng tình hình thực tế của công ty nên rất mong sẽ giúp ích được phần nào đó cho công ty nói chung và bộ máy kế toán nói riêng, đặc biệt là cho phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do thời gian tham gia thực tế có hạn, cũng như trình độ và kinh nghiệm thực tế không nhiều, bài khóa luận của em không tránh khỏi không ít sai sót. Em rất mong nhận được sự đánh giá và góp ý của các thầy cô giúp cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Nguyễn Thị Thu và các anh chị kế toán tại Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Sinh viên

Đỗ Thị Yến

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
4. Quản trị tài chính doanh nghiệp - Th.s Võ Đăng Nam
5. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Đông
6. Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán của trường Đại học Kinh tế quốc dân. Chủ biên : PGS.TS. Nguyễn Thị Đông
7. Số liệu và bảng trích tài liệu từ nguồn tài liệu phòng kế toán tổng hợp Công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Hải Phòng.
8. Một số khóa luận của sinh viên khóa trên trong thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.